

TS. TRẦN VIỆT HÀ (Chủ biên)

AN NINH CON NGƯỜI TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HOÁ



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP

PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung:
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

ThS. PHẠM THỊ THỊNH

Biên tập nội dung:

ĐINH ÁI MINH

ThS. NGUYỄN THỊ HẢI BÌNH

BÙI BỘI THU

Trình bày bìa:

PHẠM THÚY LIỄU

Chế bản vi tính:

NGUYỄN QUỲNH LAN

Đọc sách mẫu:

ĐINH ÁI MINH

VIỆT HÀ

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 4854-2020/CXBIPH/1-347/CTQG.

Số quyết định xuất bản: 5609-QĐ/NXBCTQG, ngày 01/12/2020.

Nộp lưu chiểu: tháng 12 năm 2020.

Mã số ISBN: 978-604-57-6261-5.

**AN NINH CON NGƯỜI
TRONG BỐI CẢNH
TOÀN CẦU HOÁ**

**Biên mục trên xuất bản phẩm
của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Trần Việt Hà

An ninh con người trong bối cảnh toàn cầu hóa / Trần Việt
Hà ch.b. - H. : Chính trị Quốc gia, 2020. - 224tr. ; 21cm

ISBN 9786045757505

1. An ninh 2. Con người 3. Toàn cầu hóa
323 - dc23

CTF0484p-CIP

TS. TRẦN VIỆT HÀ (Chủ biên)

AN NINH CON NGƯỜI TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HOÁ

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2020**

TẬP THỂ TÁC GIẢ:

TS. TRẦN VIỆT HÀ (Chủ biên)

TS. ĐỖ THANH BÌNH

TS. LƯƠNG THỊ THU HƯỜNG

TS. NGUYỄN THỊ THANH HẢI

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

*T*rong những thập niên gần đây, an ninh con người và bảo đảm an ninh con người đang là mối quan tâm hàng đầu của nhiều quốc gia trên thế giới, Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế chung đó. An ninh con người trở thành vấn đề mang tính sống còn cho sự ổn định, thịnh vượng và phát triển của mỗi quốc gia - dân tộc. Tuy nhiên, toàn cầu hóa đang gây ra những tác động mạnh mẽ, khó đoán định cho an ninh con người nói chung và an ninh con người Việt Nam nói riêng.

Trong kỷ nguyên toàn cầu hóa, mức độ rủi ro đe dọa an ninh con người ngày càng gia tăng và trở nên phức tạp hơn bởi những tác động khó kiểm soát (như khủng hoảng tài chính, dịch bệnh, chất thải...). Những hiện tượng mới như vậy (bất kể là “tốt” hay “xấu”) đều có chung đặc tính là “khó đoán định” và các nhà nước không thể đứng ra giải quyết một cách đơn phương. Theo nhiều nhà nghiên cứu, các hiện tượng này là “sự gia tăng các rủi ro mang tính xuyên biên giới”.

Trước bối cảnh đó, người dân ở khắp nơi trên thế giới đều muốn có được sự an toàn về thân thể, thịnh vượng về vật chất, phong phú về tinh thần. Trong khi đó, với vai trò cung

ứng dịch vụ an ninh cho người dân thì các giải pháp an ninh truyền thống mà các quốc gia đã từng áp dụng đang trở nên kém hiệu quả.

Sự gia tăng rủi ro trong xu thế toàn cầu hóa đã chứng tỏ một điều rằng, ngày nay, tất cả mọi người, cá nhân, cộng đồng, nhà nước đều tồn tại trong tình trạng không an toàn. Do đó, một trong những nhiệm vụ cơ bản nhất của các thể chế chính trị là làm giảm sự không an toàn của người dân xuống mức thấp nhất có thể và làm sao cho sự cố kết bên trong xã hội không bị nguy hại. Những kinh nghiệm thực tiễn cho thấy các nhà nước phải nhanh chóng thay đổi phương thức quản trị của mình để tương thích với sự biến đổi của thế giới.

Để bảo đảm an ninh con người, các quốc gia phải tạo dựng được các môi trường kinh tế, chính trị, xã hội, quân sự, văn hóa, sinh thái... phát triển lành mạnh. Các yếu tố đó phải bảo đảm mục tiêu bảo vệ con người trước những mối đe dọa như đói nghèo, dịch bệnh, môi trường ô nhiễm, tội phạm, bất công, bạo lực, chiến tranh, xung đột, mất an toàn về thể xác hay bị lo lắng về tinh thần... Bằng những hành động thiết thực đang tiến hành, Canada, Liên minh châu Âu (EU), Trung Quốc... đã cho thấy, những nỗ lực trong chính sách an ninh con người của họ đã đem lại những hiệu ứng tích cực nhất định cho người dân của họ. Các chính sách mới ở những quốc gia này đã dần đem lại tình trạng an ninh tốt hơn cho người dân. Những thành công hay thất bại của các nhà nước đi

trước sẽ là những bài học tham khảo quý giá giúp cho Việt Nam đưa ra các sách lược an ninh con người phù hợp, nhằm hoàn thành mục tiêu xây dựng Việt Nam thành một quốc gia “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Sau hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đặc biệt là đời sống vật chất và tinh thần người dân không ngừng được nâng cao. Kết quả đó đã góp phần tạo lập nền tảng vững chắc để bảo vệ an ninh quốc gia và an ninh con người Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa, an ninh con người đang bị đe dọa nghiêm trọng bởi các tác nhân truyền thống và phi truyền thống. Vì vậy, việc nhận thức đầy đủ về an ninh con người để từ đó đề ra những phương hướng giải quyết là vấn đề có ý nghĩa quan trọng trên cả phương diện lý luận và thực tiễn.

Nhằm góp phần cung cấp tài liệu tham khảo cho các nhà quản lý, hoạch định chính sách nói riêng, bạn đọc nói chung quan tâm đến vấn đề trên, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách **An ninh con người trong bối cảnh toàn cầu hóa** do TS. Trần Việt Hà làm chủ biên. Cuốn sách cung cấp cho bạn đọc những hiểu biết chung về an ninh con người, các hiệu ứng do toàn cầu hóa gây ra cho an ninh con người; cũng như nghiên cứu các đối án tương thích - nhằm thực hiện mục tiêu tối thượng là “an ninh con người”, từ đó tác giả đề xuất một số biện pháp nhằm bảo đảm an ninh con người Việt Nam.

Những nội dung được tác giả đề cập trong cuốn sách là những vấn đề phức tạp, rộng lớn, có nhiều cách tiếp cận và đánh giá khác nhau. Vì vậy, cuốn sách khó tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót nhất định. Nhà xuất bản và tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 6 năm 2020

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chương I

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ AN NINH CON NGƯỜI TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA

I- AN NINH CON NGƯỜI

1. Khái niệm “an ninh”

“An ninh” là một trong những phạm trù quan trọng nhất trong sự tồn tại của con người và xã hội loài người. Quyền được bảo đảm về sự an toàn của con người như là một “lẽ phải tự nhiên”. Theo John Locke: “Dù ta có xét đến lẽ phải tự nhiên hay không, vốn nói rằng con người, một khi được sinh ra, có quyền bảo toàn với bản thân họ, và do đó, có quyền ăn, uống và những điều tương tự khác, là sự chu cấp tự nhiên cho sự tồn tại của họ”¹.

1. John Locke: *Khảo luận thứ hai về chính quyền*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2007, tr.61.

Trong khoa học chính trị và khoa học an ninh, “an ninh” là một khái niệm cơ bản, và cũng là một giá trị cơ bản. “An ninh” là điều kiện, tiền đề để cho loài người tồn tại có trật tự. Một cá nhân muốn sinh tồn thì phải có điều kiện tự nhiên của an ninh. John Locke khẳng định: “Vì theo luật tự nhiên làm căn bản đó, con người được quyền bảo toàn đến mức tối đa có thể được. Khi mà tất cả đều không thể bảo vệ được, thì sự an toàn của người vô tội là điều được ưu tiên”¹.

Trong một xã hội, nhà nước bao giờ cũng là chủ thể cơ bản để bảo vệ an ninh con người. Một quốc gia muốn tồn tại thì ngoài việc cần phải có đầy đủ các điều kiện trong nước đối với các loại an ninh, còn cần phải có một môi trường an ninh quốc tế.

“An ninh” trong tiếng Anh có các từ *Security* và *Safety*, có nghĩa gốc là tránh khỏi trạng thái hoặc cảm giác lo lắng sợ hãi và nguy hiểm, tức là tránh hoài nghi và không xác định². Theo nghĩa này thì khái niệm “an ninh” được hiểu rất rộng, tức là tình trạng không hiểm nguy, không lo sợ; và còn có hàm ý được bảo vệ an toàn. Thế theo đó, *an ninh được*

1. John Locke: *Khảo luận thứ hai về chính quyền*, Sđd, tr.49.

2. Xem Philip Babcock Gove: *Webster's Third New International Dictionary of the English Language*, Published by G. & C. Merriam Co, 1976, p.2053.

hiểu là tình trạng không tồn tại sự đe dọa, nguy hiểm đối với chủ thể người (ở cấp độ cá nhân cũng như cộng đồng).

Từ điển Webster định nghĩa: An ninh là chất lượng hay tình trạng được an toàn như: a) không có nguy hiểm; b) không có sợ hãi hay lo âu; c) không có thiếu thốn hay nghèo khổ.

Bởi vậy, mục tiêu của bảo đảm an ninh là bảo vệ (một đối tượng xác định) trước những nguy cơ đe dọa.

Với nghĩa tiếng Việt, an ninh là trật tự xã hội, tình hình chính trị yên ổn, không lộn xộn, không có sự phản kháng, không nguy hiểm. Theo đó, an ninh trong tiếng Việt nhấn mạnh đến sự an toàn, ổn định về chính trị của một chế độ.

Học giả người Anh, Barry Buzan cho rằng, an ninh là “sự theo đuổi việc tránh khỏi mối uy hiếp”¹, thể hiện “năng lực bảo vệ quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, chống lại thế lực thù địch”².

Arnold Wolfers cho rằng, an ninh là “một loại đánh giá/nhận định”. “Về mặt khách quan, nó phản ánh tình trạng không tồn tại mối uy hiếp đối với giá trị đã giành được. Về mặt chủ quan, nó phản ánh tình trạng không tồn tại nỗi lo sợ về việc những giá

1, 2. Bill McSweeney: *Security, Identity and Interests*, Cambridge Press, 1999, p.27.

trị đó bị tấn công". An ninh là "điểm đầu và điểm cuối" trong nghiên cứu chính trị quốc tế. Tuy nhiên, theo ông, nội dung của khái niệm này vẫn còn chưa thật rõ ràng¹.

Đi sâu vào khái niệm "an ninh", các học giả phương Tây cho rằng, có năm vấn đề:

Thứ nhất, giá trị nào bị tấn công?

Thứ hai, sự uy hiếp những giá trị đó là gì?

Thứ ba, biện pháp có thể dùng để đối phó với uy hiếp là như thế nào?

Thứ tư, khi bị uy hiếp thì ai là người đứng ra bảo vệ?

Thứ năm, ai sẽ chi phí cho an ninh và bảo vệ?

Đối với an ninh quốc gia, thì sự xâm phạm chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, độc lập chính trị chính là mối uy hiếp đối với an ninh quốc gia. Nhưng cũng có mối uy hiếp đến từ nội bộ xã hội như: xung đột xã hội, nội chiến và những sự việc hoặc vấn đề khác nữa.

Như vậy, có nhiều cách định nghĩa khác nhau về an ninh. Xét từ góc độ nghiên cứu rủi ro và khủng hoảng thì: An ninh trước hết được hiểu như: về nhận thức, an ninh là sự đánh giá về khả năng và mức độ rủi ro đang xảy ra hoặc có khả năng xảy ra; về thực

1. Xem Arnold Wolfers: *National Security as an Ambiguous Symbol*, Political Science Quarterly Publisher, 1952, p.67.

tiễn, an ninh là hệ thống bao gồm các biện pháp cùng với thể chế tương ứng - nhằm hóa giải/hạn chế/kiểm soát các rủi ro đó.

An ninh không chỉ phản ánh hiện thực khách quan mà còn đề cập đến một trạng thái tâm lý - cảm giác an toàn và đối lập với nó là cảm giác bất an. Bất an là một trạng thái tâm lý bình thường và phổ biến của con người, không những vậy nó còn phản ánh sự lành mạnh của con người xét ở phương diện sinh học, thể hiện sự nhạy cảm của con người trước những rủi ro. Tuy nhiên, khi bất an trở thành trạng thái tâm lý phổ biến thì đó là vấn đề đáng lo ngại bởi nó nói lên tính đe dọa đối với cộng đồng xã hội. Nếu bất an trở thành hiện tượng xã hội phổ biến, con người sẽ phải đổi mới với những rủi ro, đó là sự khủng hoảng tâm lý có tính chất toàn diện và sâu sắc. Con người cảm nhận về sự bất an rất khác nhau vì cảm giác không chỉ đơn thuần là một kích thích mà nó còn là hệ quả của quá trình nhận thức.

Tóm lại, an ninh có thể được khái quát như sau: về khách quan là không có sự uy hiếp, về chủ quan là không có sự lo sợ. *An ninh là trạng thái ổn định, an toàn, không có dấu hiệu nguy hiểm đe dọa sự tồn tại và phát triển bình thường của cá nhân, của tổ chức, của từng lĩnh vực hoạt động xã hội hoặc của toàn xã hội.*

Trên thực tế, bất kể nhìn vấn đề từ chiều cạnh nào, an ninh cùng với cảm giác và trạng thái tâm lý con người đều không tách rời nhau. Trước sự nguy hiểm chưa phát sinh trong thực tế, đây không phải là an ninh mà mọi người bàn luận, thực ra chỉ là sự phán đoán chủ quan trước sự uy hiếp. Tình thế đó liệu có trở thành mối đe dọa đối với an ninh quốc gia hay không là tùy thuộc vào sự phán đoán khác nhau của mỗi người. Có thể có người sợ hãi, có người không sợ hãi, có người cho rằng đó là đe dọa, cũng có người cho rằng đó không phải là đe dọa. Ví dụ, việc Mỹ đưa quân can thiệp ở Trung Đông, thì nhận thức của đại đa số người Mỹ trong nội bộ nước Mỹ và Chính phủ Mỹ là không đồng nhất với nhau. Chính phủ Mỹ cho rằng, giải quyết vấn đề Trung Đông có liên quan mật thiết đến lợi ích an ninh của nước Mỹ, còn cách nhìn nhận của đại đa số người dân nước Mỹ thì ngược lại.

Như vậy, có thể nhận thức rằng, an ninh trong thời gian khác nhau, ở những địa điểm khác nhau, sự việc khác nhau, đối tượng khác nhau, thì sẽ có cách hiểu khác nhau. Từ cách xem xét về an ninh như vậy nên có thể gắn “an ninh” cho những thực thể xã hội khác nhau.

2. Khái niệm “con người”

Con người là một trong những vấn đề trung tâm và quan trọng, luôn được các nhà khoa học, các nhà

nghiên cứu và hoạch định chính sách của các quốc gia trên thế giới quan tâm, phân tích một cách sâu sắc nhất.

Triết học Mác - Lênin coi con người là một thực thể tự nhiên mang đặc tính xã hội, có sự thống nhất biện chứng giữa hai phương diện tự nhiên và xã hội. Tiền đề vật chất đầu tiên quy định sự hình thành, tồn tại và phát triển của con người chính là giới tự nhiên. Bản tính tự nhiên là một trong những phương diện cơ bản của con người, loài người.

Vì vậy, việc nghiên cứu, khám phá khoa học về cấu tạo tự nhiên và nguồn gốc tự nhiên của con người là cơ sở khoa học quan trọng để con người hiểu biết về chính bản thân mình, tiến đến làm chủ bản thân mình trong mọi hành vi và hoạt động sáng tạo ra lịch sử của nó, tức lịch sử nhân loại.

Thứ nhất, bản tính tự nhiên của con người

Con người là kết quả của quá trình tiến hóa và phát triển lâu dài của giới tự nhiên. Cơ sở khoa học của kết luận này đã được chứng minh bằng toàn bộ sự phát triển của chủ nghĩa duy vật và khoa học tự nhiên, đặc biệt là học thuyết của Đácuyn về sự tiến hóa của các loài.

Con người là một bộ phận của giới tự nhiên và đồng thời giới tự nhiên cũng “là thân thể vô cơ của con người”. Do vậy, những biến đổi của giới tự nhiên

và tác động của quy luật tự nhiên trực tiếp hoặc gián tiếp thường xuyên quy định sự tồn tại của con người và xã hội loài người, nó là môi trường trao đổi vật chất giữa con người và giới tự nhiên; mặt khác, sự biến đổi và hoạt động của con người, loài người luôn tác động trở lại môi trường tự nhiên, làm biến đổi môi trường đó. Đó chính là mối quan hệ biện chứng giữa sự tồn tại của con người, loài người và các tồn tại khác của giới tự nhiên.

Tuy nhiên, con người không đồng nhất với các tồn tại khác của giới tự nhiên, nó mang đặc tính xã hội bởi vì mỗi con người với tư cách là “người” chính là xét trong mối quan hệ của các cộng đồng xã hội, đó là các cộng đồng: gia đình, giai cấp, quốc gia, dân tộc, nhân loại... Do vậy, bản tính xã hội nhất định phải là một phương diện khác của bản tính con người (đây có thể coi là bản tính đặc thù của con người).

Thứ hai, bản tính xã hội của con người

Một là, từ góc độ nguồn gốc hình thành, loài người không phải chỉ có nguồn gốc từ sự tiến hóa, phát triển của vật chất tự nhiên mà còn có nguồn gốc xã hội của nó, mà trước hết và cơ bản nhất là nhân tố lao động. Chính nhờ lao động mà con người có khả năng vượt qua tính loài vật để tiến hóa và phát triển thành người. Đó là một trong những phát hiện đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin, qua đó có thể hoàn

chính học thuyết về nguồn gốc của loài người, điều mà tất cả các học thuyết trong lịch sử đều chưa có lời giải đáp đúng đắn và đầy đủ.

Hai là, từ góc độ tồn tại và phát triển, thì sự tồn tại của loài người luôn bị chi phối bởi các nhân tố xã hội và các quy luật xã hội. Xã hội biến đổi thì mỗi con người cũng có sự thay đổi tương ứng. Ngược lại, sự phát triển của mỗi cá nhân lại là tiền đề cho sự phát triển của xã hội. Ngoài mối quan hệ xã hội thì mỗi con người chỉ tồn tại với tư cách là một thực thể sinh vật thuần túy, không thể là “con người” với đầy đủ ý nghĩa của nó.

Hai mặt tự nhiên và xã hội của con người tồn tại trong chính thể mang tính thống nhất, quy định lẫn nhau, tác động lẫn nhau, làm biến đổi lẫn nhau, nhờ đó tạo nên khả năng hoạt động sáng tạo của con người trong quá trình làm ra lịch sử của chính con người. Vì thế, nếu lý giải bản chất sáng tạo của con người đơn thuần chỉ từ góc độ bản tính tự nhiên hoặc chỉ từ bản tính xã hội thì đều là phiến diện, không triệt để và nhất định cuối cùng sẽ dẫn đến những kết luận sai lầm trong nhận thức và thực tiễn.

Trong lịch sử tư tưởng nhân loại đã có nhiều quan niệm khác nhau về bản chất, “bản tính người” của con người, nhưng về cơ bản những quan niệm đó

thường rơi vào phiến diện, trừu tượng và duy tâm, thần bí. Trong tác phẩm *Luận cương về Phoi-o-Bắc*, C.Mác đã phê phán vắn tắt những quan niệm đó và khẳng định: “bản chất con người không phải là một cái trừu tượng cổ hũu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội”¹.

Hạn chế cơ bản của quan niệm duy vật siêu hình, trực quan là đã trừu tượng hóa, tuyệt đối hóa mặt tự nhiên của con người, thường xem nhẹ việc lý giải con người từ phương diện lịch sử xã hội của nó, do đó về cơ bản chỉ thấy hoặc đề cao bản tính tự nhiên của con người. Khác với quan niệm đó, quan niệm duy vật biện chứng về con người trong khi thừa nhận bản tính tự nhiên của con người còn lý giải con người từ góc độ các quan hệ lịch sử xã hội, từ đó phát hiện bản tính xã hội của nó. Hơn nữa, chính bản tính xã hội của con người là phương diện bản chất nhất của con người với tư cách “người”, phân biệt con người với các tồn tại khác của giới tự nhiên.

Như vậy, có thể định nghĩa *con người là một thực thể tự nhiên nhưng đó là thực thể tự nhiên mang đặc tính xã hội*. Bản chất của con người, xét trên

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.3, tr.11.

phương diện tính hiện thực của nó, chính là “tổng hòa những quan hệ xã hội” bởi vì xã hội chính là xã hội của con người, điều được tạo nên từ toàn bộ các quan hệ giữa người với người trên các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa,...

Theo quan điểm duy vật biện chứng về bản chất xã hội của con người thì sự hình thành và phát triển của con người cùng khả năng sáng tạo lịch sử của con người cần phải được tiếp cận từ góc độ phân tích và lý giải sự hình thành và phát triển của những quan hệ xã hội của con người trong lịch sử. Không có con người phi lịch sử, mà trái lại luôn gắn với những điều kiện hoàn cảnh lịch sử nhất định. Cần phải xuất phát từ quan niệm như vậy mới có thể lý giải đúng đắn về khả năng sáng tạo lịch sử của con người.

Con người, xét từ góc độ bản chất xã hội của nó, là sản phẩm của lịch sử; lịch sử sáng tạo ra con người trong chừng mực nào thì con người lại cũng sáng tạo ra lịch sử trong chừng mực đó. Đây là biện chứng của mối quan hệ giữa con người - chủ thể của lịch sử với chính lịch sử do nó tạo ra và đồng thời lại bị quy định bởi chính lịch sử đó. Như vậy, có thể thấy, hạn chế cơ bản của quan niệm duy vật siêu hình về bản chất của con người chính là ở chỗ chỉ nhận thấy tính quyết định của hoàn cảnh lịch sử đối

với con người mà không nhận thấy mối quan hệ sáng tạo của con người trong quá trình cải tạo hoàn cảnh và do đó cũng chính là cải tạo bản thân con người. C.Mác đã khẳng định: “Cái học thuyết duy vật chủ nghĩa muốn rằng con người là sản phẩm của những hoàn cảnh và của giáo dục, rằng do đó con người đã biến đổi là sản phẩm của những hoàn cảnh khác và của một nền giáo dục đã thay đổi, - cái học thuyết ấy quên rằng chính những con người làm thay đổi hoàn cảnh và bản thân nhà giáo dục cũng cần phải được giáo dục”¹. Trong tác phẩm *Biện chứng của tự nhiên*, Ph.Ăngghen cũng cho rằng: “Thú vật cũng có một lịch sử, chính là lịch sử nguồn gốc của chúng và lịch sử phát triển dần dần của chúng cho tới trạng thái hiện nay của chúng. Nhưng lịch sử ấy không phải do chúng làm ra và trong chừng mực mà chúng có tham dự vào việc làm ra lịch sử ấy thì điều đó diễn ra mà chúng không hề biết và không phải do ý muốn của chúng. Ngược lại, con người càng cách xa con vật, hiểu theo nghĩa hẹp của từ này bao nhiêu thì con người lại càng tự mình làm ra lịch sử của mình một cách có ý thức bấy nhiêu”².

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.10.

2. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Sđd, t.20, tr.476.

Như vậy, với tư cách là thực thể xã hội, con người trong hoạt động thực tiễn, thông qua hoạt động thực tiễn, tác động vào giới tự nhiên, làm cải biến giới tự nhiên theo nhu cầu sinh tồn và phát triển của mình thì đồng thời con người cũng sáng tạo ra lịch sử của chính mình, thực hiện sự phát triển của lịch sử đó. Không có con người trừu tượng, chỉ có con người cụ thể trong mỗi giai đoạn phát triển nhất định của xã hội. Bản chất con người trong mỗi quan hệ với điều kiện lịch sử xã hội luôn luôn vận động, biến đổi cũng phải thay đổi cho phù hợp. Bản chất con người không phải là một hệ thống đóng kín, mà là hệ thống mở, tương ứng với điều kiện tồn tại của con người.

3. Khái niệm “an ninh con người”

Hiện nay, vấn đề an ninh con người đang thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều học giả, chính trị gia, nhà nước, tổ chức quốc tế và khu vực. Các nhà nghiên cứu đưa ra các quan niệm về an ninh con người hay an ninh, an toàn của con người được hiểu khá tương đồng với nhau. Các cách hiểu này được nảy sinh gắn liền với những nếm trải của con người qua các cuộc chiến tranh, xung đột và những mâu thuẫn nảy sinh trong cuộc sống của nhân loại, quốc gia - dân tộc, cộng đồng người, gia đình và bản thân mỗi con người.

Ở phạm vi hẹp, an ninh con người hầu hết đề cập đến bảo vệ cá nhân khỏi những mối đe dọa bạo lực, cụ thể như: xung đột vũ trang, bất hòa dân tộc, nhà nước không hoạt động như mong đợi, buôn lậu nhỏ có vũ trang...¹.

Ở phạm vi rộng, an ninh con người đề cập đến giải quyết một dãy những nhu cầu con người và tự do được xác định để bảo đảm hạnh phúc của cá nhân, cũng như bảo vệ các cá nhân khỏi những mối đe dọa.

Trong quan niệm của nhiều quốc gia được đưa ra trong các bản “Tuyên ngôn độc lập” hay “Tuyên bố về nhân quyền” đều khẳng định, con người sinh ra có quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc, quyền phát triển. Con người với tư cách công dân của xã hội, trong xã hội công dân phải được bảo đảm quyền tồn tại và phát triển đúng nghĩa con người cho dù con người đó sống ở đâu, quốc gia nào, khu vực nào trên trái đất này. Đó có thể coi là những sự trải nghiệm giá trị, thành quả tư duy, nhận thức của nhân loại.

Chẳng hạn, Chính phủ Nhật Bản đã định nghĩa an ninh con người là việc bảo vệ “cốt lõi sống còn của

1. Xem Taylor Owen: *Challenges and Opportunities for Defining and Measuring Human Security*, Publisher Geneva, 2004, pp.15-24.

cuộc sống con người theo cách hoàn thiện tự do của con người và đáp ứng nhu cầu con người”¹.

Với quan điểm này, Nhật Bản đã chỉ rõ, những quyền cơ bản của con người được coi là “cốt lõi của cuộc sống” và chúng cần được bảo vệ. Do đó, an ninh con người, về thực chất là việc bảo đảm cho những quyền như vậy không bị xâm hại, ở bất cứ đâu và vào bất cứ lúc nào.

Trong Báo cáo phát triển con người của Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) năm 1994, đã đề cập một cách khá toàn diện đến khái niệm “an ninh con người”. Theo báo cáo này: An ninh con người có nghĩa là an toàn thoát khỏi các mối đe dọa về đói nghèo, bệnh tật, tội phạm, sự đàn áp. Nó cũng có nghĩa bảo vệ khỏi sự đe dọa có hại và bất ngờ trong mẫu hình của đời sống hằng ngày tại gia đình, trong công việc, trong cộng đồng hay trong môi trường của chúng ta.

Như vậy, theo quan niệm của tổ chức UNDP, an ninh con người thể hiện ở hai khía cạnh cơ bản: (1) An toàn trước các mối đe dọa triền miên như đói khát, bệnh tật, áp bức...; (2) Con người phải được bảo vệ trước những biến động bất thường và có hại đối với

1. Commission on Human Security: “Human Security Now”, New York, 2003, p.4.

cuộc sống hằng ngày, bất kể con người đang sống trong môi trường nào.

Có thể hiểu hai khía cạnh trên mang hàm ý rất rộng khi hiểu về bản chất của an ninh con người. Tuy nhiên, việc bảo đảm an ninh con người lại cần các giải pháp tổng thể nhưng lại phải hết sức cụ thể: từ sự đáp ứng những nhu cầu thiết yếu nhất cho đến sự an toàn, không phải âu lo của con người. Nội dung của Báo cáo chỉ rõ an ninh con người có bốn đặc trưng cơ bản:

Thứ nhất, an ninh con người mang tính chất phổ biến. Tuy ở các quốc gia có sự phát triển khác nhau (mạnh, yếu; giàu, nghèo; nước lớn hay nhỏ), có sự khác nhau về mức độ, tính chất các nguy cơ đe dọa tới an ninh con người ở nơi này, nơi khác song đó là thực tế và đang có xu hướng gia tăng trên toàn cầu.

Thứ hai, những yếu tố tạo thành, tác động, ảnh hưởng đến an ninh con người đều có mối tương liên, phụ thuộc, tác động chuyển hóa lẫn nhau. Con người với tư cách công dân của cộng đồng xã hội, dù sống trong không gian, thời gian nào đó nếu bị đe dọa bởi: đói nghèo, bệnh tật, ma túy, xung đột sắc tộc, tôn giáo, chiến tranh xung đột... thì phần còn lại của thế giới chắc chắn sẽ bị ảnh hưởng, liên quan.

Thứ ba, các nguy cơ, yếu tố tác động tới an ninh con người cần phải được ngăn ngừa sớm, như là

phòng hơn chống. Điều này đòi hỏi trách nhiệm và nghĩa vụ của cộng đồng, nhà nước - dân tộc, tổ chức quốc tế, khu vực và cả thế giới, thậm chí của từng gia đình, cá nhân trong việc phòng, chống nguy cơ đe dọa an ninh con người.

Thứ tư, an ninh con người đang được hầu hết các nhà nước - dân tộc xác định con người vừa là mục tiêu vừa là động lực hay con người là trung tâm. An ninh thế giới, an ninh quốc gia, an ninh xã hội, an ninh cộng đồng và an ninh con người đều có quan hệ tương liên, suy cho cùng cũng là vì con người, do con người và cho con người.

Với phương pháp tiếp cận trên về khái niệm, đặc trưng, nội hàm của an ninh con người, Liên hợp quốc đã đưa ra bảy nhân tố cấu thành, tác động đến an ninh con người, bao gồm: (1) an ninh kinh tế; (2) an ninh lương thực; (3) an ninh sức khỏe; (4) an ninh môi trường; (5) an ninh cá nhân; (6) an ninh cộng đồng; (7) an ninh chính trị. Các nhân tố này chịu tác động, ảnh hưởng đến an ninh con người từ nhiều góc độ, phương diện khác nhau, tùy theo hoàn cảnh không gian, thời gian, điều kiện, môi trường, hoàn cảnh, ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến từng người, cộng đồng người nhất định.

An ninh kinh tế, theo mức độ và quy mô tác động đến con người, song trực tiếp và nổi cộm là bảo đảm

an sinh xã hội, việc làm, thắt nghiệp, nhất là thu nhập của người lao động, tạo điều kiện, cơ sở vật chất thực hiện, bảo đảm cuộc sống, an ninh cho con người, bảo đảm quyền sống và phát triển.

An ninh lương thực, bảo đảm cho con người không bị đói, bảo đảm cung cấp đủ chất dinh dưỡng cho cuộc sống con người có hiệu quả. Đòi hỏi xã hội, dự trữ và phân phối lương thực có hiệu quả, bảo đảm mọi người đều có cơ hội và khả năng cung ứng lương thực. Theo báo cáo năm 2018 của Ngân hàng Thế giới (WB), dù đạt được những bước tiến trong quá trình giảm nghèo cùng cực, số người nghèo trên thế giới vẫn cao ở mức không thể chấp nhận được. Gần một nửa dân số thế giới 3,4 tỷ người, đang sống chỉ với ít hơn 5,5 USD/ngày (khoảng 128.000 đồng) và tỷ lệ người nghèo trong các nền kinh tế giàu có đang ngày càng tăng lên. Hiện còn 1,3 tỷ người trên thế giới sống trong cảnh nghèo đói với số tiền ít hơn 30.000 VND/ngày. Nghèo đói cũng là nguyên nhân dẫn đến tử vong của hàng triệu trẻ em mỗi năm.

Hiện nay, cộng đồng quốc tế đồng thuận mục tiêu xóa đói giảm nghèo, coi phát triển bền vững là một trong những mục tiêu thiên niên kỷ, thực chất cũng chính là hướng đến thực hiện quyền con người, quyền sống, tự do, bình đẳng.

An ninh sức khỏe, sức khỏe là vốn quý của con người. Sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần của con người chịu sự tác động của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. An ninh con người trước hết và trên hết bao đảm an toàn cho con người trước mọi nguy cơ đe dọa tới sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần. Bảo đảm điều kiện vật chất trong cuộc sống và sinh hoạt, dịch vụ chăm sóc về y tế, bảo hiểm xã hội, phòng ngừa và chống lại dịch bệnh hiểm nghèo... và nhất là sống trong môi trường xã hội, an sinh xã hội, an ninh xã hội được bảo đảm phát triển con người hoàn thiện và bền vững.

An ninh môi trường, con người sống, tồn tại và phát triển trong môi trường tự nhiên và xã hội nhất định. Con người là một thực thể của tự nhiên, cải tạo, chinh phục thiên nhiên phục vụ con người. Song, do những nguyên nhân chủ quan và khách quan, môi trường sống của con người ngày càng ô nhiễm: ô nhiễm đất đai, ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm không khí, cạn kiệt tài nguyên, gây nên hiệu ứng nhà kính, biến đổi khí hậu, hạn hán, bão lụt, động đất, sóng thần... đã và đang đe dọa nghiêm trọng đến cuộc sống của con người. Thiên nhiên “nổi giận”, “trừng phạt”, đe dọa nghiêm trọng đến cuộc sống bình an của con người. Ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu... trở thành vấn đề toàn cầu cấp bách,

đe dọa đến sự tồn vong của nhân loại, đến an ninh toàn cầu và mỗi con người.

An ninh cá nhân, suy cho cùng, an ninh con người cũng là sự bảo toàn cho từng cá nhân trong cộng đồng, trong xã hội nhất định, là mục tiêu cuối cùng. Song ở đây nhấn mạnh an ninh cá nhân là sự bảo đảm cho mỗi người trước nguy cơ đe dọa từ hành vi bạo lực, như: tra tấn, lao động khổ sai, chiến tranh, xung đột sắc tộc, tôn giáo, khủng bố, bạo lực gia đình, lạm dụng trẻ em...

An ninh cộng đồng, con người sống, mưu cầu hạnh phúc thường là gắn với gia đình, nhóm người, cộng đồng người, quốc gia - dân tộc, cộng đồng xã hội nhất định. An ninh cộng đồng, hay cũng có thể hiểu an ninh xã hội nhất định trong đó có con người, từng công dân sinh sống được bảo đảm là điều kiện, cơ sở thực hiện an ninh con người. An ninh con người được bảo đảm cũng có nghĩa an ninh xã hội, an ninh cộng đồng được giữ vững.

An ninh chính trị, con người thường sống và mưu cầu hạnh phúc gắn với cộng đồng người, gắn với xã hội, thể chế chính trị - xã hội nhất định. Sự ổn định chính trị - xã hội là yếu tố cơ bản, tiền đề để xã hội phát triển. Sự ổn định chính trị - xã hội, cũng đồng nghĩa an ninh chính trị - xã hội được giữ vững. Đó là tiền đề bảo đảm, thực thi quyền con người, con

người được bảo đảm, an toàn, tự do, phát triển cả về thể chất và tinh thần.

Như vậy, những lĩnh vực trên thể hiện tổng hòa của các mối quan hệ, giao thoa, chồng lấn, trực tiếp và gián tiếp đến an ninh con người từ các khía cạnh, góc độ, quy mô khác nhau. Điều đó cũng khẳng định rằng, “an ninh con người” là khái niệm mang nội hàm, đặc trưng toàn diện, lấy mục tiêu con người là đầu tiên và cũng là cuối cùng; vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển trong thế giới hiện đại.

Từ cách tiếp cận trên, có thể nhận thấy; mục tiêu của an ninh con người là “tất cả vì con người”, “con người làm trung tâm trong hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia”. Theo đó, việc xây dựng tiêu chí, chỉ số đo lường về an ninh con người được dựa trên các nhân tố: an ninh kinh tế; an ninh sức khỏe; an ninh chính trị; an ninh môi trường; an ninh giáo dục... Những tiêu chí, chỉ số đo lường trong nội hàm an ninh con người luôn được bổ sung, mở rộng và cụ thể hóa tùy theo thời gian, môi trường, điều kiện, hoàn cảnh nhất định.

Như vậy, khi gắn *an ninh* với *con người*, có thể định nghĩa *an ninh con người* như sau:

An ninh con người được hiểu là việc bảo vệ các quyền cơ bản của con người trước những nguy cơ

xâm hại, đe dọa... Nhờ việc được bảo vệ như vậy, mỗi cá nhân (nói riêng) và cộng đồng (nói chung) có được đời sống yên ổn và cơ hội phát triển.

II- KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC TRƯNG CỦA TOÀN CẦU HÓA

1. Khái niệm “toàn cầu hóa”

Toàn cầu hóa là một xu thế phát triển lớn của thế giới ngày nay. Nó là thuật ngữ thông dụng mà các học giả, các chính trị gia dùng để miêu tả đặc trưng của thời đại. Vậy toàn cầu hóa là gì? Và đâu là nội dung cơ bản mà khái niệm toàn cầu hóa hàm chứa? Để trả lời cho những câu hỏi này, có nhiều cách lý giải khác nhau đã được đưa ra:

(1) Toàn cầu hóa là một quá trình phức tạp, thể hiện ra dưới dạng những dòng tư tưởng, tư bản, kỹ thuật, và hàng hóa ở quy mô lớn, đang tăng tốc và khuếch trương trên toàn thế giới và gây ra những biến đổi căn bản trong xã hội của chúng ta¹.

(2) Toàn cầu hóa được hiểu như cách thức diễn đạt một cách ngắn gọn cái quá trình mở rộng phổ của

1. Xem Phạm Thái Việt: *Toàn cầu hóa - Những biến đổi lớn trong đời sống chính trị quốc tế và văn hóa*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2006, tr.21.

các quan hệ sản xuất, giao tiếp và công nghệ ra khắp thế giới. Quá trình này đã làm cho các hoạt động kinh tế và văn hóa đan bện vào nhau¹.

(3) Toàn cầu hóa như một quá trình (hoặc một tập hợp gồm nhiều quá trình) làm biến dạng kết cấu không gian của các quan hệ và giao dịch xã hội. Quá trình này làm nảy sinh các dòng chảy xuyên lục địa hoặc liên khu vực và làm xuất hiện các mạng lưới hoạt động, tương tác giữa các quyền lực².

(4) Toàn cầu hóa là một quá trình không thể đảo ngược và là sự hợp nhất giữa các khuynh hướng như: quá trình quốc tế hóa toàn bộ đời sống xã hội, sự phụ thuộc lẫn nhau xuyên quốc gia của các công ty, sự phối hợp hành động của các tổ chức quốc tế khác nhau, và kèm theo đó là quá trình tự do hóa các hình thức giao dịch kinh tế và xã hội hết sức đa dạng. Toàn cầu hóa không chỉ mở ra các kênh mới của quá trình lưu chuyển các nguồn tài chính, trí tuệ, con người và vật chất một cách tự do xuyên biên giới; mà đồng thời còn tạo ra những biến đổi

1. Smith M. K. and Smith M.: “Globalization: The Encyclopedia of Informal Education”, 2002, <http://www.infed.org/biblio/globalization.htm>.

2. Xem David Herbert: *Religion and Civil Society*, Ashgate Publishing, 2005.

sâu sắc mang tính bản chất đối với đời sống cũng như hoạt động của mỗi quốc gia (nói riêng) và các dân tộc (nói chung)¹.

(5) Toàn cầu hóa hay quốc tế hóa (Internationalization) là một quá trình được các nhà nước kiến tạo một cách chủ động để buôn bán hàng hóa, dịch vụ của mình sang các nước khác².

(6) Toàn cầu hóa là phương Tây hóa (đặc biệt là Mỹ hóa) hay hiện đại hóa. Nó là cơ chế hủy diệt những nền văn hóa và những thể chế tự trị hiện hành, để thay vào đó bằng một cấu trúc xã hội nhất dạng (chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa duy lý, chủ nghĩa công nghiệp)³.

(7) Toàn cầu hóa là quá trình phân rã lãnh thổ nhà nước dân tộc để tạo ra một không gian siêu lãnh thổ. Nói cách khác, nó đang cơ cấu lại không gian xã hội vốn trước đó vẫn dựa vào địa lý, khiến cho những sự kiện mang tính địa phương có ảnh hưởng đến

1. Xem Phạm Thái Việt: *Toàn cầu hóa - Những biến đổi lớn trong đời sống chính trị quốc tế và văn hóa*, Sđd, tr.122.

2. Xem Hirst.p & Thomson. G: “Globalization in Question: the International Economy and the Possibilities of Governance”, *Cambridge Mass*, 1996, pp.8-10.

3. Xem UNDP: *Human Development Report 1994, New Dimensions of Human Security*, Oxford University Press, New York, 1994, pp.24-25.

toàn thế giới, và ngược lại; nó làm nảy sinh những dòng chảy và mạng lưới hoạt động xuyên lục địa, liên khu vực¹.

(8) Toàn cầu hóa là sự “thu nhỏ” địa cầu bởi tốc độ giao tiếp, bởi sự xuyên thấu vào nhau cũng như tương thuộc lẫn nhau về thông tin, bởi quá trình “Internet hóa” nhiều mặt trong đời sống hiện đại - với tư cách là hệ quả rút ra từ sự tiến bộ như vũ bão của khoa học kỹ thuật².

(9) Toàn cầu hóa là sự hình thành nên một trật tự thế giới tùy thuộc lẫn nhau của các quan hệ siêu quốc tế và xuyên quốc gia. Những mối liên hệ này đang chuyển hóa mạnh mẽ các cơ chế giải quyết vấn đề nội bộ sang một cơ chế thống nhất chung cho toàn nhân loại³.

(10) Toàn cầu hóa là dự án chiến lược, được hiện thực hóa bởi toàn nhân loại, nhằm tác động một cách có ý thức và có chủ đích đến các quá trình tự phát của sự phát triển toàn cầu để tạo ra một tương lai mong muốn và thịnh vượng cho con người, bằng cách dựa vào các nguồn phát triển bền vững⁴.

1, 2, 3, 4. Xem Phạm Thái Việt: *Toàn cầu hóa - Những biến đổi lớn trong đời sống chính trị quốc tế và văn hóa*, Sđd, tr.24, 24, 26, 26.

Những thống kê bước đầu đã cho thấy, ý niệm về toàn cầu hóa còn quá phân tán và khác biệt. Cũng có thể nhận ra đặc điểm này qua nhiều cuộc hội thảo quốc tế về toàn cầu hóa trong những năm gần đây.

Bởi vậy cần phải triển khai phương án tìm kiếm những điểm chung mà các hệ phái đó ít nhiều đã thừa nhận. Dưới đây là những thừa nhận chung của các nhà nghiên cứu về toàn cầu hóa¹:

(1) Toàn cầu hóa làm tăng mức độ phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước và giữa các dân tộc trên thế giới.

(2) Toàn cầu hóa hình thành nên các thị trường tài chính, hàng hóa và dịch vụ ở cấp độ toàn thế giới, hay là một nền kinh tế thế giới thống nhất.

(3) Toàn cầu hóa làm nảy sinh không gian thông tin toàn cầu, theo đó, hoạt động giao tiếp giữa các chủ thể không còn lệ thuộc nhiều vào không gian địa lý và thời gian vật lý.

(4) Toàn cầu hóa chuyển hóa tri thức thành các đơn vị cơ bản của tài sản xã hội, và do đó, tiến đến thay thế loại hình lao động truyền thống bằng lao động sáng tạo.

1. Xem Phạm Thái Việt: *Toàn cầu hóa - Những biến đổi lớn trong đời sống chính trị quốc tế và văn hóa*, Sđd, tr.26.

(5) Toàn cầu hóa làm cho các giá trị tự do, dân chủ (trước hết là các giá trị gắn với nhân quyền) thẩm thấu một cách mạnh mẽ vào thực tiễn quan hệ quốc tế, cũng như vào đời sống chính trị trong nước.

Với những nhận thức trên, có thể đi đến một cách hiểu chung nhất về toàn cầu hóa là: *Toàn cầu hóa được hiểu như cách thức diễn đạt ngắn gọn cái quá trình mở rộng phổ và các mối liên hệ sản xuất, của giao tiếp và của công nghệ - ra khắp thế giới. Quá trình mở rộng như vậy đã làm cho các hoạt động kinh tế và văn hóa đan bện vào nhau*¹.

Trên nền tảng của những đánh giá chung như vậy, chúng ta sẽ có cơ sở để bàn về các đặc trưng của toàn cầu hóa, để từ đó, đi đến nhận diện quá trình phức tạp và mới mẻ này.

2. Các đặc trưng của toàn cầu hóa

Mặc dù toàn cầu hóa đang còn là đối tượng gây nhiều tranh luận, nhưng vẫn tồn tại một số dấu hiệu đặc trưng để nhận biết về hiện tượng này, đó là:

“1. *Công nghệ mới*: Cuộc cách mạng công nghệ hiện nay đang giúp con người rút ngắn thời gian và

1. Xem Phạm Thái Việt: *Toàn cầu hóa - Những biến đổi lớn trong đời sống chính trị quốc tế và văn hóa*, Sđd, tr.21.

khoảng cách một cách đáng kể trên nhiều bình diện của đời sống xã hội. Và thành tựu đó, đến lượt mình, đã tạo ra những chuyển biến về chất trong quan niệm về *không - thời gian xã hội* và *không - thời gian nhân cách*.

2. *Sự tập trung thông tin cho phép thực hiện liên lạc trực tiếp:* Có thể gọi kỹ nguyên hiện nay là kỹ nguyên của sự chuyển giao thông tin hay “thời đại thông tin”. Số lượng máy tính trên toàn cầu gia tăng theo cấp số nhân. Mạng thông tin, viễn thông, Internet, các hãng truyền thông xuyên quốc gia... đang làm cho thông tin luân chuyển trên khắp bờ mặt địa cầu và chi phí liên lạc giảm không ngừng.

3. *Sự gia tăng xu hướng chuẩn hóa các sản phẩm kinh tế và xã hội:* Nhu cầu về các chuẩn mực đánh giá chung, các tiêu chí phổ biến, các bộ phận có thể hoán đổi cho nhau và các biểu tượng giống nhau đang tăng lên trong điều kiện toàn cầu hóa. Những đồng tiền chung, các thủ tục chung, các trang thiết bị điện tử hoặc cơ khí dù được sản xuất ở đâu vẫn tương thích với nhau đang xuất hiện ngày một nhiều và trở nên phổ biến.

4. *Gia tăng hội nhập xuyên quốc gia:* Toàn cầu hóa đang mở rộng phổ giao tiếp giữa các nhà nước,

các địa phương và các hoạt động xã hội trên khắp thế giới. Có thể thấy những biểu hiện này thông qua xu hướng gia tăng con số các tổ chức đa phương, các hiệp ước khu vực. Các nhà nước, các địa phương, các tổ chức phi chính phủ và người lao động ngày càng vượt qua những ranh giới của không gian sống truyền thống. Xu thế này đang tạo ra một xã hội đa văn hóa, đa cực và mở rộng hơn, hay nói cách khác, là một “không gian văn hóa xuyên quốc gia”, mà trong đó, ngôn ngữ, thói quen và truyền thống được bảo tồn, bất chấp khoảng cách địa lý.

Toàn cầu hóa đang mở rộng tầm với cho các hoạt động xã hội, chính trị và kinh tế vượt khỏi khuôn khổ biên giới nhà nước, khu vực và châu lục.

5. Tính dễ làm tổn thương lẫn nhau do sự tùy thuộc vào nhau tăng lên: Một cách tất yếu, sự hội nhập làm cho tính phụ thuộc lẫn nhau tăng lên. Đi kèm theo đó là tình trạng: những sự kiện diễn ra ở nơi này lại có một ý nghĩa lớn lao đối với những nơi xa xôi khác. Những phát triển tưởng chừng như mang tính địa phương nhất lại có thể gây ra những hậu quả mang tính toàn cầu. Theo đó, ranh giới giữa những vấn đề nội (trong nước) với những sự vụ

bên ngoài đang càng ngày càng mờ đi. Khả năng gây thương tổn lẫn nhau giữa các quốc gia, khu vực và châu lục là rất cao”¹.

Hệ quả là tính cốt kết của xã hội trong lòng nhà nước dân tộc ngày càng trở nên yếu ớt và dễ lâm vào khủng hoảng. Trong khoảng thời gian được tính bằng phút, những rối loạn của một ngân hàng lớn có thể gây ra sự sụp đổ tài chính khác ở tận cùng ngõ ngách trên thế giới... Du lịch thuận tiện, thông tin liên lạc tức thời, và sự lưu chuyển tiền mặt dễ dàng đang tạo điều kiện thuận lợi cho sự khẳng định sức mạnh của các cá nhân và các phần tử phi nhà nước².

Xét một cách toàn diện, con người chịu ảnh hưởng và tương tác bởi tất cả các tác nhân từ xã hội, từ kinh tế, chính trị, thể chế, văn hóa, tôn giáo, pháp luật, đạo đức, các thiết chế xã hội... Trong xu thế toàn cầu hóa, các tác nhân này không chỉ gia tăng phạm vi, tốc độ, mức độ tương tác giữa chúng mà còn chịu sự tương thuộc với các tác nhân bên ngoài, như bệnh dịch, môi sinh, khủng bố, di dân...

1. Phạm Thái Việt: *Toàn cầu hóa - Những biến đổi lớn trong đời sống chính trị quốc tế và văn hóa*, Sđd, tr.32-34.

2. Xem Phạm Thái Việt: *Toàn cầu hóa - Những biến đổi lớn trong đời sống chính trị quốc tế và văn hóa*, Sđd, tr.32-34.

Những đặc trưng nói trên của toàn cầu hóa đang tác động mạnh đến mọi cộng đồng trên thế giới, đe dọa nghiêm trọng an ninh con người.

Tóm lại, có thể coi toàn cầu hóa như những liên kết đang không ngừng mở rộng, gia tăng tốc độ; và gây ảnh hưởng ở cấp độ toàn thế giới. Trong quá trình tương tác với toàn cầu hóa, phẩm chất của các tác nhân tham dự vào tiến trình toàn cầu cũng bị (hoặc buộc phải) thay đổi. Điều đó lý giải tại sao các mô hình nhà nước, các tổ chức xã hội nói chung đã và đang có bước chuyển dịch rõ rệt trong phương thức quản trị.

Chương II

NHỮNG ĐIỂM MỚI VỀ AN NINH CON NGƯỜI TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA

I- “AN NINH CON NGƯỜI” DƯỚI NHÃN QUAN “AN NINH PHI TRUYỀN THỐNG”

1. An ninh truyền thống

Trước khi có toàn cầu hóa, quan niệm về an ninh chủ yếu dựa trên quan niệm về an ninh quốc gia. Hầu hết các quan niệm đều cho rằng, an ninh chính trị và an ninh quân sự luôn là trọng tâm của an ninh quốc gia. Hệ thống quan hệ quốc tế lấy quốc gia làm “thực thể đơn nhất”; chính phủ, quốc dân, lãnh thổ và chủ quyền là nhân tố, tiêu chuẩn cơ bản để đánh giá quốc gia có tồn tại hay không và liệu có được quốc tế thừa nhận hay không.

Hạt nhân của an ninh quốc gia chính là lợi ích quốc gia và chủ quyền quốc gia; an ninh chính trị và an ninh quân sự. Tiêu chuẩn cơ bản đánh giá quốc

gia có an ninh hay không chính là có bảo đảm được các hạt nhân nêu trên hay không.

Sự thay đổi trật tự thế giới bắt nguồn từ sự thay đổi trong so sánh lực lượng, sự tăng lên hay giảm xuống của địa vị và ảnh hưởng quốc tế giữa các quốc gia; quốc lực mạnh hay yếu lại thể hiện ở sự mạnh hay yếu của thực lực kinh tế và quân sự. Do tính độc lập và bài ngoại của chủ quyền cũng như “trạng thái vô chính phủ quốc tế” của hệ thống quốc tế, nên xung đột lợi ích giữa các quốc gia là không thể tránh khỏi.

Từ khi ra đời quốc gia dân tộc tư bản chủ nghĩa và chủ nghĩa tư bản đến nay, của cải lớn nhất của quốc gia là dân số và lãnh thổ, lợi ích lớn nhất mà an ninh quốc gia bảo vệ là bảo đảm lãnh thổ và quốc dân của mình không bị ngoại lai xâm phạm.

Chính vì thế, đứng trước sự đe dọa và xâm nhập của nước khác, tăng cường xây dựng sức mạnh quân sự là việc đương nhiên của mỗi quốc gia.

Về vị trí và tầm quan trọng của an ninh quân sự trong an ninh quốc gia, trường phái chủ nghĩa hiện thực trong chính trị học quốc tế, trên bình diện lý luận đã có sự trình bày và phân tích sâu sắc rằng, quốc gia là chủ thể của hành vi của xã hội quốc tế; xã hội quốc tế thiếu hụt một cơ cấu quyền lực “siêu quốc gia” chí cao vô thượng, có thể điều hòa, ràng buộc quan hệ các nước.

Trong trạng thái chi phối của “vô chính phủ” và “luật rừng” trong xã hội quốc tế đó, thì quyền lực và thực lực là mấu chốt để lý giải quan hệ quốc tế, mục tiêu căn bản của tồn tại quốc gia chính là không ngừng tăng cường quyền lực và thực lực của mình để bảo vệ an ninh của mình.

Vì thế, nội dung hạt nhân trong quan niệm an ninh quốc gia của trường phái chủ nghĩa hiện thực chính là bảo vệ chủ quyền quốc gia và lợi ích quốc gia. An ninh quốc gia chịu sự uy hiếp đến từ nước khác, vấn đề an ninh và vấn đề chiến tranh giữa các quốc gia, thủ đoạn giành được an ninh là sức mạnh quân sự¹.

Trên cơ sở nhận thức đó, trong thế kỷ XX, các cường quốc và một số nước lớn trong khu vực đều hết sức coi trọng việc phát triển sức mạnh quân sự của mình, đặt an ninh quân sự vào vị trí hàng đầu trong an ninh quốc gia.

Như vậy, an ninh truyền thống chủ yếu dùng để chỉ những lợi ích, quan hệ cốt lõi liên quan chính trị và quân sự (thực chất là các vấn đề chính trị, bảo đảm vai trò chính quyền và vấn đề chủ quyền, lãnh

1. Xem Paul B.Starge: *New Security Agenda: A Global Survey*, Japan Centre for International Exchange, 1995, p.27.

thổ, bảo vệ đất nước trước các nguy cơ xâm phạm quân sự, bạo lực từ bên ngoài).

Đối với một quốc gia, an ninh có thể bao gồm hàm nghĩa đối ngoại, cũng có thể bao gồm cả hai mặt công việc nội bộ và công việc quốc tế. Khi mở rộng khái niệm này, thì một quốc gia gặp phải tai họa tự nhiên nghiêm trọng, bị phong tỏa kinh tế và cấm vận kinh tế, có một bộ phận dân cư đói rét triền miên, hoặc vô gia cư, ở trong tình trạng mù chữ hoặc nghèo khó, bệnh tật triỀn miên hoặc bị chìm đắm trong ma túy, lo sợ bị cướp bóc hay tấn công, không thể bảo đảm sức khỏe và việc chữa bệnh cơ bản, hoặc gặp phải sự xâm hại nghiêm trọng của môi trường. Tất cả những cái đó cũng như sự xâm lược của bên ngoài, đều là mất an ninh.

Do quốc gia là tổng thể của lợi ích, cho nên bảo vệ an ninh quốc gia có thể đề cập nhiều vấn đề khác, có thể là vấn đề quân sự, cũng có thể là vấn đề chính trị, kinh tế, dân số, môi trường, v.v.. Có thể khái lược trên một số lĩnh vực chủ yếu sau đây:

An ninh quân sự liên quan đến sự cảm nhận về tồn tại của các mối đe dọa, tấn công, xâm lược của các lực lượng quân sự đối địch làm tổn hại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia

và khả năng của quốc gia có thể đối phó với các hiểm họa đó.

An ninh chính trị liên quan đến sự ổn định chính trị, sự tồn tại của các thiết chế chính trị, hệ thống nhà nước và các ý thức hệ là nền tảng tư tưởng của quốc gia.

An ninh chính trị không chỉ phụ thuộc vào giới lãnh đạo chính trị mà còn phụ thuộc vào yêu cầu của quá trình phát triển và ý chí của người dân. Yếu tố bất ổn về kinh tế, xã hội sẽ làm cho an ninh chính trị yếu đi. Tuy nhiên, ngay trong lòng hệ thống chính trị, thể chế chính trị luôn ẩn chứa những nhân tố gây mất lòng tin của dân chúng và sẽ dẫn tới gây mất an ninh chính trị. Để có được an ninh chính trị phải thực thi tổng hợp các yếu tố tiến bộ từ kinh tế, xã hội, tổ chức chuyên chính tới bản thân các chính trị gia và thể chế chính trị. An ninh chính trị không thể bảo đảm chỉ bằng các biện pháp mang tính hành chính và chuyên chế, cụ thể hơn là không thể được bảo đảm chỉ bằng các hành vi chính trị.

An ninh kinh tế liên quan đến khả năng tiếp cận các nguồn lực, tài chính, thị trường cần thiết bảo đảm cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế, phúc lợi của nhân dân và sức mạnh của nhà nước, bảo đảm có thể ngăn ngừa và đối phó có hiệu quả với những biến

động của môi trường trong nước và quốc tế, góp phần đắc lực giữ vững ổn định an ninh chính trị - xã hội và tăng cường khả năng quốc phòng. Nói cách khác, an ninh kinh tế là bảo vệ, giữ vững và làm cho các hoạt động kinh tế của quốc gia diễn ra trong trật tự, an toàn và có hiệu quả.

An ninh kinh tế quốc gia có quan hệ mật thiết với an ninh kinh tế toàn cầu. Chính vì thế mà khi nền kinh tế Hy Lạp đứng bên bờ vực sụp đổ vì khủng hoảng nợ công, thì lập tức các nước lớn châu Âu đã phải họp bàn để tìm ra cách “cứu”. Điều đó có nghĩa là an ninh kinh tế còn chịu nhiều tác động bởi các yếu tố chính trị và hiểu biết của con người.

An ninh năng lượng là một trong những nội dung cơ bản của an ninh kinh tế. Nó có bản chất là cung cấp đầy đủ năng lượng cho các hoạt động kinh tế, an ninh quốc phòng của quốc gia trong mọi tình huống để góp phần làm cho nền kinh tế - xã hội diễn ra bình thường và có hiệu quả.

An ninh lương thực là một trong những nội dung cơ bản của an ninh kinh tế. Bản chất của nó là cung cấp đầy đủ lương thực cho người dân trong mọi tình huống của quốc gia, góp phần làm cho công cuộc phát triển đất nước diễn ra trong bối cảnh thuận lợi. Nhiều quốc gia kiên quyết duy trì diện tích trồng

cây lương thực, dự trữ lương thực với mức cần thiết để có được an ninh lương thực. Một số chuyên gia đã cảnh báo rằng, năm 2050, dân số thế giới khoảng trên 10 tỷ người và nếu cứ duy trì trình độ công nghệ canh tác, bảo quản, chế biến như hiện nay thì sẽ không đủ lương thực để cung cấp cho con người trên hành tinh này. Xu thế thiếu hụt lương thực là không thể tránh khỏi nếu con người thiếu trách nhiệm trong lĩnh vực phát triển lương thực và tăng dân số như hiện nay. Do đó, kiểm soát tăng dân số và phát triển lương thực dựa trên nền tảng công nghệ sinh học - gen là hai vấn đề mang ý nghĩa chiến lược đối với an ninh lương thực.

An ninh xã hội gắn với sự duy trì bảo vệ hợp lý và phù hợp với tiến trình phát triển các giá trị cơ bản của cộng đồng các dân tộc trong mỗi quốc gia như ngôn ngữ, tôn giáo, truyền thống văn hóa, bản sắc dân tộc, phong tục tập quán.

An ninh môi trường liên quan đến việc duy trì và bảo vệ hệ thống sinh thái, môi trường bảo đảm cho con người có thể sống yên ổn và hoạt động bình thường.

An ninh nguồn nước liên quan đến việc bảo đảm nguồn cung cấp nước cho sự phát triển của sản xuất và dân sinh của quốc gia trong mọi tình huống. An ninh nước là loại an ninh quan trọng không kém

so với các loại an ninh khác. Hiện nay, nguồn nước ngọt trên thế giới đang có nguy cơ cạn kiệt dần cùng với quá trình nóng lên của bầu khí quyển. Các chuyên gia kinh tế dự báo, nhiệt độ trung bình thế giới tăng thêm 2 độ sẽ kéo theo mức chi phí với khoảng 70-100 tỷ USD mỗi năm, trong đó khoảng trên 20 tỷ USD liên quan đến việc sử dụng nước. Hiện đang có nhiều nơi trên thế giới đã lâm vào tình trạng thiếu nước cho sản xuất và sinh hoạt của cư dân; nên thiếu nước đã trở thành vấn đề nóng của thế giới; và Việt Nam không nằm ngoài tình trạng đó.

An ninh con người liên quan đến sự bảo vệ các quyền của con người chống lại những vi phạm từ phía nhà nước hay xã hội.

Trên đây là sự khái quát một số lĩnh vực an ninh cơ bản mang tính chất truyền thống. Tuy nhiên, từ sự gia tăng rủi ro trong toàn cầu hóa đã làm xuất hiện những mối đe dọa mới đối với an ninh con người.

2. Rủi ro và phân loại các nhóm rủi ro cơ bản đe dọa an ninh con người trong toàn cầu hóa

Rủi ro (risk) là sự không may mắn, sự tổn thất, mất mát, nguy hiểm bất ngờ xảy đến. Đó có thể là sự tổn thất về tài sản hay là sự giảm sút lợi nhuận thực tế so với lợi nhuận dự kiến (đối với kinh tế học).

Rủi ro còn được hiểu là những bất trắc ngoài ý muốn xảy ra trong quá trình kinh doanh, sản xuất của doanh nghiệp, tác động xấu đến sự tồn tại và phát triển của một doanh nghiệp¹.

Theo *Từ điển Oxford English Dictionary*, “rủi ro” được dùng với nghĩa tương đương như “nguy cơ”. Đó là khả năng bị mất mát, tổn thương hoặc những hoàn cảnh bất lợi hoặc không mong muốn xảy ra².

Một cách tổng quát, *rủi ro là những thiệt hại, mất mát, nguy hiểm hoặc các yếu tố liên quan đến nguy hiểm, khó khăn hoặc điều không chắc chắn có thể xảy ra cho con người.*

Rủi ro (risk) có thể đo lường được. Nếu tích cực nghiên cứu rủi ro, người ta có thể tìm ra những biện pháp phòng ngừa, hạn chế những rủi ro tiêu cực, đón nhận những cơ hội mang lại kết quả tốt đẹp cho tương lai³.

Rủi ro có thể hiện diện ở bất cứ lĩnh vực nào trong đời sống con người từ kinh tế, chính trị, y tế, an ninh, sức khoẻ, môi trường...

Ulrich Beck là chuyên gia hàng đầu nghiên cứu về rủi ro hiện nay; ông cũng là người đưa ra thuật ngữ “xã hội rủi ro” (*Risk Society*) để mô tả tình trạng

1, 3. Website: http://vi.wikipedia.org/wiki/R%E1%BB%A7i_ro.

2. Website: <http://en.wikipedia.org/wiki/Risk>.

của con người trong bối cảnh toàn cầu hóa như hiện nay.

Theo ông, trong xã hội hiện đại, khi con người đón nhận càng nhiều cơ hội cho sự phát triển của cá nhân và cộng đồng của mình, thì đồng thời cũng phải đổi mới với ngày càng nhiều rủi ro trong cuộc sống, liên quan đến việc lựa chọn các cơ hội nói trên. Ở đây tồn tại một quy luật: Càng xuất hiện nhiều cơ hội bao nhiêu thì càng có bấy nhiêu rủi ro đi kèm. Phân phối phúc lợi xã hội luôn đi kèm với phân phối rủi ro. Theo Ulrich Beck, “xã hội rủi ro” mang những đặc trưng cơ bản sau¹:

(1) *Rủi ro đe dọa tất cả mọi người*

Khác với những xã hội “tiền - hiện đại” và xã hội “công nghiệp cổ điển”, các nguy cơ của xã hội hiện nay không dễ dàng nhận diện, khó lường tính và gây ra ảnh hưởng lâu dài đến các thế hệ tương lai - Cụ thể như nguy cơ phóng xạ, ô nhiễm nguồn nước, phá hủy môi trường sống, biến đổi gen... Đây là những nguy cơ lớn do chính con người tạo ra, nhưng lại không có thủ phạm cụ thể để truy cứu, và cũng khó xử lý vì chúng không thể khắc phục được bằng tiền bạc hay bằng các đèn bù bảo hiểm.

1. Xem Ulrich Beck: *World at Risk*, Polity Press, 1992.

Trong xã hội công nghiệp cổ điển, những rủi ro đến từ nền kinh tế khan hiếm thường hiện diện dưới dạng tình trạng bóc lột, nghèo đói, bất công... Theo đó, những người có nhiều của cải sẽ ít gặp rủi ro hơn so với những người nghèo. Nhưng trong xã hội ngày nay, rủi ro dường như không đếm xỉa đến sự phân ranh giới giai cấp: người giàu, kẻ mạnh cũng không thoát nạn. “Sự túng quẫn thì có tính đẳng cấp, còn sự ô nhiễm thì... dân chủ!”.

(2) Rủi ro mang tính xuyên quốc gia

Các rủi ro vượt ra khỏi ranh giới quốc gia. Rủi ro trở thành “rủi ro toàn cầu” (ô nhiễm môi trường là một ví dụ).

Khi khoác lên bản thân tính chất xuyên quốc gia, các rủi ro cũng đồng thời dần trở nên “miễn dịch” đối với tình trạng an toàn do tài sản mang lại. Điều vừa đề cập vốn đã đúng trong các xã hội đói kém thì nay không còn đúng nữa. Nói cách khác, việc ai đó sở hữu một khối tài sản lớn không đồng nghĩa với việc anh ta cũng có được một trạng thái an ninh cũng lớn tương ứng như vậy. Những người có tài sản vẫn không thể thoát khỏi hiểm họa ung thư, nhiễm độc môi trường, những cơn bão bất ổn tài chính đến từ một nơi nào đó ở địa cầu nhưng lại cuốn sạch tài sản của họ... Có một điểm giống nhau giữa “người giàu” và “người nghèo” trong xã hội đang được toàn cầu hóa như hiện nay là:

Tất cả đều phải đối mặt với “tính bất định”, “tính không thể kiểm soát” của các sự kiện trong đời sống cá nhân; và do đó, tất cả đều phải đối mặt với tình trạng lo âu và bất ổn.

Ước mơ của xã hội đói kém là ai cũng muốn và cần giành được một phần của chiếc bánh. Còn ước mơ của các xã hội hiện nay là làm sao cho mình tránh khỏi tai nạn và sự đói độc¹.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa như hiện nay, hiệu ứng “boomerang” (loại vũ khí khi ném đi sẽ quay ngược trở lại để người ném thu hồi) sẽ còn trầm trọng hơn ở các quốc gia đang phát triển, khi cơ chế phòng vệ của những nước này còn yếu kém, các chính sách dễ dàng bị biến dạng và bị vô hiệu hóa bởi nạn tham nhũng và sự lũng đoạn của các nhóm lợi ích. Vô tình hay cố ý, các quốc gia này đang tự biến mình thành bãi rác của các nước phát triển².

Xuất phát từ “lý thuyết xã hội rủi ro”, Ulrich Beck cho rằng, chúng ta cần nỗ lực để tìm ra phương thức kiểm soát rủi ro trong bối cảnh mới (tổn cầu hóa)³. Để làm được điều này cần tuân theo ba nguyên tắc

1, 3. Xem Ulrich Beck: *World at risk*, Polity Press, 1992, p.23.

2. Bùi Văn Nam Sơn: “Xã hội nguy cơ: Sống trong sợ hãi”, 2010, http://vietsciences.free.fr/vietnam/donggopxaydung/xahoi_nguyoc.htm.

cơ bản: (1) Không làm gia tăng thêm rủi ro; (2) Nếu không lường tính được kết quả của rủi ro thì không hành động; (3) Các vấn đề toàn cầu phải cần các giải pháp toàn cầu.

Cùng với tiến trình phát triển lịch sử, nhân loại đã lần lượt nếm trải những trạng thái rủi ro đi từ các cấp độ: “cá nhân”, “xã hội”, và bây giờ là “toàn cầu”. Trong bối cảnh toàn cầu hóa với sự gia tăng của những mối đe dọa và rủi ro như: sự phá hủy môi trường, khủng hoảng tài chính, chủ nghĩa khủng bố, xung đột bạo lực... đang đe dọa trực tiếp hoặc gián tiếp đến an ninh con người.

Về cơ bản, có thể phân rủi ro trong bối cảnh toàn cầu hóa thành những nhóm lớn như sau:

- *Nhóm rủi ro về môi trường*

Khi tiến hành làm giàu, tạo ra của cải, để ít phải hứng chịu rủi ro hơn, con người đã tiến hành phá hoại môi trường một cách có hệ thống. Cụ thể là, chất thải và khí thải công nghiệp đang bào mòn tầng ôzôn và gây ra hiệu ứng nhà kính. Một hậu quả đe dọa sinh mạng của tất cả, mà không có sự giàu có nào có thể cứu vãn. Hóa ra, con người chúng ta khi hành động để thực hiện điều mong muốn, lại đang tạo ra những hậu quả chống lại mục tiêu ban đầu ấy. Trong triết học, tình trạng đó được khái quát bằng khái

niệm “tha hóa”; còn trong ngôn ngữ hiện đại, người ta gọi đó là hiệu ứng “boomerang”.

Một điểm đáng lo ngại là, dưới góc nhìn đơn lẻ của cá nhân hay của một cộng đồng, thậm chí một quốc gia - tình trạng tha hóa này bị che giấu. Nó chỉ phát lộ rõ ràng dưới cái nhìn toàn cầu. Thế nên, mặc dù đã có các cảnh báo về sự xuống cấp của môi trường, về sự biến đổi khí hậu bất lợi, về tình trạng nước biển dâng... nhưng đối với mỗi cá nhân, thậm chí mỗi quốc gia hiềm họa đó dường như còn quá xa vời; và do đó, họ vẫn có thể tiếp tục hành động như cũ - vì sự tiện nghi và giàu có.

Tâm lý đó đã lý giải vì sao, cho đến tận hôm nay, các quốc gia vẫn chưa thể nhất trí được với nhau về một kế hoạch bảo vệ môi trường ở cấp độ toàn cầu, sau khi Nghị định thư Kyoto chấm dứt.

Và tâm lý đó cũng giúp giải thích vì sao các doanh nghiệp và cả người dân chúng ta - khi theo đuổi lợi ích cũng như sự tiện lợi của mình luôn sẵn sàng đặt vấn đề môi trường sang một bên. Chẳng hạn, mọi người đều biết lượng dioxide cacbon thải ra từ các máy làm lạnh là một trong những thủ phạm quan trọng làm mỏng tầng ôzôn. Song mỗi đe dọa đó dường như quá xa vời so với việc chúng ta đang phải chịu đựng trực tiếp cái nóng của mùa hè nhiệt đới.

- Nhóm rủi ro kinh tế toàn cầu

Hiện nay, vì mục tiêu phát triển, các quốc gia buộc phải hội nhập vào đời sống kinh tế toàn cầu và hình thành nên thị trường toàn cầu. Điều đó khiến sự phụ thuộc vào nhau về mặt kinh tế tăng lên.

Vốn trước đây (trước khi hội nhập) các quốc gia có thể kiểm soát được nền kinh tế của mình nhờ đường biên giới và hoạt động thuế quan, nhưng nay không gian của nền kinh tế quốc dân đã vượt ra khỏi giới hạn lãnh thổ. Vì vậy, sự quản lý, can thiệp, điều tiết của nhà nước vào nền kinh tế sẽ trở nên khó khăn hơn.

Minh chứng cho thực tế này là khủng hoảng kinh tế xảy ra ở một quốc gia nào đó có thể dẫn đến đổ vỡ kinh tế ở hàng loạt quốc gia khác (hiệu ứng domino), thậm chí còn tạo thành các mối đe dọa chính trị mang tính toàn cầu.

Các dòng tài chính hiện nay đang chảy trên khắp địa cầu, mang tính xuyên quốc gia là nhân tố khó kiểm soát nhất trong nền kinh tế thế giới. Việc khủng hoảng tài chính bùng phát từ một quốc gia rồi lan rộng sang nước khác không còn là điều lạ lẫm.

Hiệu ứng “domino” tài chính năm 1979 (sau 8 năm thực thi chế độ tỷ giá thả nổi) đã bắt đầu từ Mỹ - “quê hương” của chủ nghĩa tự do mới - làm hàng loạt ngân hàng lớn của Mỹ phá sản, và kéo theo sự sụp đổ từng mảng những ngân hàng tín dụng tư

nhân tại các nước phát triển. Cho đến tận năm 1982, gần một nửa số nước phát triển vẫn còn ở tình trạng suy thoái trầm trọng và kéo dài¹.

Một trường hợp nữa là cơn bão phá giá đồng Bath Thái Lan vào tháng 7/1997 đã khiến hầu như toàn bộ các quốc gia Nam Á vào cơn lốc suy thoái với chỉ số tăng trưởng âm. Mặc dù là cơn khủng hoảng “Đông Á”, nhưng ảnh hưởng của nó lại lan truyền rộng khắp và gây nên khủng hoảng tài chính trên toàn cầu, với những tác động lớn rộng đến cả các nước như Nga, Braxin và Hoa Kỳ.

Gần đây nhất, khủng hoảng nợ công của Hy Lạp đầu năm 2010 không chỉ làm tê liệt nền kinh tế, tài chính Hy Lạp mà còn kéo theo sự khủng hoảng nợ công của toàn bộ châu Âu, mà cho đến nay vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi tích cực.

Có thể thấy, rủi ro không chỉ đến với người làm ra nó mà còn cả những người không làm ra nó nữa. Tình hình này khiến mối nguy hiểm ở cấp độ toàn cầu tăng lên, và cho đến nay chưa có được phương pháp kiểm soát hữu hiệu từ phía các chính phủ.

- *Nhóm rủi ro khủng bố toàn cầu*

Hiện nay, toàn cầu hóa đang đem lại sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia, theo nghĩa là, một

1. Xem Ulrich Beck: *Risk Society*, Polity Press, 1992, p.355.

biến cố xảy ra tại nước này sẽ gây phản ứng lây lan sang nước khác. Những rủi ro xảy ra không còn đóng khung trong phạm vi “bên trong” đường biên giới của mỗi quốc gia, mà còn gây ra những biến đổi cho cả “bên ngoài”, mang tính xuyên quốc gia.

Chủ nghĩa khủng bố hiện nay là một minh chứng cho sự thật ấy. Trong toàn cầu hóa, chủ nghĩa khủng bố mang màu sắc ly khai sắc tộc là kẻ thù chung, bởi nó đe dọa an ninh, hòa bình, an toàn của nhân loại. Toàn cầu hóa đang “nối dài” những cơ hội cho chủ nghĩa khủng bố xuyên quốc gia, từ mạng lưới công nghệ thông tin toàn cầu, đến đội quân thánh chiến đến từ nhiều quốc gia trên thế giới, hay nguồn tài lực xuyên quốc gia...

Hiện nay, chủ nghĩa khủng bố Islam giáo đã nổ ra trên toàn cầu, bao gồm ở Ấn Độ, Ôxtrâylia, châu Phi, Trung Đông, châu Âu, Đông Nam Á, Nam Á, Nam Mỹ, Thái Bình Dương và Bắc Mỹ. Riêng ở khu vực châu Á, đã có hàng nghìn người cực đoan đang đến chiến trường Xyri, trong đó có hàng trăm người đến từ khu vực Đông Nam Á. Nguy hiểm hơn là, các chiến binh trở về từ Xyri và Irắc có khả năng liên kết với những nhóm khủng bố của khu vực như Mujahidin Indonesia Timur và phe Jemaah Ansharud (JAT) của Jemaah Islamiah. Vì vậy, giờ đây các tổ chức khủng

bố này tiếp tục là mối nguy hại cho khu vực Đông Nam Á nói riêng, thế giới nói chung.

Nếu cách đây chỉ hai thập kỷ, các tác nhân (hay những phần tử gây ra bất ổn cho nhà nước) này được coi là “vô chính phủ”¹, thì nay, toàn cầu hóa đã gia tăng các cơ hội để tác nhân vô chính phủ đó thành lập nhà nước (dù là nhà nước tự xưng).

Nguy cơ trên không chỉ đe dọa an ninh con người nói chung, mà còn phá vỡ độc quyền nhà nước về vũ lực. Trên thực tế, các quốc gia đang đứng trước ngưỡng cửa của quá trình cá thể hóa chiến tranh, theo đó, không chỉ các quốc gia mà cả những cá nhân cũng có thể tiến hành “chiến tranh” chống các quốc gia². Trường hợp IS (Nhà nước Hồi giáo tự xưng) là một ví dụ điển hình.

Chủ nghĩa khủng bố Islam giáo nói chung, biến thể mới của nó là Nhà nước Hồi giáo tự xưng nói riêng là “quái trạng” của xã hội, là một mối đe dọa không chỉ cho những tín đồ Islam giáo chân chính mà còn tạo ra cuộc khủng hoảng toàn cầu. Tổ chức khủng bố này với xuất phát điểm và sự cực đoan, tàn khốc, man rợ, đang hiện thân cho nỗi kinh hoàng, đe dọa sự an toàn của tất cả những tín đồ trong và

1, 2. Xem Ulrich Beck: *Risk Society*, Polity Press, 1992, pp.216, 218.

ngoài Islam giáo¹. Vì vậy, chủ nghĩa khủng bố Islam giáo được xếp vào chủ nghĩa khủng bố quốc tế.

Đứng trước những xung đột, hiểm họa chết người của chủ nghĩa khủng bố toàn cầu, không một quốc gia nào trên thế giới, cho dù là “siêu cường”, lại có thể bảo đảm được an ninh con người cho quốc gia của mình nếu chỉ “đơn thương độc mã” dựa vào sức mạnh của bản thân.

Vì những rủi ro do chủ nghĩa khủng bố gây ra mang tính toàn cầu, nên việc ngăn chặn chúng đòi hỏi phải có sự nỗ lực chung của các quốc gia. Trong thời gian gần đây Chương trình chống chủ nghĩa khủng bố toàn cầu được đồng thời diễn ra ở các quốc gia, khu vực với các cấp độ khác nhau. Tại Xingapo, tháng 11/2011 đã diễn ra cuộc Hội thảo “Chống tài trợ khủng bố”. Mục đích của Hội thảo là nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng chống tài trợ cho khủng bố và vai trò quan trọng của những đối tượng sẽ tham gia vào công việc này, kể cả chính phủ lẫn khu vực tư nhân.

Trong diễn biến mới nhất, tại Hội nghị Đại hội đồng Liên minh Nghị viện thế giới lần thứ 132 (IPU-132)

1. Xem Lương Thị Thu Hường: “Chủ nghĩa Islam khủng bố và một số vấn đề đặt ra”, Tạp chí *Nghiên cứu tôn giáo* (1), 2015, tr.62.

diễn ra tại Việt Nam, các nhà hoạch định chính trị cũng bày tỏ quan ngại sâu sắc vì chủ nghĩa khủng bố đang đe dọa hòa bình và an ninh thế giới.

Cùng thời gian này, trong Hội nghị chống khủng bố tại Xingapo diễn ra vào tháng 3/2015, các chuyên gia an ninh đã cảnh báo rằng “Nhà nước Hồi giáo tự xưng” đang tăng cường các hoạt động ở bên ngoài và tranh thủ sự ủng hộ ở Đông Nam Á. Trong Hội nghị an ninh châu Á toàn cầu (05/3/2015), Giáo sư Rohan Gunaratna, người đứng đầu Trung tâm Nghiên cứu khủng bố và bạo lực chính trị quốc tế của Xingapo (ICPVTR) nhấn mạnh rằng, IS đang kiểm soát những mỏ dầu và ngân hàng trong những khu vực mà chúng khống chế. Do đó, rất có khả năng chúng sẽ bơm tiền vào các cuộc tấn công toàn cầu giống như tổ chức Al-Qaeda đã từng thực hiện cách đây một thập kỷ¹.

Tóm lại, ba nhóm rủi ro trên cho thấy, con người trước đây vốn chủ yếu là nạn nhân của nền kinh tế đối kém và các nguy cơ chủ yếu đến từ các thảm họa tự nhiên, thì ngày nay, trong điều kiện toàn cầu hóa, con người thường trở thành nạn nhân của những

1. Website: <http://phapluattp.vn/the-gioi/is-bat-dau-de-mat-o-dong-nam-a-534783.html>.

nguy cơ do chính mình gây ra. Kể cả những bất trắc do thiên tai cũng có sự đóng góp không nhỏ của bàn tay con người¹.

Điều này càng cho thấy sự cần thiết có một chính sách an ninh mới, một tầm nhìn mới, một khả năng kiểm soát mới - nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu, phòng tránh những nguy cơ, rủi ro có thể xảy ra đe dọa an ninh con người nói chung, an ninh của các nhà nước nói riêng.

Để hạn chế những rủi ro này, hiện nay, các quốc gia không thể sử dụng thuần túy phương thức an ninh truyền thống. Chính việc rủi ro đạt đến cấp độ toàn cầu như hiện nay - là cơ sở hiện thực cho sự xuất hiện của một loại quan niệm mới về an ninh - *an ninh phi truyền thống*.

Trong chính sách an ninh mới này, sự hiện diện của các chủ thể mới như thị trường và các tổ chức xã hội với tư cách là những nhân tố hợp tác cùng chia sẻ gánh nặng với nhà nước trong hoạt động bảo vệ an ninh chung (an ninh con người) - là một đòi hỏi tất yếu.

1. Bùi Văn Nam Sơn: “Xã hội nguy cơ: Sóng trong sợ hãi”, 2010, http://vietsciences.free.fr/vietnam/donggopxaydung/xahoi_nguyco.htm.

3. An ninh phi truyền thống

Đứng trước quá trình tha hóa của hành vi con người - cái dẫn đến những rủi ro toàn cầu như hiện nay, tư duy về an ninh theo lối cũ đã tỏ ra không đầy đủ và không phù hợp. Giới học thuật và chính giới hiện nay đang chuyển đổi quan tâm về an ninh của mình đến một quan niệm mới mẻ hơn và cũng tỏ ra tương hợp hơn với bối cảnh toàn cầu hóa - “An ninh phi truyền thống”.

“An ninh phi truyền thống” trong tiếng Anh là Nontraditional Security. Trong những tác phẩm và bài viết của các nhà nghiên cứu phương Tây có lúc cũng dùng những từ như: an ninh phi thường quy (Unconventional Security); uy hiếp phi truyền thống (Nontraditional Threat); vấn đề phi truyền thống (Nontraditional Issues) và uy hiếp mới (New Threat); an ninh mới (New Security).

Quan niệm về an ninh phi truyền thống nhấn mạnh rằng, an ninh quốc gia tuy vẫn quan trọng nhưng không phải là duy nhất; không nên hiểu an ninh quốc gia đơn thuần là việc ngăn chặn những mối đe dọa đến từ các chủ thể chính trị và quân sự.

Như đã đề cập, không chỉ các nhân tố chính trị hay quân sự mới có năng lực uy hiếp an ninh quốc gia, mà còn có nhiều nhân tố phi chính trị và phi

quân sự khác cũng có khả năng gây ra tổn hại cho các quốc gia; chẳng hạn như: nhân tố môi trường, tài chính, di cư, dịch bệnh, khủng bố...

Khái niệm an ninh phi truyền thống chính là để cập đến những nhân tố phi chính trị và phi quân sự đó. Nói cách khác, vấn đề an ninh phi truyền thống nảy sinh trên cơ sở nhận thức về những hiểm họa, rủi ro đến từ các nhân tố phi chính trị, phi quân sự, xuyên quốc gia hiện nay. Các nhân tố xuyên quốc gia này có thể gây ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp và uy hiếp đến sự phát triển, ổn định của các quốc gia, khu vực và toàn cầu.

Hiện vẫn chưa có sự nhất trí về sự phân biệt và mối quan hệ giữa an ninh truyền thống với an ninh phi truyền thống (an ninh mới), trong giới nghiên cứu. Có quan điểm cho rằng, an ninh truyền thống lấy an ninh quốc gia làm trọng, còn an ninh phi truyền thống (an ninh mới) lấy an ninh nhân loại làm trọng.

Một quan điểm khác lại cho rằng, an ninh phi truyền thống bao hàm cả an ninh quốc gia và an ninh con người. Vũ Thị Tuyết Loan cho rằng, an ninh truyền thống lấy nhà nước làm đơn vị, chủ yếu đề cập đến những quan hệ chính trị, tương quan sức mạnh quân sự giữa các nước. Còn an ninh phi truyền thống dùng để chỉ những vấn đề vượt ra ngoài các

mối quan hệ trên... An ninh ngày nay phải được hiểu một cách toàn diện, đa chiều, không chỉ an ninh quân sự hay quốc phòng. Nên an ninh bao hàm cả an ninh bên trong lẫn an ninh bên ngoài quốc gia, phải tính đến sự phát triển kinh tế, sự bình ổn chính trị trong nước, tiến bộ và phát triển con người¹. Luận điểm này cũng được tìm thấy trong các công trình của Bùi Trường Giang², Hà Mỹ Hương³.

Các quan niệm trên, mặc dù còn một số điểm khác nhau nhưng về cơ bản đều thống nhất khi cho rằng: An ninh phi truyền thống là sự mở rộng của phạm trù an ninh truyền thống. Nó phản ánh những hiểm họa, rủi ro mới xuất hiện trong những thập kỷ gần đây, gây ảnh hưởng tới cá nhân, cộng đồng, quốc gia, khu vực và toàn cầu.

Nếu an ninh truyền thống coi sự an toàn của quốc gia là tối thượng, lấy ổn định chính trị và quân sự

1. Xem Vũ Tuyết Loan: “An ninh phi truyền thống ở châu Á - Thái Bình Dương: Vấn đề và giải pháp”, Tạp chí *Cộng sản* (23), 2006, tr.66-70.

2. Xem Bùi Trường Giang: “Chủ đề an ninh phi truyền thống và định hướng tham gia của Việt Nam”, Tạp chí *Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới* (5), 2006, tr.25-33.

3. Xem Hà Mỹ Hương: “An ninh Đông Nam Á trong chiến lược của Mỹ”, Tạp chí *Cộng sản* (17), 2007, tr.108-111.

làm mục tiêu chính; lấy phương thức vũ lực hoặc chiến tranh để bảo vệ an ninh quốc gia... thì an ninh phi truyền thống không chỉ xác định đối tượng cần bảo vệ là chủ thể quốc gia, mà còn mở rộng phạm vi bảo vệ, để bao hàm cả cá nhân, cộng đồng, cho đến khu vực và toàn cầu. Bên cạnh đó, nó không chỉ coi những tác nhân đe dọa an ninh là đến từ khu vực quân sự hay chính trị; mà tính đến cả những tác nhân đến từ thị trường, xã hội dân sự, giới tự nhiên, và đến từ những vấn đề toàn cầu.

Như vậy, với *an ninh truyền thống, quốc gia là đối tượng cần được bảo vệ cũng đồng thời là như chủ thể của hành vi bảo vệ*; còn với *an ninh phi truyền thống, cái mục tiêu xuyên suốt và suy cho cùng, chính là bảo vệ con người*. Luận điểm này, đã chỉ rõ rằng “an ninh truyền thống” chỉ là điều kiện “cần” nhưng chưa “đủ” trong bối cảnh toàn cầu hóa. An ninh phi truyền thống chỉ ra rằng, cho dù một quốc gia có giữ được trạng thái ổn định chính trị, không bạo loạn quân sự, thì điều đó cũng không giúp bảo đảm rằng, người dân của quốc gia đó được an toàn trước những tác động của các mối đe dọa xuyên biên giới. Đó mới chỉ là điều kiện cần mà chưa đủ. Để xác định đúng trạng thái an ninh trong bối cảnh như hiện nay, người ta buộc phải trở về quan điểm “lấy

con người làm thuốc đο”. Do đó, khái niệm an ninh “phi truyền thống” chẳng những rộng hơn “truyền thống”, mà còn khác biệt bởi “thuốc đο” - tức là tiêu chí đánh giá.

** Các đặc trưng của an ninh phi truyền thống:*

Thứ nhất, đối với an ninh phi truyền thống, tồn tại hai loại tác nhân gây tai họa là “bạo lực” và “phi bạo lực”. Loại bạo lực như: chủ nghĩa khủng bố, buôn lậu ma túy, tội phạm có tổ chức. Loại phi bạo lực như: ô nhiễm môi trường, khủng hoảng tài chính tiền tệ, bệnh dịch...

Thứ hai, những tác nhân này mang tính xuyên quốc gia.

Thứ ba, những tác nhân này uy hiếp trực tiếp sinh mệnh, đời sống của mọi cá nhân.

Thứ tư, những tác nhân gây họa tạo ra phản ứng dây chuyền. Sự bất ổn ở một lĩnh vực nào đó có thể kích thích làm bùng phát bất ổn ở lĩnh vực khác. Chẳng hạn, một số vấn đề như dân tộc, tôn giáo, chủ nghĩa khủng bố có thể kích thích lẫn nhau, tạo thành hiệu ứng nguy hại mang tính dây chuyền.

Thứ năm, các tác nhân mang đặc tính “bùng phát từ bên trong” hoặc “lan tỏa ra bên ngoài”. Có những vấn đề tích lũy dần dần rồi bùng phát như môi trường, tôn giáo, dân tộc; có những vấn đề lan tràn

như bệnh dịch, khủng hoảng tài chính, chủ nghĩa
khủng bố...

Tóm lại, an ninh phi truyền thống là một loại
hình an ninh mới xuất hiện do sự gia tăng của các tác
nhân gây họa mang tính toàn cầu. Do đó, có thể hiểu
“an ninh phi truyền thống” như sự mở rộng của “an
ninht truyền thống” trong bối cảnh toàn cầu hóa. Mỗi
quan hệ giữa an ninh truyền thống và an ninh phi
truyền thống là mối quan hệ hữu cơ, bổ sung lẫn
nhau, nhưng dựa trên một thước đo mới “lấy con
người làm trung tâm” mà không phải là “lấy nhà
nước làm trung tâm”.

II- AN NINH CON NGƯỜI - THUỐC ĐO AN NINH TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA

Dưới tác động của toàn cầu hóa, nhiều nước
trên thế giới đang trải qua những biến động lớn.
Một trong những hệ quả mà toàn cầu hóa đang gây
ra là những ảnh hưởng mang tính xuyên biên giới
khiến chính phủ của nhiều nước gặp khó khăn
trong việc kiểm soát các tác động bất lợi đối với
nhân dân của họ. Trong kỷ nguyên toàn cầu hóa,
quan niệm về một xã hội được đóng khung trong
biên giới quốc gia hiện đang gặp phải những thách

thúc đáng kể. Bởi vì, các đường biên giới đang bị “bào mòn” và “đục thủng” bởi các dòng di cư, các luồng vật chất và tinh thần đang chu chuyển xuyên qua các rào cản biên giới. Những khái niệm mới như “biên giới mềm”, “không gian ảo”, “đời sống xuyên quốc gia”, “các tác nhân xuyên biên giới”... xuất hiện ngày càng nhiều. Sự xuất hiện của những khái niệm này đã phản ánh một thực tế là: cộng đồng cư dân trong mỗi quốc gia đang gặp phải nhiều xáo trộn về mặt cấu trúc do không gian sinh hoạt bị thay đổi; thành phần dân cư trở nên phức tạp hơn bởi các dòng người nhập cư. Bên cạnh đó, cộng đồng dân cư của mỗi quốc gia hiện nay đều phải chịu những tác động khó kiểm soát đến từ bên ngoài, chẳng hạn như khủng hoảng tài chính, dịch bệnh, chất thải...

Tất cả những hiệu ứng mới như vậy, bất kể là “tốt” hay “xấu” đều có chung đặc tính là “khó đoán định” và “chính phủ không thể đứng ra giải quyết một cách đơn phương”. Đặc biệt là những hiệu ứng như vậy xuất hiện ngày càng nhiều. Giới nghiên cứu đã gọi hiện tượng này là “sự gia tăng các rủi ro mang tính xuyên biên giới”; và gọi những xã hội đang nếm trải hiệu ứng nói trên là “xã hội rủi ro”¹.

1. Xem Ulrich Beck: *Risk Society*, Polity Press, 1992.

Đối mặt với những rủi ro mới này, các giải pháp an ninh truyền thống mà các quốc gia đã từng áp dụng trở nên kém hiệu quả; đòi hỏi phải có sự thay đổi về nhận thức cũng như hành động. Chỉ khi có được nhận thức đầy đủ về những vấn đề nói trên, các quốc gia mới có thể đưa ra những đối sách thích hợp nhằm bảo đảm an ninh cho cư dân của mình.

Do hứng chịu những tác động khó kiểm soát đến từ toàn cầu hóa, cuộc sống của người dân trong phạm vi một quốc gia cũng đang phải đối mặt với những thách thức mới, đe dọa sự ổn định và thịnh vượng. Trong toàn cầu hóa, sự an toàn của người dân không chỉ bị chi phối bởi quốc gia - nơi họ đang sống; mà còn bị chi phối bởi những lực lượng đến từ toàn cầu hóa. Trên thực tế, mỗi quốc gia xây dựng cho mình những tiêu chí an ninh cụ thể, và dĩ nhiên là không giống nhau hoàn toàn, điều này tùy vào vị thế và thực lực của mỗi quốc gia trên trường quốc tế. Ở hoàn cảnh cụ thể và xác định, một quốc gia có thể đặt mục tiêu an ninh biên giới lãnh thổ lên hàng đầu; trong khi đối với quốc gia khác lại là an ninh lương thực hay an ninh năng lượng... Tuy nhiên, có một sự thật là đối với người dân ở khắp nơi trên thế giới, bất kể họ là công dân của nước nào, khát vọng về một trạng thái an toàn thân thể, thịnh vượng về

vật chất, phong phú về tinh thần, khát vọng về một môi trường mà ở đó các quyền cơ bản được tuân thủ luôn là nguyện vọng chung.

Việc lấy mức độ thực thi nguyện vọng chung này làm thước đo an ninh là phù hợp trong bối cảnh toàn cầu hóa, khi các yếu tố gây ảnh hưởng trở nên đa dạng và phức tạp hơn. Chẳng hạn, trong vòng một thập kỷ trở lại đây, việc các nước phát triển đầu tư vào nghiên cứu chất đốt hữu cơ từ ngũ cốc nhằm bảo vệ môi trường lại đe dọa đến an ninh lương thực của những nước đói nghèo. Điều đó đã chỉ ra rằng, các giải pháp an ninh đơn lẻ của từng quốc gia có thể dẫn đến hệ quả không mong muốn cho người dân của quốc gia khác. Bởi vậy, xét trong tổng thể để đánh giá đúng hiệu quả của các giải pháp an ninh, người ta cần quy chiếu về mức độ phụng sự con người của giải pháp an ninh đó. Theo đó thì “an ninh con người” trở thành “thước đo” của an ninh nói chung.

Với cách tiếp cận trên, việc “bảo đảm an ninh quốc gia” buộc phải hàm chứa “bảo đảm an ninh con người” như một yêu cầu tất yếu. Sẽ không có quốc gia nào có được an ninh thật sự, khi người dân của quốc gia đó rơi vào tình trạng đói nghèo, khổn khổ. Những chính phủ có thể đem lại cho đất nước của mình

trạng thái ổn định (theo nghĩa là không có chiến tranh), song mạng sống của người dân lại luôn bị đặt trong tình trạng bị đe dọa. Các vụ khủng bố gần đây ở một số nước như Mỹ, Pháp, Anh, Tây Ban Nha... là những minh chứng rõ ràng cho điều này. Do đó, sẽ không thể có an ninh đúng nghĩa trong những hoàn cảnh như vậy.

Bảo đảm an ninh con người nghĩa là tạo ra hệ thống các điều kiện, môi trường, phương thức để con người lao động, cải tạo xã hội một cách tự giác và biến xã hội thành nơi con người thoả mãn những chân giá trị. Việt Nam đang trong giai đoạn hội nhập sâu rộng vào đời sống khu vực và quốc tế, nên việc nhận thức về an ninh trong tình hình mới, để trên cơ sở đó có những hành động phù hợp là một việc làm cấp thiết hiện nay.

III- VẤN ĐỀ “CHỦ THỂ” BẢO ĐẢM/CUNG CẤP AN NINH CON NGƯỜI

1. Các chủ thể chính trong bảo đảm an ninh con người

Trước thời điểm chiến tranh lạnh kết thúc, đã tồn tại quan niệm phổ biến cho rằng, nhà nước có trách nhiệm đối với an ninh và có trách nhiệm chống

lại bạo lực từ bên ngoài, thường là dưới hình thức ngoại xâm. Ở góc độ này, đối tượng cần được bảo vệ là chính nhà nước mà không phải là các cá nhân. Với giả định rằng, nếu nhà nước được bảo đảm an toàn thì các công dân của nó cũng vậy. Điều đó hàm ý là an ninh con người (công dân) sẽ phụ thuộc vào việc nhà nước duy trì được quyền lực và chức năng của nó đến mức nào. Bất cứ mối đe dọa nào đối với nhà nước (cho dù đến từ bên ngoài hay từ bên trong) thì đều đồng nghĩa với việc công dân trở nên bất ổn tức là “mất an ninh”.

Tuy nhiên, hiện nay, với sự tác động của toàn cầu hóa, sự gia tăng của những rủi ro, đặc biệt là sự gia tăng của các tác nhân xuyên biên giới đã và đang làm thay đổi quan niệm về an ninh và các chủ thể tham gia cung cấp an ninh con người. Cụ thể, các quan niệm về an ninh truyền thống với chủ thể cung cấp an ninh là nhà nước đang ngày càng tỏ ra hạn hẹp và trong nhiều tình huống không còn phù hợp. Hiện nay, một mình nhà nước không thể gánh vác toàn bộ trách nhiệm cung cấp dịch vụ an ninh cho người dân. Mặc dù nhà nước vẫn giữ vai trò là chủ thể cung cấp an ninh chính yếu, song trong bối cảnh toàn cầu hóa, các nhà nước phải hợp tác với nhau và hợp tác với những nhân tố phi nhà nước mới có thể thực hiện

tốt chức năng này. Chẳng hạn, để chống lại nạn buôn thuốc phiện từ Côn Đảo qua Mêhicô đến Mỹ, Chính phủ Mỹ phải hợp tác với Chính phủ Mêhicô để ngăn chặn đường dẫn, đồng thời, Chính phủ Mỹ và Mêhicô cũng phải hợp tác với Chính phủ Côn Đảo ngăn chặn tận gốc nơi sản xuất thuốc phiện. Hay vấn đề di dân ở châu Âu; sự đe dọa của chủ nghĩa khủng bố (IS) sự nóng lên của trái đất trong thời gian gần đây đòi hỏi các nhà nước phải cùng đưa ra phương án giải quyết.

Hiện nay, thị trường cũng có thể trở thành một trong những chủ thể cung cấp dịch vụ an ninh cho người dân. Nếu thị trường, mà đại diện cho nó là các doanh nghiệp tư nhân, vì lợi nhuận mà phớt lờ các trách nhiệm đối với môi trường và xã hội, thì khi đó lập tức sẽ xuất hiện những hiểm họa đe dọa sự an toàn của người dân, cho dù nhà nước có bảo vệ người dân đến thế nào đi chăng nữa. Vì trong tình huống đó, nhà nước không thể một mình đứng ra bình ổn giá cả, kìm hãm lạm phát, ngăn chặn các cơn khủng hoảng tài chính, hay can thiệp “thô bạo” vào các quy luật của thị trường. Bởi vậy, việc bản thân thị trường đứng ra chủ động xây dựng các cơ chế bảo vệ người tiêu dùng, cơ chế bình ổn giá cả, cơ chế tiên liệu và ngăn chặn các cuộc khủng hoảng

tài chính cũng đồng nghĩa với việc tham dự vào hoạt động cung ứng dịch vụ an ninh cho con người. Có thể thấy, ở nhiều nước, các doanh nghiệp tư nhân đang chia sẻ trách nhiệm cung ứng dịch vụ công như y tế, sức khỏe cộng đồng, môi trường... với nhà nước, một khi nhà nước mở đường bằng chính sách “xã hội hóa”.

Như vậy, các yếu tố ảnh hưởng đến an ninh con người không chỉ đến từ nhà nước và thị trường, mà còn nằm trong bản thân mỗi con người. Do đó, bản thân mỗi con người cũng phải là một chủ thể cung ứng an ninh cho chính mình. Quan điểm “dân biết, dân làm, dân kiểm tra” cũng chính là như vậy.

Trong lịch sử phát triển của các quốc gia, chúng ta đã chứng kiến sự tồn tại của nhiều tổ chức dân sự được hình thành để tự bảo vệ mình trước nạn cướp bóc, trước những thảm họa môi trường, thiên tai... Việc người dân có quyền tự đứng ra bảo đảm an ninh cho chính mình đã in sâu trong văn hóa pháp lý của các bang thuộc miền Tây nước Mỹ. Cho đến nay, âm hưởng của nó vẫn còn khi luật pháp ở những bang này vẫn duy trì quyền tự trang bị vũ khí của người dân. Ý thức về nhu cầu tự bảo vệ mình trước các căn bệnh hiểm nghèo như ung thư, HIV... đã thúc đẩy hàng loạt tổ chức xã hội ra đời với mục tiêu giáo dục,

tuyên truyền, hỗ trợ về vật chất cũng như tinh thần nhằm ứng phó với những căn bệnh này.

Một thí dụ khác - Liên hiệp tổ chức người tiêu dùng trên thế giới luôn khuyến khích người dân nên dùng các “sản phẩm xanh” - vì lý do môi trường; hoặc nên kiên quyết từ chối các mặt hàng được sản xuất ra từ sự bóc lột lao động trẻ em và sức lao động của tù nhân - vì lý do nhân đạo. Gần đây, BBC Panorama đã phát hiện ra một bí mật trên một dây chuyền sản xuất Iphone. Hãng Apple cho biết, họ coi trọng đặc biệt đến chuỗi cung ứng vật liệu thiếc bởi nó là một thành phần quan trọng để tạo ra những chiếc Iphone. Do đó, Chương trình này đã tìm đến chuỗi cung cấp nguyên liệu của Apple tại đảo Bangka, Indônêxia, và phát hiện ra rằng, trên thực tế, những người làm việc ở đây đều đào mỏ bất hợp pháp. Tại đây, trẻ em phải đào mỏ bằng tay trong điều kiện cực kỳ nguy hiểm và có thể bị chôn sống bất cứ lúc nào khi các bức tường bằng cát hoặc bùn sụp đổ. Những sự thật này đã bị các chính phủ cũng như các công ty bỏ qua, và trong tình huống đó, xã hội đã phải đứng ra “tự cứu lấy mình” bằng sức mạnh của truyền thông và công luận.

Hiện nay, công nghệ viễn thông không dây với công cụ Internet đã mang lại cho con người một sức

mạnh mới trong việc huy động sự ủng hộ về vật chất, kỹ thuật cũng như tinh thần... cho các chương trình “tự bảo vệ” của nó.

Như vậy có thể thấy để có một trạng thái an ninh hiệu quả thì cả nhà nước, thị trường và con người (công dân) đều phải cùng vào cuộc. Nhu cầu này đã mở rộng phạm vi của chủ thể cung ứng và bảo đảm an ninh trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện việc cung ứng dịch vụ an ninh cho con người, các chủ thể nhà nước hay công ty có thể làm ăn tắc trách, hoặc bị chi phối bởi lợi ích nhóm, cục bộ... mà làm sai lệch đi bản chất của dịch vụ, thì khi đó, vấn đề “tiêu chí đo lường” an ninh con người được đặt ra. Hiện nay, các chủ thể cung ứng an ninh đã đi đến một nhận thức chung về tiêu chí đo lường đó là: quy chiếu về *an ninh con người* (bảo vệ các giá trị cốt lõi của con người). Với tiêu chí này, mọi lý do bao biện cho các hành vi độc tài, vi phạm nhân quyền, diệt chủng, hoặc xâm hại thân thể và nhân phẩm con người... nhân danh bất cứ lý tưởng hay mục tiêu “cao cả”, hay “lợi ích” nào... đều không có giá trị.

Những kẻ cuồng tín của Nhà nước Hồi giáo tự xưng (IS) cũng tự tuyên bố về hành vi dã man của chúng là hành vi bảo vệ tín đồ Hồi giáo trước nạn

xâm thực của văn hóa phương Tây. Và với lôgic ấy, việc tàn sát những cộng đồng tôn giáo khác được luận giải thành hành vi cung ứng “an ninh” cho người Hồi. Tuy nhiên, những luận điệu kiểu như vậy sẽ chấm dứt khi gặp phải thước đo “an ninh con người”.

Theo đó, sự biến đổi an ninh con người trong bối cảnh toàn cầu hóa không chỉ bao hàm việc xuất hiện những chủ thể mới, mà còn bao gồm cả việc thay đổi thước đo.

2. Vai trò của nhà nước trong việc bảo đảm an ninh con người

Để đảm bảo an ninh con người, các nhà nước cũng như các xã hội phải tạo ra được môi trường chính trị, xã hội, kinh tế, quân sự, văn hóa, sinh thái... sao cho những quyền nói trên được bảo toàn. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, nếu chỉ nhà nước đứng ra làm điều này thì rõ ràng là không đủ. An ninh con người không phải là một trạng thái trừu tượng, chung chung, mà nó gắn với sự an toàn của từng cá nhân cụ thể trong xã hội. Do đó, mỗi cá nhân cùng cộng đồng nơi mà cá nhân đó sinh sống - trước hết phải có trách nhiệm với an ninh của chính mình.

Việc ủy quyền của các cá nhân cho nhà nước trong việc bảo đảm an ninh là cách làm phổ biến trước đó trong lịch sử. Trình tự lôgic ở đây là: các cá nhân (người dân) bầu ra người đại diện; người đại diện bầu ra chính phủ; chính phủ thực thi quyền lực với sự hậu thuẫn của pháp luật và sức mạnh cưỡng chế - nhằm bảo vệ các quyền của cử tri (những người dân đã bầu ra nó).

Nhưng thực tế hiện nay cho thấy, nhiều nhà nước khi theo đuổi mục tiêu của mình đã bỏ qua hoặc phớt lờ mục tiêu tối hậu là an ninh của chính những con người đã dựng lên nhà nước. Chẳng hạn, trong Báo cáo năm 2003 của Ủy ban An ninh con người có lưu ý đến điểm này khi bàn về cuộc chiến chống khủng bố hiện nay. Nhiều nhà nước đã nhân danh mục tiêu chống khủng bố mà xem nhẹ hoặc vi phạm những quyền cơ bản của người dân, chẳng hạn như quyền riêng tư, quyền tự do đi lại, quyền tự do tôn giáo, v.v..¹. Viện Quan sát thế giới cũng xác nhận thực tế này trong *Báo cáo tình hình thế giới năm 2005* với kết luận rằng, cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố đã làm chênh hướng quan tâm của thế giới

1. Xem Commission on Human Security: “Human Security Now”, New York, 2003, p.5.

đến tình trạng mất an ninh toàn cầu như nghèo đói, bệnh truyền nhiễm, suy thoái môi trường, tranh chấp tài nguyên thiên nhiên.

Có thể thấy một thực tế hiện nay là: Trong toàn cầu hóa, nếu chỉ một mình đơn độc, nhà nước sẽ không có đủ năng lực bảo vệ người dân của mình trước những hiểm họa xuyên biên giới. Trước đây, các mối đe dọa thường đến từ quan hệ giữa các nhà nước với nhau, mà đỉnh điểm là hai cuộc chiến tranh thế giới ở nửa đầu thế kỷ XX. Trong hai cuộc chiến tranh ấy, biết bao người dân mất người thân, gia đình, nhà cửa... nền kinh tế hoang tàn, đổ nát... Thực tế ấy cùng với lịch sử nhân loại đã để lại cho các nhà nước những bài học xương máu rằng, muốn có an ninh thì phải tăng cường bộ máy quân sự và an ninh gần như đồng nghĩa với tình trạng không có chiến tranh.

Tuy nhiên, khi bước vào kỷ nguyên toàn cầu hóa, những quan niệm như vậy về an ninh đã tỏ ra là “chưa đầy đủ”, và đôi khi là “không phù hợp”. Mặc dù không có chiến tranh, song ở nhiều quốc gia, số người chết bởi tai nạn giao thông, dịch bệnh, đói nghèo tính hằng ngày - còn lớn hơn cả trong chiến tranh. Chưa cần đến các cuộc xâm lược lấn nhau giữa các nhà nước để cướp đoạt tài nguyên, thì đến nay, tài nguyên

của nhiều quốc gia đã tự bị cạn kiệt vì sự khai thác bừa bãi. Với tư cách đơn lẻ, nhà nước hiện nay đang bất lực trước sự xuống cấp môi trường, các dòng nhập cư trái phép, sự thăng trầm của thị trường tài chính...

Thế giới đang được toàn cầu hóa, tính phụ thuộc lẫn nhau đang tăng lên không ngừng - đó chính là lý do giải thích vì sao một chủ thể đơn độc (cho dù mạnh mẽ như nhà nước) cũng không thể đứng ra ngăn chặn được những hiểm họa mang tính toàn cầu để đem lại an ninh cho bản thân nó và cho người dân.

Thêm vào đó, bên trong mỗi nhà nước hiện nay cũng tiềm ẩn những yếu tố gây bất ổn - và những yếu tố như vậy đang được nuôi dưỡng hoặc kích hoạt bởi toàn cầu hóa. Vấn đề ly khai, xung đột sắc tộc, tôn giáo... - những nhân tố mà vốn trước kia nhà nước có thể đơn phương dùng bạo lực trấn áp hay thiết lập kỷ cương... thì đến nay không còn dễ dàng giải quyết như vậy. Toàn cầu hóa đang mang lại cho những nhân tố gây bất ổn bên trong “sức sống” cũng như “sự hậu thuẫn”, bằng cách tạo ra mạng lưới xuyên quốc gia, nhằm cung cấp tư tưởng để nuôi dưỡng, cung cấp nhân lực để thực hiện và cung cấp tài lực để mua phương tiện cho những nhân tố ấy.

Có thể coi IS Nhà nước Hồi giáo tự xưng là ví dụ điển hình cho trường hợp nêu trên.

Một cách tổng quát, có thể thấy, trong toàn cầu hóa các nhà nước đang phải đương đầu với những thách thức an ninh đến từ bên ngoài lẫn bên trong, mà với chúng - chỉ trông cậy vào sức mạnh của từng nhà nước đơn lẻ để giải quyết là không đủ.

Chương III

KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ NHỮNG BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

I- “AN NINH CON NGƯỜI”
CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

1. Trường hợp Canada

Năm 1994, Canada đã lần lượt cho ra đời một loạt báo cáo: *Báo cáo quan hệ quốc tế Canada*; *Canada thế kỷ XXI: Canada và an ninh chung của thế kỷ XXI*; *Chính sách ngoại giao của Canada*; *An ninh trong thế giới biến động - báo cáo của Ủy ban liên hợp đặc biệt chính sách phòng thủ Canada*¹.

Các bản báo cáo này đều nhấn mạnh các nguy cơ mà Canada phải đối mặt là những nguy cơ mang tính toàn cầu từ bên ngoài như: môi trường xấu đi, dân số tăng nhanh, di dân phi pháp, tội phạm có tổ chức.

1. Krasner Stephen: “Sovereignty”, *Foreign Policy* (122), 2001.

Các báo cáo cũng cho rằng, Canada cần phải điều chỉnh chính sách và cơ chế, tích cực tham gia hợp tác quốc tế để đối phó với các mối đe dọa thuộc loại an ninh phi truyền thống.

Căn cứ vào những báo cáo này, Chính phủ Canada đã điều chỉnh mục tiêu an ninh theo hướng lấy con người làm trung tâm và làm thước đo an ninh. Hiện nay, Canada đã điều chỉnh và thông qua những đạo luật bảo vệ an toàn cho các tổ chức và công dân của mình. Những nỗ lực của Canada hướng đến các mục tiêu như: (1) Chống khủng bố; (2) An ninh quốc gia; (3) Quản lý các chương trình viện trợ quốc tế; (4) An ninh con người.

- *Chống khủng bố*

Đạo luật Nhập cư và bảo vệ người tị nạn, cho phép ban hành các “chứng nhận an ninh” để từ chối khách tham quan nước ngoài hoặc dân cư trú bị tình nghi là đe dọa an ninh quốc gia. Bằng chứng tình nghi có thể được xuất trình bí mật cho tòa án mà không có mặt bị cáo và luật sư của bị cáo, và không cần đáp ứng các quy tắc bằng chứng thông thường. Theo đó, những người bị tình nghi có thể bị giam cầm vô thời hạn chờ điều tra vụ án, và sẽ bị trục xuất nếu xác minh được rằng họ là những người đe dọa an ninh quốc gia.

Đạo luật Đăng ký từ thiện (Thông tin an ninh), cho phép sử dụng thông tin mật để thu hồi giấy phép hoạt động từ thiện của một tổ chức mà tổ chức đó có tài trợ cho chủ nghĩa khủng bố. Các chứng nhận an ninh cũng có thể cấp cho các tổ chức từ thiện theo các điều kiện giống như trong *Đạo luật Nhập cư và bảo vệ người tị nạn.*

Quy định Thông tin hành khách (Hải quan), cho phép Cơ quan Thuế và Hải quan Canada (CCRA) tiếp cận tất cả thông tin liên quan đến một cá nhân đã đăng ký trên hệ thống giữ chỗ của một hãng hàng không hoặc đại lý du lịch. Thông tin có thể được lưu trữ tới 6 năm và có thể được chia sẻ với các cơ quan thi hành luật pháp trong nước và nước ngoài.

Đạo luật An toàn công cộng, cho phép các viên chức thi hành luật pháp xem xét danh sách hành khách hàng không để bảo đảm “an toàn vận tải” và chống lại “những mối đe dọa đối với an ninh của Canada”.

Như một biện pháp bảo vệ bổ sung, Canada đã ký *Hiệp định Nước thứ ba an toàn* với Hoa Kỳ vào tháng 12/2002. Hiệp định có hiệu lực từ ngày 29/12/2004 buộc những người tìm kiếm nơi cư trú ở Canada và Hoa Kỳ phải giải trình yêu cầu của mình ở quốc gia nơi họ đặt chân đến đầu tiên. Như vậy, người xin tị nạn tại Canada mà đến từ phía Hoa Kỳ (đã bị Hoa Kỳ từ chối) thì sẽ không còn đủ điều kiện để được xét tại Canada.

- *An ninh quốc gia*

Vào tháng 4/2004, là một phần trong nỗ lực ủng hộ an ninh quốc gia, Canada đã đưa ra tuyên bố nhà nước: *Bảo đảm an ninh cho xã hội mở*, một tuyên bố toàn diện đầu tiên của quốc gia về chính sách an ninh quốc gia. Chính sách này nhằm cung cấp “một chiến lược hợp nhất để xử lý các mối đe dọa hiện tại và tương lai đối với quốc gia” bằng cách tập trung vào “lợi ích an ninh quốc gia” được xác định là bảo vệ người Canada trong nước và ở nước ngoài, bảo đảm rằng Canada không phải là căn cứ của những mối đe dọa đối với các đồng minh của mình và góp phần vào bảo đảm an ninh quốc tế. Chính sách này cũng xác định những mối đe dọa cụ thể đối với Canada là: chủ nghĩa khủng bố; sự gia tăng nhanh chóng của vũ khí hủy diệt hàng loạt; hoạt động tình báo nước ngoài; thiên tai; tội phạm có tổ chức và bệnh dịch. Chính phủ Canada đã xác định chủ nghĩa khủng bố là mối đe dọa cao nhất đối với người Canada.

Nhằm bảo vệ người Canada, tuyên bố *Bảo đảm an ninh cho xã hội mở* - một đề xuất chiến lược dựa trên việc hợp nhất lớn hơn do các cơ quan và ban, ngành chính phủ lựa chọn theo sáu lĩnh vực then chốt: thu thập và đánh giá tin tức tình báo; lập kế hoạch và quản lý tình huống khẩn cấp; y tế công cộng; an ninh

vận tải; an ninh biên giới và an ninh quốc tế. Đồng thời, công bố thành lập các phòng, ban mới để hợp nhất và giám sát tốt hơn các biện pháp an ninh. Nhà nước Canada đã lập ra được ít nhất mười cơ quan hoặc ban, ngành như vậy từ sau sự kiện ngày 11/9.

- *Quản lý các chương trình viện trợ quốc tế*

Sự quan tâm ngày càng lớn của Canada tới an ninh cũng ảnh hưởng đến các chính sách Viện trợ phát triển chính thức (ODA). Mức độ tài trợ tăng lên cho hoạt động tái thiết ở những quốc gia là mục tiêu trực tiếp của “cuộc chiến chống khủng bố”.

Hội đồng Hợp tác quốc tế Canada (CCIC) báo cáo rằng, từ năm 2002, Canada đã sử dụng 916 triệu đôla Canada cho các chương trình nhân văn và tái thiết ở Afghanistan và Iraq. Khoản tiền này chỉ ít hơn một chút so với khoản tài trợ thường niên của Canada cho toàn bộ khu vực châu Phi, tiểu vùng Sahara (khoảng 1,2 tỷ đô la Canada).

- *An ninh con người*

Pháp luật chống khủng bố, chính sách an ninh quốc gia và những định hướng ODA hiện nay của Canada là tín hiệu cho thấy nước này đang tích cực hướng tới việc bảo đảm an ninh cho các công dân của họ.

Chương trình nghị sự an ninh con người của Canada năm 1999 khi đó đã lưu ý rằng, những mối đe dọa mới của thế kỷ XXI “đòi hỏi chúng ta xem xét

an ninh nhiều hơn về con người, chứ không phải nhu cầu của nhà nước”¹.

2. Trường hợp Liên minh châu Âu (EU)²

Ngày 25/3/2020, Liên minh châu Âu kỷ niệm 63 năm ngày ký Hiệp ước Roma, bước đầu tiên hướng đến một châu Âu thống nhất. Kể từ khi Cộng đồng châu Âu ra đời vào năm 1957, công dân các nước thành viên đã được hưởng sáu thập niên hoà bình, thịnh vượng và an ninh chưa từng có trong tiền lệ. Sự tương phản so với nửa đầu của thế kỷ XX không thể rõ ràng hơn. Hai cuộc chiến tranh khốc liệt ở châu Âu (1914-1918 và 1939-1945) đã khiến hàng chục triệu người thiệt mạng và để lại một lục địa bị tàn phá, chia rẽ và kiệt quệ. Đối với các nước trải qua chiến tranh kéo dài thì hội nhập châu Âu là một dự án hòa bình thành công nhất trong lịch sử. Để đạt được những thành quả hiện hữu này một phần không nhỏ là nhờ vào những chính sách bảo đảm an ninh đúng

1. Government of Canada: “Canada’s Human Security Agenda for the Hemisphere”, *Notes for an address by the Honourable Lloyd Axworthy, Minister of Foreign Affairs, to the Instituto Tecnologico Autonomo de Mexico (ITAM)*, 1999, p.23.

2. Xem Bộ Công an, Hội đồng Lý luận Trung ương: *Bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người: Kinh nghiệm Việt Nam và quốc tế*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2019, tr.401-422.

hướng của các nhà lãnh đạo, các nhà hoạch định chính sách của Liên minh châu Âu, thực hiện những bước đi thực dụng và đầy tham vọng đó là bảo đảm an ninh con người, biến Liên minh châu Âu trở thành một miền đất hứa, một siêu cường hùng mạnh.

Các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách an ninh của Liên minh châu Âu nhận định rằng sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, nhiều người trên thế giới sống trong tình trạng mất an ninh do những nguyên nhân tự nhiên (động đất, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, thiên tai...), do hậu quả của các cuộc xung đột sản sinh ra các “hố đen” làm nơi gieo mầm tạo nguồn gốc cho mất an ninh của cuộc sống con người ở bên ngoài lãnh thổ Liên minh châu Âu như vấn đề sắc tộc, vấn đề thuộc lĩnh vực nhân quyền, khủng bố quốc tế, tội phạm có tổ chức, an ninh năng lượng, an ninh mạng, suy thoái môi trường, lan truyền vũ khí hủy diệt hàng loạt, phát triển hợp tác... dường như không có liên quan đến an ninh của Liên minh châu Âu. Nhưng hiện nay, thực tế ngày càng cho thấy tình trạng mất an ninh và các xung đột như thế đã tác động trực tiếp đến an ninh của công dân Liên minh châu Âu như: tình trạng tội phạm ở miền Nam Caucasus và Balkan vận chuyển lậu ma túy và vũ khí sang các nước Liên minh châu Âu, tổ chức buôn người và di dân bất hợp pháp vào Liên minh châu Âu

hoặc các cuộc chiến tranh ở châu Phi đang phá hỏng nỗ lực của Liên minh châu Âu giúp châu lục này chống đói nghèo và bệnh tật... Hay các vụ khủng bố ngày 11/3/2004 ở Tây Ban Nha, ngày 11/9/2001 ở Mỹ, ngày 13/11/2015 ở Pháp, ngày 15/3/2019 ở Niu Dilân, ngày 19/02/2020 ở Đức,... cho thấy nguồn gốc của mất an ninh không còn như trước kia khi chủ yếu đến từ sự tấn công vũ trang, xâm phạm lãnh thổ của kẻ thù ngoại quốc, con người giờ đây cảm thấy mất an toàn dù ẩn nấp bên trong lãnh thổ hòa bình của mình¹.

Chiến lược an ninh châu Âu được Cộng đồng châu Âu (EC) thông qua vào tháng 12/2003 và tạo dựng Học thuyết An ninh con người cho châu Âu (Human Security Doctrine for Europe) được công bố vào tháng 9/2004. Liên minh châu Âu xác định đang đứng trước năm mối đe dọa chính thức: (1) Chủ nghĩa khủng bố; (2) Việc phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; (3) Các cuộc xung đột khu vực; (4) Các nhà nước suy yếu không làm tròn nhiệm vụ; (5) Tội phạm có tổ chức.

Những đe dọa này gắn kết với nhau tạo ra những tình huống mất an ninh nghiêm trọng và đe dọa toàn cầu chứ không chỉ riêng các nước Liên minh châu Âu.

1. Xem GS.TS. Bùi Huy Khoát: “An ninh con người: Quan niệm châu Âu - Vấn đề của Đông Nam Á”, đăng trên Tạp chí *Nghiên cứu châu Âu*, số 4/2009.

Các nhà hoạch định chính sách cũng nhấn mạnh rằng trong các đe dọa mới đó không có đe dọa nào có thể giải quyết được thuận túy bằng biện pháp quân sự. Chính vì thế các nhà sáng lập chính sách an ninh của Liên minh châu Âu cho rằng trong bối cảnh đó không thể sử dụng chính sách an ninh truyền thống dựa trên cơ sở bảo vệ các đường biên giới quốc gia và ngăn chặn các đe dọa theo quan niệm hẹp về lợi ích quốc gia. Chính sách an ninh của Liên minh châu Âu phải xây dựng trên cơ sở an ninh con người chứ không chỉ an ninh quốc gia¹.

Xác định là thực thể thúc đẩy các chuẩn mực quốc tế, một cực thu hút các quan hệ hợp tác đa phương chứ không phải là một siêu cường đe dọa các nước khác, Liên minh châu Âu khẳng định trách nhiệm đóng góp tạo dựng một thế giới an toàn hơn và công bằng hơn. Học thuyết an ninh con người của Liên minh châu Âu được công bố gồm ba thành tố cơ bản²:

Thứ nhất là một bộ bảy nguyên tắc cho các hoạt động trong tình huống mất an ninh nghiêm trọng:

- Quyền con người (trước hết là các quyền được sống, được có chõ ở, được tự do bộc lộ quan điểm...)

1. Xem GS.TS. Bùi Huy Khoát: “An ninh con người: Quan niệm châu Âu - Vấn đề của Đông Nam Á”, *Tlđd*.

2. <http://www.humansecuritycentre.org>.

cần được tôn trọng và bảo vệ ngay cả trong khi đang diễn ra xung đột.

- Quyền lực chính trị rõ ràng cho phái đoàn quốc tế được đưa đến nơi xảy ra mất an ninh nghiêm trọng.

- Chủ nghĩa đa phương với ba khía cạnh cơ bản: cam kết hoạt động với các thiết chế quốc tế (Liên hợp quốc, OSCE, NATO...); cam kết những cách thức làm việc chung, các nguyên tắc chung và cam kết phối hợp chứ không phải là cạnh tranh.

- Cách tiếp cận từ dưới lên như một phương pháp nghiên cứu tại chỗ (on - the - job learning) cần được thực hiện xuyên suốt vì sự bén rẽ quá sâu của cách tiếp cận từ trên xuống trong các thiết chế quốc tế. Đó cũng là cách làm để tăng an ninh cho các cá nhân con người ở khắp mọi nơi.

- Sự tập trung khu vực với hàm ý các cuộc chiến tranh - xung đột bây giờ không có đường biên giới rõ ràng và phần lớn lan tỏa ra ở cấp khu vực, cho nên nếu chỉ tập trung chú ý vào địa bàn quốc gia sẽ dễ bỏ qua việc ngăn chặn sự lan tỏa bạo lực.

- Sử dụng các công cụ pháp luật trong đó tiếp tục áp dụng luật địa phương nhưng có sự pha trộn hỗn hợp với luật quốc tế.

- Sử dụng thích hợp sức mạnh ở mức tối thiểu nhằm trong sự liên kết thích hợp năng lực dân sự và

quân sự cho việc thực hiện các hoạt động bảo vệ an ninh con người.

Thứ hai là một lực lượng ứng phó bảo vệ an ninh con người với 15.000 biên chế trong đó 1/3 là dân sự. Liên minh châu Âu xác nhận đang phát triển nhanh năng lực quân sự - chiến lược của riêng mình với các nhóm tác chiến và các lực lượng can thiệp trên cơ sở những kinh nghiệm đã tích lũy được từ quản lý khủng hoảng ở ngoài Liên minh châu Âu...

Thứ ba là một khung khổ luật pháp mới điều chỉnh cả việc quyết định can thiệp lẫn các hoạt động trên mặt đất. Để thực hiện chính sách an ninh dựa trên các nguyên tắc kể trên không thể không xây dựng khung pháp lý - thể chế tạo cơ sở cho cách tiếp cận bắt buộc theo luật pháp đối với các hoạt động can thiệp.

Mặc dù còn có ý kiến phê phán quan niệm an ninh con người như vậy là quá rộng, bao hàm từ ngăn chặn xung đột, quản lý khủng hoảng đến phối hợp dân sự - quân sự... làm cho học thuyết trở nên mơ hồ, nhưng từ đây có thể thấy nổi lên rõ ràng cách tiếp cận bảo vệ mỗi cá thể con người chứ không chỉ tập trung vào việc bảo vệ biên giới Liên minh châu Âu theo cách tiếp cận truyền thống - an ninh quốc gia, dân tộc.

Có thể tóm lại ba động cơ cơ bản để Liên minh châu Âu thông qua khái niệm về an ninh con người trong Chính sách đối ngoại và an ninh chung (CFSP)

và Chính sách an ninh và quốc phòng châu Âu (ESDP): đạo đức, pháp lý và vì lợi ích của chính mình¹. Ba động cơ này có sự cộng sinh, bổ sung cho nhau cả về mặt lý luận và thực tiễn, và không thể tách rời nhau. Động cơ đầu tiên để áp dụng cách tiếp cận an ninh con người dựa trên giả thuyết đạo đức. Ý tưởng cơ bản là Liên minh châu Âu và các công dân của EU cam kết về mặt đạo đức để giúp đỡ các quốc gia, khu vực, cộng đồng và cá nhân thiếu an ninh cơ bản hoặc gặp phải những mối đe dọa đối với an ninh của họ. Đây là những mối đe dọa liên quan đến nhu cầu phổ quát và do đó được hình thành tự nhiên theo các tiêu chuẩn được chấp nhận rộng rãi. Thứ hai, tiếp cận an ninh con người dựa trên động cơ luật pháp. Dựa trên các giá trị được kết tinh trong luật pháp quốc tế, Liên minh châu Âu có nghĩa vụ pháp lý để bảo đảm an ninh con người cho tất cả mọi người, không chỉ riêng chính nó, trên cơ sở các chính sách an ninh. Cuối cùng đó là dựa trên động cơ vì lợi ích của chính mình, bởi người dân châu Âu không thể có an ninh trong khi những người khác trên thế giới sống trong tình cảnh mất an ninh nghiêm trọng. Sự mất

1. Xem M. Glasius and M. Kaldor: “Individuals First: A Human Security Strategy for the European Union”, *Internationale Politik und Gesellschaft*, 01/2005, pp.62-82.

an ninh bên ngoài sẽ ảnh hưởng đến các giá trị và thể chế châu Âu. Ví dụ, khi một xã hội ở Trung Đông, châu Phi bị thiên tai hoặc nội chiến, các nước Liên minh châu Âu sẽ bị ảnh hưởng đáng kể về di cư bất hợp pháp và mạng lưới khủng bố hoặc tội phạm phát triển. Do vậy, Liên minh châu Âu phải can dự vào an ninh con người vì các lý do đạo đức, pháp lý và cả vì những lợi ích của chính mình¹.

Với cách tiếp cận và quan niệm như trên về an ninh con người thì thực tiễn đã chứng minh Liên minh châu Âu đã có những động thái tích cực trong việc thực hiện chính sách an ninh con người nhằm bảo đảm quyền con người của công dân EU nói riêng và của con người trên thế giới nói chung cụ thể:

- Trong lĩnh vực bảo đảm an ninh nội bộ và an ninh bên ngoài Liên minh châu Âu:

Trong hai thập kỷ qua, với Chính sách đối ngoại và an ninh chung và Chính sách an ninh và quốc phòng châu Âu, Liên minh châu Âu đã xây dựng các lĩnh vực chính cho việc bảo đảm an toàn và an ninh trong khu vực. Thông qua CFSP và ESDP, Liên minh châu Âu không chỉ muốn thúc đẩy và duy trì sự ổn

1. Xem M. Glasius and M. Kaldor: “Individuals First: A Human Security Strategy for the European Union”, *Internationale Politik und Gesellschaft*, 01/2005, pp.62-82.

định trong phạm vi biên giới, mà còn để đáp ứng với các mối đe dọa bên ngoài và các điểm yếu có thể xâm nhập vào biên giới Liên minh châu Âu. Bằng những hành động của mình Liên minh châu Âu đã có tiếng nói quan trọng trong chính trị thế giới, là một trong những cơ quan khởi xướng các nguyên tắc có tính quy chuẩn được thừa nhận trong hệ thống Liên hợp quốc (nguyên tắc: hoà bình, tự do, dân chủ, nhân quyền, pháp quyền, bình đẳng, đoàn kết xã hội, phát triển bền vững và quản trị tốt)¹.

Trong Chiến lược an ninh châu Âu (ESS) được thông qua năm 2003 nêu rõ mục tiêu chung là thúc đẩy hòa bình, pháp quyền và phát triển là những yếu tố then chốt cho sự an toàn của công dân EU. Chiến lược an ninh châu Âu thừa nhận bức tranh về an ninh hiện tại khác với quá khứ bằng cách tuyên bố rằng: “Sau chiến tranh lạnh, cục diện thế giới có nhiều thay đổi, đường biên giới giữa các quốc gia ngày càng mở, sự liên kết giữa an ninh nội bộ và an ninh bên ngoài không thể tách rời”. Do đó, đòi hỏi Liên minh châu Âu có vai trò hàng đầu và có trách nhiệm trong việc thúc đẩy hòa bình và an ninh, thậm chí vượt ra ngoài biên giới và khu vực lân cận. Liên minh châu Âu đã tích

1. Xem I. Manners: “The Normative Ethics of the European Union”, *International Affairs*, Vol. 84, No.1, 2008, pp.45-60.

cực tham gia vào các sứ mệnh quân sự, đặc biệt là các sứ mệnh dân sự theo sự bảo trợ của chương trình ESDP. Hiện nay, Liên minh châu Âu có mặt trong 16 sứ mệnh trên ba châu lục, và hỗ trợ nguồn nhân lực đáng kể trong các nhiệm vụ này. Các nhiệm vụ khác nhau về mục tiêu, phạm vi, quy mô và mức độ hoạt động, bao gồm các nhiệm vụ về chính sách, pháp quyên, nhiệm vụ quân sự, giám sát và lập kế hoạch, và cải cách an ninh khu vực... Tổng số đóng góp của Liên minh châu Âu cho đến nay vào khoảng 26 nhiệm vụ riêng biệt¹. Với những đóng góp này, Liên minh châu Âu không chỉ góp phần quan trọng bảo đảm an toàn cho công dân EU mà còn được coi là một cường quốc và có tiếng nói quan trọng trên trường quốc tế.

Kể từ sự kiện ngày 11/9, cuộc chiến chống lại chủ nghĩa khủng bố đã trở thành nguyên nhân chính cho việc đồng hóa ngày càng tăng của các vấn đề của Liên hợp quốc và các quan hệ đối ngoại của Liên minh châu Âu. Các cuộc tấn công ngày 7/7 tại London và các vụ đánh bom ở Madrid vào năm 2004 làm tăng thêm nhận thức cho các nhà hoạch định chính sách và công dân Liên minh châu Âu về mức độ nghiêm

1. Xem G. Gya and J. Herz: *ESDP and EU Missions Update*, European Security Review No. 43, ISIS Europe, Brussels, March 2009.

trọng của các mối đe dọa khủng bố ở châu Âu. Các biện pháp chống khủng bố đang được các quốc gia thành viên áp dụng để phát hiện và bắt giữ các mạng lưới, nhằm bảo vệ người dân và các khu vực nhạy cảm. Các biện pháp cũng đang được áp dụng bên ngoài ranh giới lãnh thổ của thành viên Liên minh châu Âu với mục đích giải quyết các cuộc khủng hoảng và nói lồng sự thất vọng và bạo lực ở các khu vực xung đột¹.

Bên cạnh đó, do mức độ phức tạp của tình hình an ninh bên trong và bên ngoài, Liên minh châu Âu đã có sự gia tăng các hoạt động nội bộ liên quan đến quản lý, kiểm soát biên giới, nhập cư, chống khủng bố và tội phạm có tổ chức. Ngoài ra, đầu tư và các nguồn lực ngày càng được quan tâm để phát triển các công nghệ an ninh mới và các biện pháp tình báo nhằm mục đích bảo vệ an ninh nội bộ của Liên minh châu Âu. Các công cụ này cho đến nay luôn nằm dưới chiếc ô CFSP/ESDP, giờ đây cũng được sử dụng dưới cái tên an ninh nội bộ và an ninh quốc gia. Ví dụ, Cơ quan Đối ngoại châu Âu (EEAS), ban đầu được

1. Inger Helene Sira And Jonas Gräns: “The Promotion of Human Security In EU Security Policies”, 7 March 2009, http://aei.pitt.edu/14987/1/INEX_PB7_by_Sira_&_Grans_e-version.pdf.

thành lập để theo dõi và quan sát các vấn đề chính sách đối ngoại và an ninh thông thường như vũ khí hủy diệt hàng loạt, phổ biến vũ khí hạt nhân và các hoạt động khủng bố bên ngoài biên giới Liên minh châu Âu, kể từ tháng 02/2005 đã kết hợp chống khủng bố Đơn vị (CT). Đơn vị tập trung vào các khía cạnh nội bộ của việc chống khủng bố bao gồm việc thu thập và chia sẻ thông tin tình báo giữa các lực lượng cảnh sát quốc gia về những người được coi là phần tử của các hoạt động khủng bố và bạo lực và tội phạm có tổ chức ở các thành phố và vùng ngoại ô châu Âu.

Với sự xuất hiện liên tục các vấn đề an ninh nội bộ và an ninh bên ngoài, đẩy Liên minh châu Âu tới tình trạng tiến thoái lưỡng nan là làm cách nào để bảo đảm an ninh cho Liên minh châu Âu tốt nhất. Câu hỏi đặt ra là liệu Liên minh châu Âu có chấp nhận cách thức đóng cửa biên giới, kiểm soát sự ra vào của dân chúng bằng cách mở rộng giám sát và đầu tư vào công nghệ an ninh hay thúc đẩy chính sách an ninh tập trung nhiều hơn vào việc tăng cường xây dựng hình ảnh Liên minh châu Âu với vai trò gìn giữ hòa bình và hỗ trợ các nước ngoài biên giới theo các trụ cột của CFSP và ESDP. Bài toán đang đặt ra làm đau đầu các nhà lãnh đạo Liên minh châu Âu đó là làm thế nào để tìm ra sự cân bằng giữa các chính sách có thể giải quyết mối liên hệ an ninh nội

bộ và an ninh bên ngoài, đồng thời hiểu được sự phức tạp của các vấn đề an ninh. Để thực hiện tốt vai trò này đòi hỏi các nước thành viên của Liên minh châu Âu cần phải nỗ lực tăng cường hơn nữa trong các sứ mệnh của mình bởi thực tế trong các cuộc thảo luận công khai giữa các nhà hoạch định chính sách và các nước thành viên của Liên minh châu Âu, vẫn có nhiều lời chỉ trích về sự thiếu vắng sức mạnh chính trị của Liên minh châu Âu. Các nhà phê bình nhấn mạnh nguồn lực hạn chế của Liên minh châu Âu trong các nhiệm vụ, cũng như sự thiếu cam kết và ý chí chính trị giữa các quốc gia thành viên¹. Việc bảo đảm an ninh vẫn là cuộc chiến đơn lẻ của từng thành viên trong Liên minh châu Âu, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các nước thành viên. Vấn đề này không chỉ gây ảnh hưởng đến chiến lược an ninh chung của Liên minh châu Âu, nó cũng có khả năng làm suy giảm sức mạnh và ảnh hưởng của Liên minh châu Âu trên trường quốc tế.

- Trong lĩnh vực bảo đảm các quyền tự do cơ bản của công dân:

1. Xem International Crisis Group: *EU Crisis Response Capabilities Revisited*, Europe Report No. 16.

International Crisis Group, Brussels, 17 January 2005; see also Korski and Gowan (2009), op. cit., pp.11-13.

Có thể nói gốc rễ của vấn đề mất an ninh đó là ở đâu đó quyền con người chưa được bảo đảm, còn bị xâm phạm, đe dọa. Để bảo đảm an ninh con người thì không thể không nói đến các biện pháp bảo đảm các quyền cơ bản của con người. Châu Âu được biết đến là châu lục rất phát triển và là cái nôi của quyền con người, ở đó quyền con người được ghi nhận tôn trọng và bảo đảm thực hiện rất hiệu quả. Đây cũng là khu vực đi đầu trên thế giới về việc xây dựng cơ chế giám sát, thúc đẩy và bảo vệ quyền con người. Liên minh châu Âu và các quốc gia thành viên đã có những biện pháp quan trọng để bảo vệ và thúc đẩy các quyền cơ bản bằng cách thực hiện các cam kết quốc tế, sửa đổi luật pháp và theo đuổi các chính sách vì con người trong thực tiễn. Tuy nhiên, những năm gần đây Liên minh châu Âu đang gặp phải nhiều vấn đề đáng lo ngại. Những người di cư bất hợp pháp đến châu Âu bị chết đuối, những vụ giết người có tính chất phân biệt chủng tộc và những kẻ cực đoan, những vụ khủng bố, đói nghèo ở trẻ em và những người tị nạn ở Roma, đang diễn ra làm đe dọa đến vấn đề an ninh của công dân EU. Đặt ra cho các nhà lãnh đạo Liên minh châu Âu một gánh nặng đó là làm thế nào để bảo đảm rằng người dân ở EU có thể được bảo vệ tốt hơn, kiểm soát biên giới hạn chế người nhập cư bất hợp pháp hay qua đó tăng cường xây dựng hình ảnh Liên minh

châu Âu với vai trò gìn giữ hòa bình, bảo đảm các quyền cơ bản của con người và hỗ trợ các nước ngoài biên giới theo các trụ cột của CFSP và ESDP.

Liên minh châu Âu và các quốc gia thành viên phản ứng với tình hình mới bằng nhiều cách khác nhau. Một số quốc gia thành viên thông báo thực hiện luật hạn chế tị nạn. Hungary và Xlôvenia đã dựng hàng rào biên giới với các nước ngoài khu vực Schengen, và Bungari đã mở rộng hàng rào hiện có dọc biên giới Thổ Nhĩ Kỳ. Hiện nay có tám nước đã đưa ra các biện pháp kiểm soát biên giới tạm thời trong khu vực Schengen. Ở cấp độ EU, các vị đứng đầu chính phủ đã gặp nhau sáu lần trong một nỗ lực để thống nhất cách tiếp cận chung đối với tình hình này¹. Theo đó Ủy ban châu Âu đã công bố một văn kiện chiến lược, Chương trình châu Âu về di cư và kế hoạch hành động cụ thể nhằm chống lại tình trạng buôn lậu người nhập cư, bảo đảm các quyền cơ bản của người di cư. Ủy ban châu Âu đã kích hoạt cơ chế phản ứng khẩn cấp theo Điều 78 (3) của Hiệp ước về Chức năng của Liên minh châu Âu (TFEU), kết quả trong một kế hoạch di dời 160.000 người từ

1. Xem European Commission: Disabilities: Proposal for an Accessibility Act - Frequently Asked Questions, Brussels, 2 December 2015.

Hy Lạp và Italia. Mặc dù số người di chuyển vẫn còn thấp, nhưng cũng là một yếu tố quan trọng thể hiện nỗ lực của Liên minh châu Âu trong việc bảo đảm quyền con người.

Để hỗ trợ cho những người nộp đơn ở lại Liên minh châu Âu, được quy định trong Quy chế Dublin (EU) số 604/2013, Liên minh châu Âu cũng tăng cường đáng kể các hoạt động hỗ trợ. Chẳng hạn hỗ trợ thiết lập “điểm nóng” ở Italia và Hy Lạp để hỗ trợ các quốc gia thành viên. Những điểm nóng này là trung tâm nơi mà các cơ quan công quyền và Ủy ban châu Âu phối hợp hoạt động giải quyết đơn cho người xin tị nạn. Ngoài ra, Liên minh châu Âu đề xuất thay thế Cơ quan Biên phòng và Biên phòng châu Âu (Frontex) bằng một cơ quan cảnh sát biển, với một vai trò được củng cố hơn. Theo Hiến chương về các quyền cơ bản của Liên minh châu Âu (Hiến chương EU) các biện pháp chính sách cấp nhà nước và các hoạt động trong lĩnh vực tị nạn, quản lý biên giới, đấu tranh phòng, chống buôn lậu và trao trả người nhập cư bất hợp pháp, là những vấn đề rất nhạy cảm, nếu không được thực hiện đầy đủ có thể dẫn đến vi phạm nghiêm trọng các quyền cơ bản được bảo đảm.

Bên cạnh vấn đề nhập cư bất hợp pháp, thì vấn đề chống khủng bố được coi là nóng nhất đối với châu Âu hiện nay. Theo Văn phòng Cảnh sát châu Âu,

Europol, trong năm 2013 có 152 vụ tấn công khủng bố xảy ra tại năm quốc gia thành viên, hầu hết là ở Pháp (63 vụ), Tây Ban Nha (33 vụ) và Anh (35 vụ). Từ năm 2011, đã có một sự gia tăng liên tục trong các vụ bắt giữ trên cơ sở có chủ ý khủng bố. Sự triệt hóa tôn giáo đóng một vai trò rõ ràng trong ít nhất hai vụ tấn công vào năm 2013 tại Anh và Pháp¹. Mỗi đe dọa liên quan đến chủ nghĩa tôn giáo cực đoan đã xảy ra vào năm 2015 với các vụ tấn công ở Paris và Copenhagen, cũng như các cuộc tấn công bị đập tan ở Bỉ. Liên minh châu Âu cũng phải đổi mặt với hiện tượng máy bay chiến đấu rời khỏi châu Âu để thực hiện một cuộc thánh chiến ở nhiều nơi khác nhau, đặc biệt là ở Xyri. Kể từ khi xảy ra cuộc chiến tranh và bạo lực ở Xyri, Irắc và Libi đã có khoảng 3.500 đến 5.000 công dân của Liên minh châu Âu rời đất nước họ để trở thành những chiến binh nước ngoài. Ngày 14/11/2015 sau khi các cuộc tấn công khủng bố ở Paris dẫn đến cái chết của 129 người và 352 người bị thương, các vị đứng đầu nhà nước và chính phủ của các nước thành viên Liên minh châu Âu và các nhà lãnh đạo Liên minh châu Âu tuyên bố chung rằng đây là một cuộc tấn công “chống lại tất cả

1. <http://www.robert-schuman.eu/en/european-issues/0372-the-european-union-and-the-fight-to-counter-terrorism>.

chúng ta, chúng ta sẽ phải đối mặt với mối đe dọa này và giải quyết dứt khoát cùng với tất cả các phương tiện cần thiết”.

Trong bối cảnh liên tục xảy ra các vụ tấn công khủng bố thời gian gần đây tại các nước trong Liên minh châu Âu đe dọa trực tiếp đến an ninh khu vực và sự an toàn của công dân, ngày 19/6/2017, Hội nghị Ngoại trưởng Liên minh châu Âu, nhóm họp tại Luxembourg, đã có cuộc thảo luận về các khía cạnh đối ngoại trong cuộc chiến chống khủng bố, đồng thời thông qua một loạt chính sách về vấn đề này. Nhận thấy khủng bố là một mối đe dọa nghiêm trọng đến hòa bình, an ninh ở cấp độ quốc tế và lợi ích sống còn của Liên minh châu Âu, khối này khẳng định sẽ tăng cường năng lực của mình, tiếp tục hợp tác với các đối tác ở cấp độ song phương, khu vực và đa phương để chiến đấu chống mối đe dọa nguy hiểm này.

Liên minh châu Âu tiến hành mở rộng hợp tác quốc tế và khu vực trong khuôn khổ chống khủng bố, bảo đảm cao nhất tính nhất quán hành động đối nội và đối ngoại trong lĩnh vực an ninh, tăng cường vai trò của các cơ quan tư pháp và nội vụ đối với các nước thứ ba trong các lĩnh vực đặc biệt, như phòng ngừa bạo lực cực đoan, tấn công hiệu quả vào mạng lưới tuyển dụng thánh chiến trên mạng, chống hiện tượng chiến binh khủng bố nước ngoài, rửa tiền và các mối

liên hệ giữa tội phạm nghiêm trọng có tổ chức và khủng bố. Hiện tại, Liên minh châu Âu hợp tác chống khủng bố với các nước ở Tây Balkan, Sahel, Bắc Phi, Trung Đông, Sừng châu Phi, và Bắc Mỹ, cũng như châu Á. Hợp tác với Mỹ là một thành tố cơ bản trong chiến lược của Liên minh châu Âu. Trong những năm gần đây, hai bên đã đạt được các thỏa thuận hợp tác trong các lĩnh vực như tài trợ cho khủng bố, vận tải và biên giới, trợ giúp lẫn nhau về pháp lý và dẫn độ. Giới chức Mỹ đang hợp tác ngày càng chặt chẽ với Europol và Eurojust. Ở phạm vi quốc tế và khu vực cụ thể, Liên minh châu Âu hợp tác với các tổ chức quốc tế như Liên hợp quốc và Diễn đàn Chống khủng bố toàn cầu, và các tổ chức khu vực như Ủy hội châu Âu, Tổ chức An ninh và Hợp tác châu Âu (OSCE), Liên đoàn Ảrập và Tổ chức Hợp tác Hồi giáo nhằm xây dựng sự đồng thuận quốc tế và thúc đẩy các tiêu chuẩn quốc tế trong cuộc chiến này.

Hội đồng Liên minh châu Âu vạch ra một chiến lược chống chủ nghĩa cực đoan và hoạt động tuyển người vào các mạng lưới khủng bố. Đối mặt với thực trạng “sói đơn độc”¹, các chiến binh nước ngoài xâm nhập vào EU, hay nguy cơ khủng bố sử dụng mạng truyền thông xã hội để liên lạc và tập hợp lực lượng,

1. Những tên khủng bố hoạt động đơn lẻ.

Hội đồng Liên minh châu Âu đã thực hiện sửa đổi chiến lược này vào tháng 6/2014. Tháng 12/2014, các bộ trưởng tư pháp và nội vụ của các nước thành viên Liên minh châu Âu đã thông qua một loạt hướng dẫn về chiến lược sửa đổi của Liên minh châu Âu. Các hướng dẫn này vạch ra một loạt các biện pháp để Liên minh châu Âu và các nước thành viên triển khai thực hiện chiến lược. Một trong các biện pháp đó là kêu gọi trách nhiệm của các công ty truyền thông mạng xã hội trong cuộc chiến chống khủng bố, cụ thể, các nhà lãnh đạo Liên minh châu Âu đã gia tăng áp lực đối với các tập đoàn của Mỹ như Facebook, Twitter, Microsoft và trang YouTube của Google trong việc kiểm soát các hình thức tuyên truyền, quảng cáo trên Internet. Theo đó, các công ty truyền thông xã hội cần thực hiện những biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn các hình thức truyền bá, kêu gọi, phổ biến các tài liệu liên quan khủng bố trên Internet, trước hết là phát triển những công cụ mới nhằm phát hiện và tự động gỡ bỏ các nội dung này. Việc thông qua quy định về “Dữ liệu hành khách” (PNR) là một bước tiến cần có nhằm chống lại sự đe dọa đến từ chủ nghĩa khủng bố. Hệ thống PNR cho phép đăng ký các dữ liệu chuyến bay của hành khách. Ủy ban châu Âu đã chuẩn bị một loạt biện pháp được gọi là “biên giới thông minh” để cải thiện

việc kiểm soát biên giới EU, đồng bộ với việc kiểm soát lưu thông tại biên giới ngoài khơi Schengen, đây cũng là cơ chế đã tồn tại ở Mỹ. Sự phát triển của công nghệ sẽ giúp cho việc hiện thực hóa giải pháp trên trở nên dễ dàng và nhanh chóng. Bên cạnh việc thực thi pháp luật và các chính sách đối ngoại, Liên minh châu Âu cũng tiến hành cuộc chiến chống khủng bố thông qua việc phòng ngừa, như chống hành động bài xích đạo Hồi, phát triển đạo Hồi châu Âu hoặc thông qua các chương trình như Erasmus¹ nhằm gián tiếp chống cực đoan, bạo lực.

Hiện nay, vấn đề an ninh con người được đặt ra một cách khẩn thiết; trở thành mối quan tâm của toàn nhân loại, là đề tài bàn thảo trong nhiều hội nghị quốc gia và quốc tế, được hoạch định trong chính sách của các nhà nước vì cuộc sống của con người ngày càng bị đe dọa bởi nhiều yếu tố bất an như chiến tranh, khủng bố, nạn đói, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên... Vấn đề an ninh con người cần được nhìn nhận một cách toàn diện hơn, theo cựu Tổng Thư ký Liên hợp quốc Kofi Annan thì an ninh con người gắn liền với hoà bình và phát triển của thế giới cũng như của quốc gia, khu vực. Nó không chỉ là không có xung đột bạo

1. Chương trình trao đổi sinh viên của Liên minh châu Âu.

lực, khủng bố mà còn phải bảo đảm quyền con người, sự quản lý tốt của nhà nước, cơ hội tiếp cận với các điều kiện thuận lợi về giáo dục, y tế và sự lựa chọn điều kiện phát huy năng lực của mỗi cá nhân. Chính vì vậy, muốn bảo đảm an ninh con người trước tiên phải bảo đảm độc lập, chủ quyền của quốc gia, bảo đảm cho người dân được sống trong môi trường hòa bình, ổn định không có bạo lực, khủng bố... tiếp đó là bảo đảm về đời sống vật chất và tinh thần, bảo đảm các quyền tự do cơ bản của công dân, thậm chí của công dân ở ngoài phạm vi lãnh thổ. Theo quan điểm của Liên minh châu Âu công dân EU không thể bảo đảm an ninh trong khi công dân của quốc gia khác đang trong tình trạng mất an ninh, hay rộng hơn, chỉ khi nào nguyên nhân gốc rễ của an ninh được giải quyết và giải quyết một cách nghiêm túc, trên phạm vi toàn cầu thì sự an toàn của người dân sẽ được bảo đảm.

3. Trường hợp Trung Quốc¹

Lựa chọn con đường cải cách mở cửa, đặc biệt trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI, Trung Quốc đã

1. Xem Bộ Công an, Hội đồng Lý luận Trung ương: *Bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người: Kinh nghiệm Việt Nam và quốc tế*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2019, tr.423-444.

đạt nhiều thành tựu trong bảo đảm an ninh con người. Trong quá trình giải quyết các vấn đề an ninh con người, Trung Quốc đã tích lũy được nhiều bài học kinh nghiệm hữu ích, tạo ra cả cơ hội và thách thức đối với các nước láng giềng. Đặc biệt từ sau Đại hội XVIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 2012, Trung Quốc đã đặt con người vào vị trí trung tâm của sự phát triển, dựa theo các tiêu chí về an ninh con người của UNDP, coi an ninh con người là nhiệm vụ hàng đầu để bảo đảm an ninh xã hội - an ninh quốc gia.

Là quốc gia đông dân nhất thế giới, việc bảo đảm an ninh con người với những vấn đề liên quan tới cuộc sống người dân là vô cùng cần thiết đối với Trung Quốc, nhằm bảo đảm ổn định xã hội, góp phần ổn định chính trị trong nước. Do đó, lãnh đạo nước này hết sức nỗ lực và luôn đặt vấn đề cải thiện dân sinh làm nhiệm vụ chính trị trọng tâm.

Mức sống người dân liên tục được nâng cao; đời sống nhân dân được cải thiện cùng với sự tăng trưởng của nền kinh tế quốc dân. Trong giai đoạn 5 năm 2011-2015, thu nhập bình quân đầu người của người dân Trung Quốc tăng từ 14.551 NDT lên 21.966 NDT, mức tăng thu nhập của người dân thành phố từ 21.810 NDT tăng lên 31.195 NDT; thu nhập của người dân nông thôn tăng từ 6.977 NDT tăng lên

11.422 NDT. Năm 2015, thu nhập có thể chi phối bình quân đầu người của người dân tăng trưởng thực tế đạt 7,4%, nhanh hơn mức tăng trưởng kinh tế, trong đó thu nhập của người dân nông thôn tăng trưởng thực tế 7,5%, cao hơn mức tăng trưởng thu nhập của người dân thành thị (6,6%). Năm 2016, thu nhập khả dụng bình quân đầu người là 23.821 NDT, tăng trưởng 8,4% so với năm 2015, khẩu trừ nhân tố giá cả, tăng trưởng thực tế đạt 6,3%¹, với mức tăng trưởng này, Trung Quốc là một trong những quốc gia có thu nhập bình quân đầu người tăng trưởng nhanh nhất trên thế giới². Như vậy, cùng với tăng trưởng kinh tế thì đời sống người dân cũng được cải thiện, khoảng cách chênh lệch thu nhập cũng được rút ngắn khi tốc độ tăng thu nhập của người dân nông thôn tăng nhanh hơn thành phố.

An sinh xã hội được đặt lên vị trí hàng đầu trong công tác cải thiện dân sinh. Có thể nói, Trung Quốc đã nỗ lực trong công tác cải cách và hoàn thiện hệ

1. Công báo thống kê tình hình phát triển kinh tế - xã hội nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa năm 2016, http://www.stats.gov.cn/tjsj/zxfb/201702/t20170228_1467424.html.

2. Vương Bình Bình: “Thu nhập cư dân toàn quốc và tiêu dùng 3 quý đầu năm duy trì tăng trưởng ổn định”, http://www.stats.gov.cn/tjsj/sjjd/201610/t20161020_1411775.html.

thống an sinh xã hội với mục tiêu là ngày càng phủ rộng diện an sinh tới đông đảo người dân từ thành thị đến nông thôn; bảo đảm mức sống tối thiểu cho toàn bộ người thu nhập thấp; nâng cao tính công bằng và giữ vững ổn định xã hội. Trong 5 năm Quy hoạch 5 năm lần thứ 12 (2011-2015), Trung Quốc đã cơ bản triển khai bảo hiểm y tế trên toàn quốc với đầy đủ mọi thành phần xã hội tham gia; tỷ lệ tham gia bảo hiểm dưỡng lão cơ bản đạt trên 80%; bảo hiểm y tế bao trùm tới 95% dân số; công bằng và chất lượng giáo dục được nâng cao, chế độ bảo đảm mức sống tối thiểu toàn dân cơ bản phủ kín¹...

Công tác xóa đói, giảm nghèo được tích cực triển khai hiệu quả, góp phần giảm một nửa số người đói nghèo trên thế giới. Tính theo chuẩn nghèo đói ở nông thôn với mức thu nhập thuần bình quân đầu người mỗi năm là 2.300 NDT (tính theo giá không đổi năm 2010), dân số đói nghèo ở nông thôn năm 2015 là 55,75 triệu người, giảm 14,42 triệu người so với cuối năm 2014. Báo cáo thống kê của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc cho biết, từ năm 1990-1992, Trung Quốc có 289 triệu người

1. 政府工作报告（全文实录），<http://lianghui.people.com.cn/2016npc/n1/2016/0305/c402194-28174181.html>.

đói nghèo, chiếm 23,9% tổng dân số, năm 2014-2016, Trung Quốc chỉ còn 134 triệu người đói nghèo. Như vậy, số người được giảm đói nghèo ở Trung Quốc chỉ còn chiếm 9,3% tổng dân số và nước này đã thực hiện được nhiệm vụ giảm 2/3 số người nghèo đói của toàn bộ các nước đang phát triển¹. Có được thành tích đó là do nước này đã xây dựng một chiến lược phát triển cây lương thực hiệu quả với các nông sản phẩm chủ yếu như bông, dầu, đường, thịt, trứng, sữa, rau - củ - quả, cá... đều tăng ổn định. Ngoài ra, Bộ Nông nghiệp Trung Quốc đã chính thức công bố coi khoai tây là cây lương thực chính thứ tư ở Trung Quốc sau lúa, lúa mì và ngô. Dự kiến đến năm 2020, trên 50% khoai tây sẽ được tiêu thụ với vai trò là cây lương thực chính. Bên cạnh đó, Trung Quốc đã phối kết hợp đồng bộ trong lộ trình thoát nghèo, đó là kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng kết cấu hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực, tạo việc làm với hoàn thiện hệ thống an sinh, tạo điều kiện để thúc đẩy người dân khu vực nghèo đói nhanh thoát nghèo. Trung Quốc đã xây 40,13 triệu nhà ở chính sách, đáp ứng mong muốn có chỗ ở ổn định của

1. Trung Quốc thực hiện trước thời hạn hai mục tiêu giảm đói nghèo của thế giới, <http://vietnamese.cri.cn/481/2015/06/10/1s211656.htm>.

nhiều gia đình khó khăn, giải quyết nước sạch cho 300 triệu người ở nông thôn, cải thiện cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng giáo dục cho những trường học thuộc khu vực nghèo khó¹... Những thành quả đó là cơ sở quan trọng giúp Trung Quốc tiến nhanh tới mục tiêu thoát nghèo cho toàn bộ dân số nghèo khổ ở nông thôn vào năm 2020.

Sức khỏe của người dân Trung Quốc được coi trọng hàng đầu, được nâng cao hơn nhiều so với giai đoạn trước cải cách mở cửa, mọi chỉ số về sức khỏe đều được cải thiện. Tuổi thọ của người dân Trung Quốc tăng từ 67,9 tuổi năm 1981 lên 74,8 tuổi năm 2010, cao hơn mức trung bình trên thế giới. Tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh tiếp tục giảm, từ 50,2% xuống 8,9%, tỷ lệ tử vong ở sản phụ giảm từ 88,8/100.000 người xuống còn 21,7/100.00 người năm 2014, giảm 75,6%, thực hiện trước được mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc².

Giáo dục có bước tiến lớn với mục tiêu xây dựng quốc gia nhân tài. Nếu sau ngày thành lập nước

1. 政府工作报告 (全文实录), <http://lianghui.people.com.cn/2016npc/n1/2016/0305/c402194-28174181.html>.

2. 贡森, 葛延风, (挪) 斯汀·库勒 (Stein Kuhnle) (2016), 中国人类发展报告2016, 通过社会创新促进包容性的人类发展, 中国出版集团中译出版社, tr.19.

Cộng hòa nhân dân Trung Hoa năm 1949, tỷ lệ mù chữ chiếm tới 80% dân số thì đến năm 2011, Trung Quốc đã thực hiện toàn diện mục tiêu phổ cập giáo dục 9 năm và xóa nạn mù chữ, tỷ lệ mù chữ trong thanh niên giảm còn 1,08%. Gần 10 năm trở lại đây, tỷ lệ nhập học của trẻ em độ tuổi tiểu học luôn ổn định mức trên 99%, năm 2014 đạt tới 99,81%, tỷ lệ nhập học của nữ thậm chí còn cao hơn nam (99,83% và 99,8%). Tỷ lệ nhập học cấp hai tăng từ 88,6% năm 2000 lên 103,5% năm 2014. Tỷ lệ học giáo dục nghĩa vụ 9 năm năm 2015 đạt 93%. Tỷ lệ nhập học cấp 3 tăng từ dưới 50% năm 2000 lên 87% năm 2015. Tỷ lệ học đại học từ khoảng 10% năm 2000 tăng lên 40% năm 2015¹. Tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động năm 2014 (20 - 59 tuổi) được hưởng giáo dục đại học đạt 15,83%. Tỷ lệ trẻ học mẫu giáo cũng tăng cao, từ 50,9% năm 2009 tăng lên 75% năm 2015².

Chính sách quản lý xã hội được điều chỉnh trên diện rộng nhằm góp phần ổn định xã hội, nổi bật ở bốn phương diện: Về cải cách chế độ hộ khẩu, thực hiện thống nhất hộ khẩu thành thị và nông thôn lấy

1. 国家统计局: 《2015年国民经济和社会发展统计公报》

2. 贡森, 葛延风, (挪) 斯汀·库勒 (Stein Kuhnle) (2016), 中国人类发展报告2016, 通过社会创新促进包容性的人类发展, 中国出版集团中译出版社, tr.19.

bảo đảm lợi ích của nông dân làm tiền đề, góp phần bảo đảm và cải thiện dân sinh. Về *cải cách chế độ đất đai*, thực hiện bảo vệ tốt hơn quyền lợi ruộng đất của nông dân. Về *cải cách bảo hiểm dưỡng lão*, thực hiện thống nhất chế độ bảo hiểm dưỡng lão cơ bản người dân thành thị và nông thôn, nhằm mục tiêu phát triển xã hội với “nông sinh là trọng điểm”, trước xu thế già hóa dân số diễn ra ngày càng nhanh chóng ở đất nước tỷ dân này. Về *cải cách chế độ tiền lương*, thực hiện điều chỉnh phân phối thu nhập, nỗ lực rút ngắn khoảng cách giàu - nghèo. Những cải cách quan trọng này được nhận định là nhân tố dẫn đến những thay đổi căn bản trong đời sống xã hội ở Trung Quốc trong thời gian tới.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn đề an ninh con người ở Trung Quốc vẫn đang đứng trước nhiều thách thức chưa thể giải quyết hoặc giải quyết chưa triệt để, nổi lên những vấn đề sau:

Một là, bất bình đẳng xã hội vẫn nghiêm trọng, đặc biệt trong lĩnh vực phân phối thu nhập và an sinh xã hội. Phân phối thu nhập chưa hợp lý đã làm cho khoảng cách giàu - nghèo ở Trung Quốc gia tăng. Theo đánh giá của tờ *Thời báo Tài chính Anh*, Trung Quốc là quốc gia có mức chênh lệch thu nhập lớn nhất thế giới khi 1% người giàu nhất nước sở hữu tới 1/3 khối tài sản của quốc gia với số dân đông nhất

thế giới này, 25% số người nghèo nhất Trung Quốc chỉ nắm trong tay 1% số tài sản của cả nước. Trung Quốc đang nằm trong nhóm 10% các nước có Hệ số Gini (chỉ số đánh giá phân hóa giàu - nghèo) cao nhất thế giới. Theo số liệu của Cục Thống kê Trung Quốc, hệ số Gini của nước này trong năm 2015 đạt mức 0,462¹, tuy có giảm nhưng vẫn cao hơn hẳn hệ số chạm mức cảnh báo về tình trạng bất bình đẳng thu nhập nghiêm trọng của Ngân hàng Thế giới là 0,40. Sự chênh lệch lớn về thu nhập khiến người dân thất vọng về phương thức điều hành của lãnh đạo đối với tình hình trong nước và vai trò cân bằng lợi ích, làm gia tăng căng thẳng trong mọi tầng lớp xã hội, khoảng 200.000 vụ phản kháng diễn ra ở nước này hằng năm (bao gồm các xung đột sắc tộc và hoạt động khủng bố tại Tây Tạng và Tân Cương). Bất bình đẳng cũng thể hiện trong lĩnh vực an sinh xã hội, về vấn đề đầu tư và đai ngô giữa thành thị và nông thôn. Như chế độ bảo hiểm duồng lão có sự chênh lệch rõ rệt về hưởng đai ngô, người làm trong khối cơ quan nhà nước nhận lương ưu tháng từ 2.000 - 3.000 NDT, trong khi người lao động ngoài nhà nước chỉ nhận

1. Hệ số Gini “giảm 7 năm liên tiếp”, chênh lệch giàu nghèo tiếp tục thu hẹp, http://www.gov.cn/zhengce/2016-01/20/content_5034573.htm.

mức hơn 1.000 NDT, người trên 60 tuổi ở nông thôn chỉ nhận mức 200 NDT¹. Bảo hiểm y tế cũng có sự chênh lệch về đãi ngộ, đặc biệt là chênh lệch về danh mục khám và điều trị bệnh, danh mục thuốc men và mức độ được hoàn trả, nên mức độ chi trả bình quân đầu người giữa bảo hiểm y tế công nhân viên chức và y tế hợp tác nông thôn cũng có sự chênh lệch lớn... Thực tế cho thấy, gia tăng bất bình đẳng chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến gia tăng bất ổn xã hội.

Hai là, môi trường sống bị đe dọa. Tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đang ảnh hưởng trực tiếp và tiêu cực đến sức khỏe, nguồn sống của con người và sự nóng lên toàn cầu. Nghiên cứu của các nhà khoa học cho thấy, 17% số người tử vong hằng năm tại Trung Quốc có liên quan đến ô nhiễm môi trường, ô nhiễm không khí đã làm 4.000 người Trung Quốc tử vong mỗi ngày, mà nguyên nhân chủ yếu là do khí thải từ việc đốt than². Theo đánh giá của các nhà khoa học môi trường tại Đại học Nông nghiệp

1. Phùng Thị Huệ: “Trung Quốc xây dựng xã hội khá giả toàn diện: Quan điểm, giải pháp và thực trạng”, Tạp chí *Nghiên cứu Trung Quốc*, số 1/2015, tr.17.

2. Trung Quốc: 4.000 người chết mỗi ngày vì ô nhiễm không khí, <http://genk.vn/kham-pha/trung-quoc-4000-nguo-chet-moi-nay-vi-o-nhiem-khong-khi-20150814132414305.chn>.

Trung Quốc, tình trạng ô nhiễm không khí tại Trung Quốc đang diễn biến cực kỳ nghiêm trọng, thậm chí có thể gây ra các hiện tượng giống như sau một cuộc chiến tranh hạt nhân¹. Mặc cho những quyết sách được coi là quan trọng về phòng, chống ô nhiễm môi trường của Chính phủ Trung Quốc, như một số tỉnh (dẫn đầu là Sơn Đông) đã áp dụng cơ chế giám sát ô nhiễm không khí PM2.5 và một số thành phố (dẫn đầu là Thiên Tân) đã tăng “lệ phí xả thải chất gây ô nhiễm” đối với các doanh nghiệp vượt quá mức quy định; tỉnh Hà Bắc cũng đã cho đóng cửa nhiều nhà máy thép, xi măng và đốt than lỗi thời²; Bộ Môi trường Trung Quốc cũng đã đề ra tiêu chuẩn phát thải mới đối với thiếc, antimon, thủy ngân, một số nguyên tố khác và với những hóa chất phát thải vào lòng đất và hệ thống nước, nhưng dường như những biện pháp đó là chưa đủ bởi tình trạng ô nhiễm không khí và nguồn nước ở Trung Quốc vẫn diễn biến theo chiều hướng ngày càng phức tạp. Chính

1. Ô nhiễm không khí ở Trung Quốc có thể dẫn tới hậu quả nghiêm trọng, <http://genk.vn/kham-pha/o-nhiem-khong-khi-o-trung-quoc-co-the-dan-toi-hauqua-nghiem-trong-20140424230143617.chn>.

2. David Shambaugh: Trung Quốc trước bước ngoặt mươi thách thức cải cách chủ yếu, <http://vepr.ueb.edu.vn/upload/533/20141209/TLD-0662.pdf>.

phủ Trung Quốc đã đặt vấn đề chất lượng không khí suy giảm trở thành mối quan tâm hàng đầu của quốc gia.

Khan hiếm nguồn nước cũng là một thách thức môi trường nghiêm trọng đối với Trung Quốc. Dân số Trung Quốc chiếm 20% dân số thế giới, nhưng nguồn nước ngọt của nước này chỉ chiếm 7%. Sử dụng quá mức và tình hình ô nhiễm dẫn đến tình trạng thiếu hụt nguồn nước sinh hoạt. Theo thống kê, hơn một nửa dân số Trung Quốc không được tiếp cận với nguồn nước sạch. Gần 2/3 người dân ở vùng nông thôn Trung Quốc sử dụng nguồn nước ô nhiễm gây ra bởi chất thải công nghiệp và con người¹, có khoảng 2/3 các thành phố Trung Quốc thiếu nước sinh hoạt. Nguồn nước ngầm ở hơn 60% thành phố Trung Quốc được xác định ở mức “tệ và rất tệ”, hơn 1/4 các con sông chính ở Trung Quốc được khuyến cáo là “con người không nên tiếp xúc”². Thực trạng không có cơ chế loại bỏ rác thải cũng như xử lý nước kém hiệu quả khiến sự ô nhiễm thêm nghiêm trọng.

1. Hình ảnh báo động về ô nhiễm nguồn nước ở Trung Quốc, <http://vnexpress.net/photo/moi-truong/hinh-anh-bao-dong-ve-o-nhiem-nguon-nuoc-o-trung-quoc-3377344.html>.

2. Đánh giá tình hình kinh tế - xã hội Trung Quốc, 2016 và triển vọng 2017, <http://ncif.gov.vn/Pages/NewsDetail.aspx?newid=18865>.

Vấn đề ô nhiễm môi trường sống còn thể hiện ở việc mất an toàn vệ sinh thực phẩm. Theo thống kê của Ủy ban Kế hoạch hóa gia đình Trung Quốc, mỗi năm nước này có hàng nghìn người bị ngộ độc thực phẩm khiến hàng trăm người tử vong. Trong năm 2016, các cơ quan chức trách Bắc Kinh đã công bố một con số gây chấn động xã hội đó là chưa đến một giờ lại có một người dân nước này tử vong vì thực phẩm bẩn, nguyên nhân là bởi diện tích đất canh tác tại đây rất lớn, với 80% lượng thuốc trừ sâu trực tiếp đi vào môi trường, ngoài ra có đến 3 triệu tấn dầu đã qua sử dụng quay trở lại với bàn ăn của thực khách nước này mỗi năm cùng với tình trạng sử dụng tràn lan các chất bảo quản và phụ gia độc hại, khiến cho tình trạng mắc ung thư trở nên phổ biến ở Trung Quốc. Hiệp hội Kinh tế học thành thị Trung Quốc nhận định, vấn nạn an toàn thực phẩm ở Trung Quốc đã đến mức không thể chấp nhận được. Không chỉ cướp đi sinh mạng của hàng vạn người dân Trung Quốc trong năm qua, vấn nạn thực phẩm bẩn còn gây hại cho nền kinh tế nước này gần 750 triệu USD¹ và hủy hoại thế hệ tương lai.

Ba là, mâu thuẫn xã hội ngày càng gay gắt, các sự kiện mang tính quần chúng có đặc điểm mới.

1. Bản tin Chuyển động 24 giờ tối ngày 6/10/2016, <http://vtv.vn/video/chuyen-dong-24h-toi-06-10-2016-177105.htm>.

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, Trung Quốc hiện nay đang ở trong thời kỳ phát sinh nhiều mâu thuẫn xã hội, hơn nữa mâu thuẫn xã hội sẽ ngày càng đa dạng và phức tạp khi Trung Quốc tiến hành đô thị hóa, sự chuyển đổi phương thức phát triển xã hội, mô hình xã hội ít nhiều tác động tới đời sống người dân ở thành phố và nông thôn. Các mâu thuẫn xã hội chủ yếu biểu hiện ở nhiều phương diện như mâu thuẫn giữa lao động và tiền lương, mâu thuẫn giữa dân sự và thương mại, mâu thuẫn vay nợ, mâu thuẫn giàu - nghèo, mâu thuẫn giữa lãnh đạo và nhân dân, mâu thuẫn giữa bác sĩ và bệnh nhân, mâu thuẫn giữa người lao động trong các ngành nghề mới và cũ... Trong những năm gần đây, mỗi năm ở Trung Quốc đã xảy ra hàng chục, thậm chí hàng trăm nghìn sự kiện mang tính quần chúng xuất phát từ các mâu thuẫn xã hội. Sự thất vọng ngày càng tăng trong tất cả các tầng lớp xã hội là điều dễ nhận thấy ở Trung Quốc hiện nay với khoảng 200.000 vụ phản kháng được báo cáo hằng năm (bao gồm các xung đột sắc tộc và hoạt động khủng bố tại Tây Tạng, Tân Cương và Nội Mông). Do tốc độ tăng trưởng kinh tế chững lại và thất nghiệp nhiều lên, bất ổn xã hội sẽ tiếp tục leo thang. Thực tế, gia tăng bất bình đẳng chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến gia tăng bất ổn xã hội. Một điều đáng lưu ý đó là các sự kiện mang tính

quần chúng trước kia thường xảy ra ở khu vực miền Tây, nhưng nay đã lan rộng sang khu vực miền Đông với thời gian có phần kéo dài hơn, quy mô lớn hơn. Theo nhiều nghiên cứu, đặc điểm của mâu thuẫn dân tộc, bất ổn xã hội của Trung Quốc trong những năm gần đây đó là, nếu như ở miền Nam nổi bật ở mâu thuẫn kinh tế, là sự tranh giành đất đai, rừng, tài nguyên, thì ở miền Bắc, ngoài mâu thuẫn kinh tế, mâu thuẫn dân tộc còn liên quan đến phong tục tập quán và tín ngưỡng.

Trước nhiều vấn đề xã hội bức xúc ảnh hưởng tới chất lượng sống của người dân, Chính phủ Trung Quốc đã đưa ra nhiều giải pháp quan trọng nhằm bảo đảm an ninh con người và an ninh xã hội, thông qua đổi mới xã hội để thúc đẩy phát triển con người mang tính bao dung. Tính bao dung trong phát triển ở Trung Quốc thể hiện ở tư tưởng “xã hội hài hòa” và “phát triển cùng hướng” được coi là tư tưởng hạt nhân. Về cơ bản, Trung Quốc tập trung thực hiện bảo đảm an ninh con người trên ba phương diện chính, đó là cải thiện dân sinh, bảo đảm an sinh xã hội và tăng cường quản trị xã hội.

Vấn đề dân sinh được Chính phủ Trung Quốc tập trung giải quyết trên những phương diện:

Một là, tăng thu nhập cho người dân. Tháng 11/2016, Văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc,

Văn phòng Quốc vụ viện Trung Quốc đã ban hành “Một số ý kiến về việc thực hiện chính sách phân phối lấy gia tăng giá trị tri thức làm phương hướng”. Theo những quy định mới trong văn kiện này, thu nhập của tầng lớp nghiên cứu khoa học, giảng viên các trường cao đẳng, đại học, nhân viên y tế sẽ có sự thay đổi khá lớn trong thời gian tới. Ngoài ra, trong tháng 10/2016 với việc Trung Quốc ban hành một số văn kiện như “Ý kiến về việc thực hiện kích thích sức sống của các nhóm người trọng điểm lôi kéo thu nhập cư dân thành thị và nông thôn”, “Ý kiến về việc hoàn thiện biện pháp phân chia quyền sở hữu, quyền thuê khoán, quyền kinh doanh đất đai ở nông thôn”, việc tăng thu nhập cho nông dân sẽ có được sự bảo đảm nhiều hơn về mặt chế độ¹. Như vậy có thể thấy, với các văn kiện có liên quan đến cải cách phân phối thu nhập được ban hành trong năm 2016 đã thể hiện rõ quan niệm kiên trì cùng phát triển, thúc đẩy phân phối công bằng mà Trung Quốc đã nêu ra, để thực hiện mục tiêu giúp cho thành quả phát triển đến được nhiều hơn, công bằng hơn, bao phủ toàn thể nhân dân.

Hai là, mở rộng quy mô việc làm. Trung Quốc trong nhiều năm gần đây luôn xác định việc làm là

1. Bàn về 10 điểm nóng dân sinh lớn của Trung Quốc năm 2016, http://news.xinhuanet.com/politics/2016-12/22/c_1120167056.htm.

gốc của dân sinh. Trong Báo cáo công tác chính phủ tháng 3/2016, Trung Quốc nhấn mạnh tiếp tục thực thi chính sách tạo việc làm tích cực, tập trung sức lực tăng cường tạo việc làm và hướng nghiệp, lập nghiệp. Theo số liệu thống kê, số người có việc làm trong cả nước tính đến cuối năm 2016 là 776,03 triệu người, trong đó số người có việc làm ở thành thị là 414,28 triệu người. Số việc làm tăng mới ở thành thị trong cả năm là 13,14 triệu người, hoàn thành vượt mức mục tiêu đặt ra hồi đầu năm là 10 triệu việc làm tăng mới trong cả năm. Đây cũng là năm thứ ba liên tiếp kể từ năm 2014, Trung Quốc có số việc làm mới tăng thêm ở thành thị vượt qua con số 12 triệu người¹. Tỷ lệ đăng ký thất nghiệp ở thành thị vào cuối năm là 4,02%. Với mức thất nghiệp này, Trung Quốc cũng là một trong những quốc gia có tỷ lệ thất nghiệp thấp nhất trong các nền kinh tế chủ yếu của thế giới. Lấy một ví dụ để dễ hình dung, theo ước tính sơ bộ, năm 2016, tỷ lệ thất nghiệp của khu vực Eurozone vào khoảng 10%, trong đó tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên là 20%².

1. Cục Thống kê nhà nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, http://www.stats.gov.cn/tjsj/zxfb/201702/t20170228_1467424.html.

2. “10 điểm sáng về phát triển kinh tế của Trung Quốc năm 2016”, Tài liệu tham khảo đặc biệt ngày 28/12/2016, Thông tấn xã Việt Nam, tr.11.

Ba là, tăng đầu tư ngân sách nhà nước vào lĩnh vực dân sinh. Từ năm 2016, để thực hiện nhiệm vụ mục tiêu “thiết thực bảo đảm cải thiện dân sinh và tăng cường xây dựng xã hội” được đề ra trong Báo cáo công tác Chính phủ 2016 tại kỳ họp Lưỡng hội diễn ra vào tháng 3, Trung Quốc tiếp tục thực hiện tăng cường đầu tư tài chính công vào lĩnh vực xây dựng dân sinh và coi đó là trọng điểm đầu tư của tài chính công. Theo công bố của Bộ Tài chính Trung Quốc, năm 2016 dự toán ngân sách chi trả của tài chính công cho lĩnh vực y tế là 12,4 tỷ NDT, cho giáo dục là 140,9 tỷ NDT, cho việc làm và an sinh xã hội là 88,7 tỷ NDT, lần lượt tăng 47,2%, 3,8% và 22,8% so với năm 2015¹. Có thể nói, đây đều là những mức tăng trưởng khá cao trong bối cảnh mức tăng của thu ngân sách chậm lại khi phát triển kinh tế Trung Quốc bước vào trạng thái bình thường mới.

Bốn là, đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo. Năm 2016, Trung Quốc đã ban hành “Kế hoạch thoát nghèo 5 năm lần thứ 13”, lập hồ sơ của toàn bộ hơn 50 triệu người nghèo, giảm được 12,4 triệu người nghèo, tương đương với 1/5 mục tiêu mỗi năm giảm

1. Bộ Tài chính công bố dự toán ngân sách tài chính trung ương năm 2016, http://www.gov.cn/xinwen/2016-03/30/content_5059917.htm.

50 triệu người nghèo trên toàn thế giới mà cộng đồng quốc tế đề ra. Năm 2016, lần đầu tiên Trung Quốc đầu tư tiền cho các hạng mục xóa đói, giảm nghèo vượt qua con số 100 tỷ NDT, cả nước đã cử 128.000 đội công tác, hơn 540.000 cán bộ đến lưu trú thực hiện công tác xóa đói, giảm nghèo ở các thôn khó khăn¹. Bên cạnh đó, những năm gần đây, chênh lệch trình độ dịch vụ công cơ bản của các khu vực nghèo khó đã từng bước được rút ngắn so với mức độ bình quân cả nước. Đặc biệt là với việc thực thi các biện pháp mới về xóa đói, giảm nghèo như du lịch xóa đói, giảm nghèo, dựa theo tình hình thực tế của mỗi địa phương, hoạch định biện pháp thích hợp để phát triển du lịch nông thôn, ra sức phát triển du lịch nông nghiệp, tích cực phát triển các nét đặc sắc văn hóa của mỗi địa phương để thu hút du lịch... từng bước thu hẹp chênh lệch thu nhập, thúc đẩy các khu vực giàu trước, giàu sau hợp tác cùng có lợi. Theo số liệu thống kê, năm 2016 có khoảng 22.600 thôn khó khăn triển khai thí điểm xóa đói, giảm nghèo bằng du lịch, làm đẹp cảnh quan để thu hút du lịch.

Năm là, bảo đảm an sinh xã hội. Hiện nay, mạng lưới an sinh xã hội ở Trung Quốc không ngừng được

1. Bàn về 10 điểm nóng dân sinh lớn của Trung Quốc năm 2016, http://news.xinhuanet.com/politics/2016-12/22/c_1120167056.htm.

mở rộng. Theo số liệu thống kê, năm 2016 nước này có 378,62 triệu người tham gia bảo hiểm dưỡng lão cơ bản công nhân, viên chức ở thành thị, tăng thêm 25,01 triệu người so với cuối năm ngoái. Số người tham gia bảo hiểm dưỡng lão cơ bản cư dân thành thị và nông thôn là 508,47 triệu người, tăng thêm 3,75 triệu người. Số người tham gia bảo hiểm y tế cơ bản thành thị là 748,39 triệu người, tăng thêm 82,57 triệu người¹. Với những con số nêu trên, có thể khẳng định một kế hoạch an sinh xã hội lớn nhất trên thế giới đã bắt đầu hình thành. Bắt đầu từ năm 2016, tiêu chuẩn trợ cấp của tài chính các cấp cho bảo hiểm y tế cư dân tăng thêm 40 NDT so với tiêu chuẩn năm 2015, đạt 420 NDT/người/năm. Hiện nay, số người tham gia bảo hiểm y tế cơ bản công nhân, viên chức thành thị và bảo hiểm y tế cư dân thành thị và nông thôn đã đạt mức 1,3 tỷ người², nguyện vọng “ốm được chữa bệnh” của toàn dân bước đầu được thực hiện.

Công tác giáo dục, y tế có bước phát triển. Trong lĩnh vực giáo dục, với việc ban hành và thực thi nhiều

1. Công báo thống kê tình hình phát triển kinh tế - xã hội nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa năm 2016, http://www.stats.gov.cn/tjsj/zxfb/201702/t20170228_1467424.html.

2. Nhật báo kinh tế: Chính sách đảm bảo giữ giới hạn đáy về dân sinh, <http://finance.sina.com.cn/roll/2016-12-14/doc-ifxypizk0455884.shtml>.

biện pháp chính sách mới, nền giáo dục Trung Quốc có bước phát triển công bằng hơn, hướng tối nhất thể hóa thành thị và nông thôn. Từ năm 2016, Trung Quốc đã ban hành kế hoạch xóa bỏ “lớp học lớn”¹, cải cách cơ chế xin học cho con cái dân số lưu động, thúc đẩy xây dựng tiêu chuẩn hóa trường học, thực hiện chính sách ưu tiên phân phối thu nhập cho giáo viên ở nông thôn. Tháng 7/2016, Quốc vụ viện Trung Quốc ban hành “Một vài ý kiến về việc trù tính thống nhất thúc đẩy cải cách phát triển nhất thể hóa giáo dục nghĩa vụ thành thị và nông thôn trong phạm vi khu vực cấp huyện”, ban hành 10 biện pháp, nêu rõ yêu cầu đến năm 2020 cơ bản thực hiện phát triển cân bằng giáo dục nghĩa vụ cấp huyện và bình đẳng hóa dịch vụ giáo dục công cơ bản thành thị và nông thôn. Đây là một văn kiện có ý nghĩa chỉ đạo quan trọng, bởi quy hoạch thúc đẩy nhất thể hóa giáo dục nghĩa vụ thành thị và nông thôn là nhu cầu hiện thực để rút ngắn chênh lệch phát triển giáo dục giữa thành thị và nông thôn, hoàn thành toàn diện nhiệm vụ “thoát nghèo đa chiều” về giáo dục.

Trong lĩnh vực y tế, Hội nghị Thường vụ Quốc vụ viện Trung Quốc họp vào tháng 4 đã xác định từ *năm 2016 sẽ là năm trọng điểm đi sâu cải cách y tế*, bao

1. “Lớp học lớn” là lớp có sĩ số 56 học sinh trở lên.

gồm các nội dung như đi sâu cải cách bệnh viện công, thúc đẩy xây dựng phân cấp khám chữa bệnh, thúc đẩy “minh bạch hóa” giá cả dược phẩm. Nhờ đó, cải cách y tế Trung Quốc trong năm 2016 có nhiều điểm sáng. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế của Trung Quốc tính đến nay đạt trên 95%, tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế bệnh nặng của người dân thành thị và nông thôn được mở rộng toàn diện. Thí điểm cải cách tổng hợp bệnh viện công được mở rộng đến 200 thành phố, hệ thống bảo đảm cung ứng dược phẩm từng bước được kiện toàn, cơ chế hình thành giá cả dược phẩm lấy thị trường làm chủ đạo từng bước được xây dựng.

Sáu là, tăng cường quản trị xã hội. Về chiến lược tăng cường và đổi mới quản trị xã hội, từ Quy hoạch 5 năm lần thứ 12 năm 2011 đến Quy hoạch 5 năm lần thứ 13 năm 2016, Trung Quốc đã có sự thay đổi lớn trong nhận thức về quản lý xã hội, chuyển từ cách tiếp cận quản lý xã hội sang quản trị xã hội. Trước đây, việc quản lý xã hội ở Trung Quốc được thực hiện theo một chiều từ trung ương đến địa phương và người dân, tức là chủ thể quản lý là Nhà nước và Chính phủ, quản lý bằng các quy định pháp luật của Chính phủ. Người dân thụ động chịu sự quản lý của chính quyền các cấp mà ít có sự phản hồi hoặc phản hồi tiêu cực (như các cuộc biểu tình) bởi sự không đồng thuận với cơ chế quản lý của chính quyền.

Quan niệm quản trị xã hội được áp ủ và hình thành chính từ quan điểm quản lý xã hội “lý tưởng” của Tập Cận Bình. Ông cho rằng quản lý xã hội cần có sự kết hợp giữa phục vụ và quản lý con người, trong quản lý có phục vụ, trong phục vụ có quản lý, quản lý xã hội chủ yếu là phục vụ và quản lý con người, là làm công tác quần chúng...¹. Đến Hội nghị Trung ương 3 khóa XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc (tháng 11/2013), thuật ngữ “quản trị xã hội” chính thức được sử dụng thay thế “quản lý xã hội”, đánh dấu bước đổi mới trong cải cách chế độ quản lý xã hội theo hướng quản trị xã hội. Do đó, nhiệm vụ chủ yếu lúc này là tập trung vào cải tiến phương thức quản trị xã hội, khơi dậy sức sống của các tổ chức xã hội, đổi mới thể chế dự phòng và hóa giải hiệu quả mâu thuẫn xã hội, kiện toàn hệ thống an ninh công cộng. Đến Quy hoạch 5 năm lần thứ 13, nhiệm vụ quản trị xã hội mới thực sự quyết liệt mạnh mẽ. Theo đó, Trung Quốc xác định phải hoàn thiện hệ thống quản trị xã hội, cụ thể là hoàn thiện thể chế quản trị xã hội do Đảng ủy lãnh đạo, Chính phủ chỉ đạo, xã hội chung sức, dân chúng tham gia, pháp trị đảm bảo, tạo nên sự tương hỗ giữa sự

1. Hoàng Thế Anh: “Cải cách quản lý xã hội ở Trung Quốc: hướng tới quản trị xã hội”, Tạp chí *Nghiên cứu Trung Quốc* số 6/2015, tr.19.

quản lý của Chính phủ với sự điều tiết của xã hội và tự trị của cư dân¹. Trên cơ sở đó, Quy hoạch 5 năm lần thứ 13 đã triển khai nội dung “quản trị xã hội” với các chính sách cụ thể, đó là tăng cường chức năng phục vụ trong khu dân cư; nâng cao năng lực và trình độ quản lý của Chính phủ; phát huy tác dụng của các tổ chức xã hội; tăng cường chức năng tự điều tiết của xã hội; hoàn thiện cơ chế tham gia của người dân; kiện toàn cơ chế bảo đảm quyền lợi và xử lý mâu thuẫn. Rõ ràng, có thể nhận thấy những thay đổi mạnh mẽ và quyết tâm của Chính phủ Trung Quốc khi xác định phương hướng quản trị xã hội so với thời điểm Hội nghị Trung ương 3 khóa XVIII, không còn là quản lý xã hội theo hướng quản trị nữa mà Trung Quốc xác định rõ, quản trị là biện pháp chính thức để quản lý xã hội, trong đó, chủ thể quản trị là Nhà nước, Chính phủ và xã hội phối hợp thực hiện cùng với nhận thức chung của cộng đồng.

Bên cạnh đó, Trung Quốc đang bước đầu xây dựng và hoàn thiện cơ chế hóa giải mâu thuẫn xã hội lấy bảo đảm dân sinh làm phương hướng. Hội nghị Trung ương 3 khóa XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc

1. 中华人民共和国国民经济和社会发展第十三个五年规划纲要,
http://news.xinhuanet.com/politics/2016lh/2016-03/17/c_1118366322_18.htm.

nêu rõ, đổi mới quản trị xã hội, cần phải tập trung vào việc bảo vệ lợi ích căn bản của số đông nhân dân nhất. Việc này sinh các loại mâu thuẫn xã hội đều có liên quan đến lợi ích quần chúng, xây dựng và vận hành có hiệu quả cơ chế hóa giải mâu thuẫn xã hội cần phải lấy bảo đảm dân sinh làm tiền đề. Trong đó, đặc biệt chú trọng tới việc kiện toàn cơ chế đánh giá rủi ro ổn định xã hội từ các quyết sách trọng đại. Năm 2012, Văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Văn phòng Quốc Vụ viện Trung Quốc đã ban hành “Ý kiến chỉ đạo về việc xây dựng kiện toàn cơ chế đánh giá rủi ro ổn định xã hội của các quyết sách quan trọng (Thi hành tạm thời)”. Các quyết sách quan trọng liên quan trực tiếp đến lợi ích thiết thân của quần chúng nhân dân, bao gồm các hạng mục như trưng dụng giải tỏa đất đai, cải cách chế độ doanh nghiệp quốc hữu, môi trường, an sinh xã hội, sự nghiệp công ích. Mặt khác, hệ thống an ninh công cộng từng bước được kiện toàn, phòng chống hiệu quả rủi ro xã hội. Năm 2014, một số tỉnh, thành phố, khu tự trị ở Trung Quốc đã bắt đầu xây dựng chế độ quản lý giám sát nghiêm ngặt nhất đối với toàn bộ quá trình sản xuất thực phẩm, dược phẩm, xây dựng chế độ có thể truy nguyên cơ sở sản xuất thực phẩm và chế độ đánh giá chỉ tiêu chất lượng, bảo đảm an toàn thực phẩm, dược phẩm. Bộ Nông nghiệp Trung Quốc

quyết định lấy năm 2014 là năm quản lý giám sát an toàn chất lượng nông sản toàn quốc, bắt đầu thực hiện trên 8 phương diện như thúc đẩy chế độ quản lý chứng minh và truy nguyên nơi sản xuất, bảo đảm “an toàn trên hết”. *Luật an toàn sản xuất* được Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu Nhân dân toàn quốc xem xét thông qua, bắt đầu thực hiện từ ngày 01/12/2014. “Luật an toàn sản xuất” mới sửa đổi nhấn mạnh hơn trách nhiệm của chủ thể quản lý giám sát an toàn sản xuất, nghĩa vụ quản lý an toàn sản xuất của đơn vị kinh doanh sản xuất, đồng thời tăng cường mức độ xử phạt vi phạm pháp luật.

Như vậy, sự thay đổi trong chủ trương, chính sách của Trung Quốc đã nhắm vào các vấn đề chưa được giải quyết triệt để trong xã hội Trung Quốc hiện nay. Về cơ bản, các chính sách này sẽ phần nào giải tỏa những lo lắng của người dân về chất lượng cuộc sống, bảo đảm an ninh con người, tạo một môi trường xã hội ổn định. Tuy nhiên, thực hiện hiệu quả được những giải pháp này là việc làm khó khăn trong bối cảnh Trung Quốc đang đứng trước nhiều vấn đề về phát triển. Với một quốc gia đông dân như Trung Quốc, việc bảo đảm an ninh con người không phải là việc làm đơn giản. Những đổi mới trong chính sách bảo đảm an ninh con người cho thấy sự đổi mới trong nhận thức của chính quyền Trung Quốc về vai

trò hạt nhân con người trong sự phát triển, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh quốc gia.

II- BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

Trong điều kiện hiện nay, khi toàn cầu hóa trở thành một tất yếu khách quan, vừa tạo ra những cơ hội nhưng cũng đưa lại nhiều rủi ro, thách thức đối với mọi quốc gia và trên mọi lĩnh vực. Khả năng ứng phó của Canada, Liên minh châu Âu và Trung Quốc trước các nguy cơ đe dọa an ninh con người là những bài học tham khảo cho Việt Nam nếu trong tương lai không xa gặp phải những tình huống tương tự. Những thành - bại của các nhà nước đi trước sẽ giúp cho Việt Nam rút ra những kinh nghiệm quý báu trong xây dựng các chiến lược an ninh của mình. Để thành công, tất yếu đòi hỏi sự nỗ lực lớn không những từ phía Nhà nước mà còn từ chính mọi người dân.

Tuy nhiên, trên cơ sở luận giải chung về an ninh con người lại có cách hiểu cụ thể khác nhau, dẫn tới những chính sách và hành vi rất khác nhau. Ở một số nước và thể chế chính trị coi trọng đề cao con người, an ninh con người (trường hợp Canada), đề cao vai trò của nhân dân; coi người dân là người chủ của xã hội, theo đó, các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, công bằng xã hội, bình đẳng xã hội,

xóa đói, giảm nghèo... được coi trọng và thực hiện trách nhiệm. Ở một chừng mực nào đó việc bảo đảm an ninh con người sẽ làm cho an ninh quốc gia được bảo đảm và đất nước có điều kiện phát triển thịnh vượng, bền vững, hài hòa.

Ở một chiều cạnh lý giải khác, một số nước phương Tây lại quan niệm và đặt con người cá nhân vào vị trí tối thượng, từ đó coi an ninh con người quan trọng hơn an ninh quốc gia nhưng trong thực tế lại không hẳn như vậy (trường hợp ở một số quốc gia trong ứng phó với COVID-19 đã minh chứng điều này). Trong nhiều trường hợp khác, lấy cớ là vì con người, người ta có thể tiến hành can dự quốc tế vào các quốc gia nào “có vấn đề” về nhân quyền. Đó chính là những hành vi lợi dụng quan niệm về an ninh con người để tô điểm cho quan điểm phi lý “nhân quyền cao hơn chủ quyền” của chính họ.

Như vậy, trong mỗi trường hợp thực tế, cần phân biệt, phân tích thấu đáo những quan điểm đúng đắn và quan điểm phản diện về an ninh con người. Bảo đảm an ninh con người phải gắn với bảo đảm chủ quyền quốc gia của cả cộng đồng đang sinh sống, đó là chủ quyền bất khả xâm phạm - nơi mà người dân đang được nhà nước của họ cung ứng các dịch vụ an ninh để bảo vệ họ trước các mối đe dọa đang ngày càng gia tăng. Mặc nhiên, ngoài nhà nước thì rất cần

thiết phải có những sự nỗ lực từ chính những người dân đối với việc bảo vệ cho chính họ.

Hiện nay, Việt Nam đã thoát khỏi nhóm nước kém phát triển, đứng vào nhóm nước có mức thu nhập trung bình và phát triển con người ở mức trung bình. Tuy nhiên, cùng với thời gian, toàn cầu hóa đã làm gia tăng ngày càng nhiều các thách thức, cản trở sự phát triển bền vững và đe dọa an ninh con người Việt Nam. Mô hình phát triển kinh tế thiên về chiều rộng, chủ yếu dựa vào sức lao động và tài nguyên thiên nhiên giá rẻ ngày càng mất hiệu quả, có nguy cơ rơi vào khủng hoảng.

Xã hội Việt Nam đang trải qua những biến đổi to lớn về cơ cấu, với các chuyển động di cư, đô thị hóa, biến đổi khí hậu, thiên tai dịch bệnh... Môi trường bất ổn đó đang làm thay đổi nhanh chóng tính chất, mô thức và nguy cơ đe dọa đối với an ninh con người. Hơn nữa, quá trình mở cửa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của Việt Nam đòi hỏi phải nỗ lực nhiều hơn các cải cách trong nước trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, ứng phó thiên tai, biến đổi khí hậu, dịch bệnh...

Trong khi đó, các thế lực thù địch lợi dụng cơ hội Việt Nam mở cửa hội nhập, gia tăng sử dụng chiêu bài dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo nhằm gây bất ổn chính trị, tiến tới kích động bạo loạn lật đổ chế

độ¹. Có thể nhận thấy, trên cả bình diện vĩ mô và vi mô, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và phát triển của Việt Nam đang phải đổi mới với nhiều thách thức to lớn. Trên bình diện quốc gia, cần phải tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, tạo các bước đột phá phát triển theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng, thì trên bình diện phát triển con người, cần áp dụng và có những cách tiếp cận mới thực sự hướng vào con người, lấy con người làm trung tâm, “con người vừa là động lực, vừa là mục tiêu của sự phát triển”.

Để làm được điều này, Đảng và Nhà nước ta cần phải tiếp cận một cách hệ thống, đa chiều trong bối cảnh các nguy cơ, thách thức đang gia tăng, đan xen, chuyển hóa phức tạp tác động đến an ninh con người, từ đó mới có những biện pháp thích hợp toàn diện trên tất cả các lĩnh vực để bảo đảm an ninh con người. Từ những sự phân tích thành công hay hạn chế của các mẫu nghiệm trên trong đối ứng với vấn đề an ninh con người có thể đúc rút một số bài học tham khảo cho Việt Nam trên con đường phát triển, thực hiện mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” như sau:

1. http://ihs.vass.gov.vn/noidung/tapchi/Lists/TapChiSoMoi/View_Detail.aspx?ItemID=88.

Một là, cần nỗ lực thực hiện các mục tiêu cơ bản về an ninh con người mà Liên hợp quốc đề ra. Việt Nam là quốc gia đang phát triển, việc bảo đảm các mục tiêu cơ bản về an ninh con người của Liên hợp quốc cũng là một yêu cầu cần thiết. Do đó, trong thời gian tới, cần bảo đảm những lợi ích cơ bản và nhu cầu ở mức độ cho phép của người dân như: bảo đảm mức sống, bảo đảm về lương thực, y tế, giáo dục, việc làm, nhà ở, môi trường sống, bảo đảm quyền cơ bản của con người...

Hai là, Nhà nước cần tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

Ba là, xây dựng tổ chức bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu quả; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Bảo đảm an ninh con người nên bám sát mục tiêu chung là ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, loại bỏ dần các cơ hội, điều kiện phát sinh tham nhũng, góp phần xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu quả; đội ngũ cán bộ, công chức liêm chính; lành mạnh hóa các quan hệ xã hội thông qua việc thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng; củng cố lòng tin của

nhân dân và cộng đồng quốc tế, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Bốn là, xây dựng hành lang pháp lý hoàn thiện để mỗi người dân được bảo đảm lợi ích theo pháp luật và bảo vệ con người tránh khỏi các mối đe dọa như xung đột xã hội, khủng bố quốc tế, tội phạm, bệnh dịch... Tuyên truyền pháp luật rộng rãi tới mọi người dân từ thành thị tới nông thôn, đồng bằng tới miền núi, để người dân hiểu về quyền lợi và nghĩa vụ bảo vệ bản thân và cộng đồng xã hội.

Năm là, tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả ba đột phá chiến lược, cơ cấu lại tổng thể và đồng bộ nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Chú trọng giải quyết tốt vấn đề cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, cơ cấu lại ngân sách nhà nước, xử lý nợ xấu và bảo đảm an toàn nợ công.

Sáu là, thu hút, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân. Chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, giải quyết tốt những vấn đề bức thiết; tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm an ninh con người; an sinh xã hội, nâng cao

phúc lợi xã hội và xóa đói, giảm nghèo bền vững. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Bảy là, phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tập trung xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; bảo đảm người dân được sống trong môi trường hòa bình, ổn định, bảo đảm an sinh xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững.

Tám là, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; chủ động đối phó với các nguy cơ làm mất ổn định chính trị như khủng bố, các nguy cơ xung đột về nguồn nước, an ninh lương thực...

Ngoài ra, trong thời gian tới, Việt Nam cần tiếp tục mở rộng và đưa vào chiêm sâu các quan hệ đối ngoại; tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, thực hiện hiệu quả hội nhập quốc tế trong điều kiện mới, tiếp tục nâng cao vị thế và uy tín của đất nước trên trường quốc tế, góp phần ứng phó với các nguy cơ mất an ninh con người trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập sâu rộng vào khu vực và quốc tế hiện nay.

Chương IV

BẢO ĐẢM AN NINH CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

I- MỘT SỐ MỐI ĐE DỌA ĐANG NỔI LÊN HIỆN NAY

Khi nghiên cứu, bàn đến an ninh con người thường gắn với các nguy cơ, các mối đe dọa đến con người. Các mối đe dọa đến an ninh con người thường phân định hai cấp: (1) Mối đe dọa từ cấp quốc gia, thường diễn ra trong biên giới quốc gia; (2) Mối đe dọa mang tính toàn cầu, xuyên quốc gia. Nhưng sự phân định này cũng chỉ là tương đối tùy theo quy mô, phạm vi, tính chất tác động của vấn đề đến từng quốc gia. Đó là nguy cơ bùng nổ dân số không kiểm soát được; xuống cấp về môi trường, biến đổi khí hậu; tội phạm xuyên biên giới (ma túy, công nghệ cao, khủng bố quốc tế, chạy đua vũ trang, phổ biến vũ khí, buôn lậu, rửa tiền...), nạn nghèo đói, dịch bệnh, hạn hán, bão lụt thiên tai...

Theo Mahbub Ul Haq, chuyên gia tư vấn đặc biệt về quản trị UNDP đã giải thích về an ninh con

người: đó không chỉ là an ninh của đất đai, mà là an ninh con người, không chỉ an ninh thông qua các cánh tay mà đó là an ninh thông qua sự phát triển, đó không chỉ là an ninh quốc gia nào đó, là an ninh cá nhân trong ngôi nhà của họ, đó không chỉ là sự bảo vệ chống lại các cuộc xung đột giữa các quốc gia, mà đó là bảo vệ chống lại các cuộc xung đột giữa con người.

1. Biến đổi khí hậu và an ninh môi trường

Trong mấy thập kỷ qua, nhân loại đã và đang trải qua các biến động bất thường của khí hậu toàn cầu. Trên bề mặt trái đất, khí quyển và thủy quyển không ngừng nóng lên làm xáo động môi trường sinh thái, đã và đang gây ra nhiều hệ lụy với đời sống loài người.

Các báo cáo của Ủy ban Liên chính phủ về Thay đổi khí hậu (Intergovernmental Panel on Climate Change - IPCC), một cơ quan khoa học chịu trách nhiệm đánh giá rủi ro về thay đổi khí hậu do hoạt động con người gây ra và nhiều trung tâm nghiên cứu có uy tín hàng đầu trên thế giới công bố trong thời gian gần đây cung cấp cho chúng ta nhiều thông tin và dự báo quan trọng. Theo đó, nhiệt độ trung bình trên bề mặt địa cầu ấm lên gần 1°C trong vòng 80 năm (từ năm 1920 đến năm 2005) và tăng rất

nhanh trong khoảng 25 năm nay (từ năm 1980 đến năm 2005).

Biến đổi khí hậu và lượng khí thải CO₂ tích tụ tăng lên đang làm ảnh hưởng đến các hệ sinh thái trên trái đất và tác động trực tiếp đời sống hàng ngày của con người. Theo các nhà khoa học, hệ quả của biến đổi khí hậu xuất phát từ việc các quốc gia đã phát triển quá mức, mà chưa có kiểm soát trong thời kỳ cách mạng công nghiệp. Trong đó, các nhà máy đua nhau xả khói; những đại nông trường chăn nuôi, đã khiến cho lượng khí thải mà bầu khí quyển tích tụ tăng đến hàng trăm nghìn lần, gây ra khí nhà kính, chủ yếu là khí CO₂.

Chính vì vậy, khí nhà kính sẽ khiến lượng nhiệt trái đất hấp thụ được từ mặt trời tăng lên, nhiệt độ trung bình của địa cầu cũng tăng nhanh. Khi đó, nước từ băng tan sẽ đổ về các đại dương, làm mực nước biển dâng cao trung bình tới 19cm. Nếu nhiệt độ trái đất tăng 2°C đã đủ để hàng loạt hậu quả xảy ra như: Các sông băng tiếp tục tan chảy nhấn chìm Quần đảo Marshall, 15% diện tích của Băngladét và 5% - 10% diện tích đồng bằng sông Cửu Long; cường độ các cơn bão sẽ dữ dội hơn từ 2% - 8%; sẽ có thêm những siêu bão mạnh như Haiyan xuất hiện; sản lượng cây trồng ở Mỹ, Ấn Độ và châu Phi giảm từ 10% - 30%, trong khi ở Việt Nam là 60%, an ninh lương thực có thể bị đe dọa.

Biến đổi khí hậu được dự đoán sẽ tác động tới mọi mặt, không ngoại trừ một lĩnh vực nào. Môi trường sống của vô số động thực vật và hệ sinh thái hàng triệu năm đang đứng trước nguy cơ bị biến đổi, ảnh hưởng tới hàng loạt khía cạnh của đời sống con người. Biến đổi khí hậu sẽ tạo ra và làm trầm trọng thêm sự bất ổn định về chính trị, gia tăng bạo lực; cơ cấu địa chính trị cũng có sự thay đổi lớn; sự bố trí quốc phòng - an ninh có sự xáo trộn không nhỏ.

Theo đánh giá của các tổ chức thế giới, Việt Nam là một trong những quốc gia phải chịu nhiều ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, đặc biệt là bão, lũ, hạn hán xâm nhập mặn ngày càng khốc liệt. Theo chỉ số rủi ro khí hậu toàn cầu năm 2017, Việt Nam nằm trong tốp 10 quốc gia chịu ảnh hưởng nhiều nhất về rủi ro khí hậu dài hạn trên thế giới. Số liệu của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) cho thấy, Việt Nam trong hơn 30 năm qua, bình quân mỗi năm, thiên tai đã làm chết và mất tích khoảng 500 người, bị thương hàng nghìn người, nền kinh tế thiệt hại bình quân lên tới 1,5% GDP hằng năm. Bình quân mỗi năm, Việt Nam bị ảnh hưởng trực tiếp bởi 6 - 7 cơn bão.

Mới đây, Mark Lowcock, quan chức của Bộ Phát triển quốc tế Vương quốc Anh đã đến thăm Việt Nam và có buổi thuyết trình về “*Báo cáo Stern*” do các nhà

khoa học Anh xây dựng, được Chính phủ Anh công bố về vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu. Báo cáo cho rằng, nếu không thực hiện được chương trình hành động giảm khí thải gây hiệu ứng nhà kính theo Nghị định thư Kyoto, đến năm 2035 nhiệt độ bề mặt địa cầu sẽ tăng thêm 2°C. Về dài hạn, có hơn 50% khả năng nhiệt độ tăng thêm 5°C. Biến đổi khí hậu sẽ tạo ra và làm trầm trọng thêm sự bất ổn định về chính trị, gia tăng bạo lực; cơ cấu địa chính trị cũng có sự thay đổi lớn; sự bố trí quốc phòng - an ninh có sự xáo trộn không nhỏ.

Khái niệm an ninh môi trường xuất hiện lần đầu vào năm 1953 trong những tranh luận về mối liên quan giữa biến đổi môi trường với an ninh. Từ đó đến nay, đã có nhiều khái niệm về an ninh môi trường.

Theo báo cáo của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, an ninh môi trường là sự khan hiếm các tài nguyên thiên nhiên, suy thoái và ô nhiễm môi trường, những hiểm họa có thể gây suy yếu nền kinh tế, gia tăng đói nghèo, gia tăng bất ổn chính trị. Còn theo Wikipedia an ninh môi trường là trạng thái mà một hệ thống môi trường có khả năng bảo đảm điều kiện sống an toàn cho con người trong hệ thống đó.

Bảo đảm an ninh môi trường hiện nay đã trở thành vấn đề toàn cầu, cần có sự hợp tác, chia sẻ giữa

các quốc gia. Các thách thức an ninh môi trường không chỉ đe dọa an ninh con người, kinh tế, lương thực... mà còn là một trong những nguy cơ lớn đe dọa an ninh quốc gia và sự tồn vong của nhân loại.

An ninh môi trường thế giới và Việt Nam đang phải đối mặt chủ yếu là các vấn đề liên quan đến những tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu, trong đó nhấn mạnh tới hiệu ứng nhà kính; khan hiếm nguồn nước và sự hủy hoại các nguồn tài nguyên biển; sự phá hủy tầng ôzôn; hiện tượng sa mạc hóa; hệ thực vật rừng bị phá hoại; đa dạng sinh học suy giảm và vấn đề mưa axít. Biến đổi khí hậu không chỉ gây ra đói nghèo, kìm hãm sự phát triển ở các quốc gia mà còn đang thách thức nghiêm trọng đến các vấn đề an ninh xã hội, an ninh con người toàn cầu hiện nay.

Trong mấy thập kỷ qua, nhân loại đã và đang trải qua các biến động bất thường của khí hậu toàn cầu. Trên bề mặt trái đất, khí quyển và thủy quyển không ngừng nóng lên làm xáo động môi trường sinh thái, đã và đang gây ra nhiều hệ lụy tối đồi sống loài người.

Một khảo sát đã được thực hiện ở Mỹ cho thấy vào những ngày nóng trên 27°C, số lượng em bé được sinh ra sẽ ít hơn. Nếu tính trên cả nước Mỹ, mỗi năm sẽ có khoảng 30 ngày nhiệt độ tăng lên trên 27°C.

Với xu hướng ám lên toàn cầu, dự báo số ngày nóng sẽ tăng gấp ba lần, tới 90 ngày/năm. Điều này cũng có nghĩa số lượng ca sinh mỗi năm tại Mỹ sẽ giảm 100.000 ca.

2. Dịch bệnh truyền nhiễm và các thảm họa thiên nhiên

Bệnh dịch truyền nhiễm là một trong nhiều loại uy hiếp an toàn tính mạng và tài sản của nhân loại, uy hiếp sự ổn định của xã hội, thậm chí ở mức độ nào đó có thể quyết định sự sống còn của một quốc gia - dân tộc.

Những căn bệnh nguy hiểm chết người đang xuất hiện nhiều và ngày càng lan nhanh ra toàn cầu. Đây là một trong những hiểm họa đe dọa trực tiếp đến con người trong thế kỷ XXI.

Bệnh AIDS (Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải) được coi là mối đe dọa an ninh mang tính phi truyền thống hàng đầu uy hiếp an ninh nhân loại suốt thập kỷ 90 của thế kỷ XX khi chưa xảy ra sự kiện ngày 11/9. Sau sự kiện ngày 11/9, mức độ uy hiếp nhân loại của bệnh AIDS vẫn nghiêm trọng, được xếp ngang với chủ nghĩa khủng bố. Bệnh AIDS đã trực tiếp cấu thành nguy cơ an ninh phi truyền thống, và gián tiếp cấu thành nguy cơ an ninh truyền

thống và đã gây ra những ảnh hưởng lớn đến an ninh và các phương diện cơ bản khác của các xã hội.

Trong vấn đề an ninh phi truyền thống, bệnh SARS được coi là vấn đề nghiêm trọng đứng sau bệnh AIDS, nhưng mức độ cấp bách lại có lúc vượt qua cả bệnh AIDS. Đây là loại bệnh truyền nhiễm nghiêm trọng mới xuất hiện đầu thế kỷ XXI, tỷ lệ tử vong chưa cao, nhưng khả năng truyền nhiễm rất mạnh, làm cho toàn thế giới hết sức lo sợ, do đó đã dẫn đến khủng hoảng rất khó xử lý về mặt chính trị, kinh tế, xã hội, ngoại giao. Trở thành vấn đề an ninh phi truyền thống, bệnh SARS cần phải được chú ý ở mấy khía cạnh sau:

Một là, chủ nghĩa khủng bố sinh học (đây có thể là phương pháp khả thi mà những tổ chức và cá nhân cực đoan, thậm chí một số cơ quan chính phủ lợi dụng vũ khí sinh học như virus để phát động tấn công khủng bố).

Hai là, chủ nghĩa khủng bố gen (lợi dụng biến đổi gen để dần làm suy yếu, thậm chí hoàn toàn tiêu diệt một loại người nào đó trong điều kiện kỹ thuật tương lai đều có thể xảy ra).

Ba là, tiềm lực phát triển và hiệu quả cuối cùng của khoa học nhân loại (thể lực phản động có thể lợi dụng thành quả khoa học - kỹ thuật để tạo

ra mọi “sản phẩm” với mục tiêu hủy diệt bản thân nhân loại).

Một vấn đề an ninh phi truyền thống mới xuất hiện trong thời gian gần đây (năm 2014), dịch bệnh Ebola - loại virus gây ra dịch sốt xuất huyết kinh hoàng đang khiến cả thế giới hoang mang bởi loại bệnh này có tỷ lệ tử vong cao tới 90%.

Tổ chức Y tế thế giới (WHO) khuyến cáo, dịch sốt xuất huyết Ebola bùng phát ở Tây Phi (chủ yếu ở Libéria, Xiêra Lêôn và Ghinê) đang lây lan một cách nhanh chóng và vượt ra ngoài khả năng kiểm soát.

Dịch bệnh Ebola năm 2014 được nhận định là vụ dịch lớn nhất trong lịch sử gần bốn thập kỷ qua. Những ngày đầu tháng 8/2014, cả thế giới đã có gần 2.000 ca mắc virus Ebola và khoảng 50% người mắc bệnh đã tử vong. Hiện nay, theo thông kê của Tổ chức Y tế thế giới, có khoảng 16.000 người mắc chứng bệnh Ebola và đã có khoảng trên 7.000 người đã tử vong. Hiện chưa có loại thuốc đặc trị cho loại bệnh nguy hiểm này.

Trong một bài phát biểu, Tổng Thư ký Liên hợp quốc Ban Ki-moon đã phác họa bức tranh ảm đạm về một thế giới đầy bất ổn hiện nay, đồng thời kêu gọi cộng đồng quốc tế đưa ra những hành động cấp thiết để đối phó với các thách thức như đại dịch Ebola tại châu Phi và các cuộc xung đột tại khu vực Trung Đông.

Cựu Tổng thống Mỹ Barack Obama cũng đề nghị các nhà lãnh đạo thế giới chung tay đối phó với một loạt các cuộc khủng hoảng quốc tế mà ông mô tả là “mạng lưới chết chóc”, từ sự trỗi dậy của tổ chức Nhà nước IS tự xưng cho đến sự lây lan khó kiểm soát của virus Ebola và cuộc xung đột tại Ucraina¹.

Tại khu vực châu Á, các nước như Campuchia, Thái Lan, Mailaixia, Việt Nam, Băngladέt, Trung Quốc, Ấn Độ,... đang phải đối phó với các loại dịch bệnh mới với diễn biến ngày càng khó lường.

Đại dịch COVID-19 là một đại dịch bệnh truyền nhiễm với tác nhân là virus SARS-CoV-2, hiện đang ảnh hưởng và gây thiệt hại trên phạm vi toàn cầu. Dịch bệnh này bắt đầu xuất hiện từ tháng 12/2019, với tâm dịch đầu tiên được ghi nhận là thành phố Vũ Hán thuộc tỉnh Hồ Bắc ở miền Trung Trung Quốc, bắt nguồn từ một nhóm người bị mắc bệnh viêm phổi không rõ nguyên nhân, giới chức y tế địa phương xác nhận trước đó nhóm người này đã có tiếp xúc, chủ yếu là với những thương nhân buôn bán và làm việc tại chợ bán buôn hải sản Hoa Nam, nơi bày bán và giết mổ nhiều loài động vật hoang dã và được cho là

1. <http://dangcongsan.vn/the-gioi/tin-tuc/the-gioi-tuan-quabong-den-cua-dai-dich-ebola-van-tiep-tuc-bao-trum-273154.html>.

địa điểm bùng phát dịch bệnh đầu tiên, tuy nhiên, kết luận này hiện vẫn đang còn gây nhiều tranh cãi. Các nhà khoa học Trung Quốc sau đó đã tiến hành nghiên cứu và phân lập được một chủng loại virus Corona mới, được Tổ chức Y tế thế giới lúc đó tạm thời gọi là 2019-nCoV, có trình tự gen giống ít nhất 79,5% với SARS-CoV trước đây. Sự lây nhiễm từ người sang người đã được xác nhận cùng với tỷ lệ bùng phát dịch tăng nhanh vào giữa tháng 01/2020. Tính đến đầu tháng 5/2020, cả thế giới đã có hơn 3,8 triệu ca nhiễm virus Corona chủng mới gây bệnh COVID-19, hơn 265.000 ca tử vong.

Nhìn từ góc độ an ninh phi truyền thống, bệnh dịch AIDS, SARS, EBOLA và COVID-19 đã làm cho mọi người phải suy nghĩ lại những vấn đề có liên quan: mối quan hệ giữa nhân loại và giới tự nhiên phải như thế nào; bảo vệ môi trường cần phải đặt trong phạm trù chính sách quốc gia và chuẩn mực quốc tế trong phạm vi lớn hơn và mức độ nhiều hơn; khoa học - kỹ thuật lý tính và quan hệ nhân văn cảm tính cần phải hỗ trợ lẫn nhau; cần phải điều chỉnh và bố trí thích đáng nguồn tài nguyên trí lực và kinh tế.

Ngoài những thách thức do dịch bệnh truyền nhiễm đối với an ninh xã hội, an ninh con người, trong

những thập kỷ gần đây, thiên tai ngày càng khốc liệt, khó lường, gây nên những thiệt hại nặng về người và tài sản, ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của nhiều nước.

Hàng năm thảm họa thiên nhiên trên thế giới đã cướp đi sinh mạng của hàng triệu người, tổn thất về của cải, cơ sở vật chất ước tính hàng nghìn tỷ USD, phá hủy môi trường sinh thái và ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống con người và sự phát triển xã hội. Trung bình mỗi năm có khoảng 45.000 người bị chết do thảm họa thiên nhiên gây ra.

Theo Báo cáo của Ủy ban Kinh tế - Xã hội châu Á - Thái Bình Dương của Liên hợp quốc (ESCAP) và Cơ quan Liên hợp quốc về Chiến lược giảm nhẹ nguy cơ thiên tai (UNISDR), trong những năm gần đây, thiệt hại về kinh tế do thảm họa thiên nhiên gây ra ở châu Á - Thái Bình Dương vào khoảng 294 tỷ USD mỗi năm, chiếm 80% trong tổng số 366 tỷ USD thiệt hại của toàn thế giới. Tại châu Á - Thái Bình Dương, hàng năm có khoảng 80% dân cư bị ảnh hưởng và hơn 3.100 người bị chết do thảm họa thiên nhiên. Thiệt hại về kinh tế do thảm họa thiên nhiên gây ra ở Indonesia là 1,2% GDP, Việt Nam: 1,8% GDP, Mianma: 1,9% GDP, Malaixia: 1% GDP, Campuchia: 1% GDP và Lào: 1,7% GDP...

3. Di dân bất hợp pháp

Hiện tượng di dân bất hợp pháp bắt nguồn trước hết từ vấn đề kinh tế. Tình trạng bất bình đẳng, phân chia đẳng cấp trên do toàn cầu hóa gây nên là nguyên nhân nội tại thúc đẩy di dân bất hợp pháp.

Hiện nay, sự dịch chuyển của các nhóm dân di cư bất hợp pháp đang theo chiều từ các nước đang phát triển sang các nước phát triển; từ các khu vực lạc hậu ở châu Á, châu Phi, Trung Đông di chuyển sang Bắc Mỹ, châu Âu, châu Đại Dương.

Tuy nhiên, dường như có một nghịch lý trong vấn đề di dân bất hợp pháp là nếu như đa phần dòng người lén lút vượt biên trái phép từ các nước đang phát triển sang châu Âu, Bắc Mỹ và châu Đại Dương là do nguyên nhân từ nghèo đói, khủng hoảng, bạo lực, xung đột leo thang; thì tại châu Âu, phương Tây nói chung, và nhiều quốc gia khác nói riêng, một lượng người không nhỏ đã và đang tìm mọi cách để gia nhập vào đội quân thánh chiến IS với mục tiêu để chứng minh, họ - đang - tồn - tại - như - là. Sự cô đơn trong chính ngôi nhà của họ, sự lạc lõng trong "cộng đồng toàn cầu", sự không được thừa nhận từ phía gia đình hay xã hội, kèm theo sự thất vọng về bản thân và mọi hệ giá trị... là chất xúc tác để những lời hiệu triệu trên Youtube, Twitter... của IS trở nên

quyến rũ với họ và rất nhanh chóng, họ trở thành đội quân thánh chiến toàn cầu¹.

Hiện nay, Liên minh châu Âu đang phải đối mặt với một làn sóng di dân bất hợp pháp từ các nước châu Phi với một sự gia tăng báo động cả về số lượng vụ việc và số lượng người tham gia. Bộ nội vụ Italia cho biết, những người di cư trái phép bằng đường biển đến nước này trong năm 2015 ước tính có thể lên tới 200.000 người.

Theo Tổ chức Di cư quốc tế (IOM), bất ổn chính trị, xung đột, khủng hoảng kinh tế liên tục hoành hành những năm gần đây ở châu Phi và Trung Đông đã làm bùng nổ số lượng người muốn nhập cư trái phép vào châu Âu, bất chấp bị ngược đãi, thậm chí nguy hiểm đến tính mạng.

Theo Giáo sư người Mỹ Krasner Stephen, quan niệm cho rằng, mỗi cá nhân phải là công dân của một và chỉ một nước mà thôi; và nhà nước có quyền đòi hỏi cá nhân đó phải trung thành với nó xem ra không còn đúng trên thực tế. Ở nhiều nước, không còn có sự phân biệt rõ rệt giữa những người có tư cách công dân và những người không có tư cách đó.

1. Xem Lương Thị Thu Hường: “Chủ nghĩa Islam khủng bố và một số vấn đề đặt ra”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo* (1), 2015, tr.60-72.

Cư dân vĩnh viễn, công nhân ngoại lai, dân tị nạn và di dân bất hợp pháp đều được trao nhiều quyền, dù họ không có quyền bầu cử. Sự thuận tiện của du lịch và mong muốn cháy bỏng của nhiều nước trong việc thu hút cả vốn lãnh nhân công có kỹ năng cao đã làm gia tăng độ linh động trong việc xác định quốc tịch¹.

Trong năm 2000, ước tính có khoảng 175 triệu người sống ly hương (một con số mà trước đó chưa từng có). Trong số đó, gần 158 triệu người được coi là dân di cư quốc tế; khoảng 16 triệu người được xem là tị nạn, họ lo sợ và trốn chạy khỏi sự ngược đãi; và 900.000 vô gia cư².

Các nước Âu - Mỹ và các tổ chức quốc tế đều coi vấn đề di cư bất hợp pháp là trọng tâm công tác của mình. Nhiều nước đã thông qua pháp luật, quy định tương ứng như chính sách nhập cư, luật di cư, chính sách di cư, chống di cư bất hợp pháp, v.v., thành lập các tổ chức tương ứng để ngăn chặn vấn đề di dân bất hợp pháp. Đồng thời, các nước tăng cường hợp tác xuyên quốc gia để chống di cư bất hợp pháp.

1. Xem Krasner Stephen: “Sovereignty”, *Foreign Policy* (122), 2001, pp.20-29.

2. Xem Michael W. Doyle: “The Challenge of Worldwide Migration”, *Journal of International Affairs* (2), 2004, pp.1-5.

Khu vực Đông Nam Á hiện nay cũng đang đứng trước thách thức mới về vấn nạn người di cư. Thời gian qua, hàng nghìn người di cư, chủ yếu là cộng đồng người Rohingya thiểu số ở Mianma và Băngladέt đã tìm cách vượt biển ra nước ngoài tị nạn. Malaixia và Indônêxia là những điểm đến. Thực trạng này kéo theo tranh cãi xoay quanh việc giới chức các nước liên quan chỉ cung cấp thực phẩm, nước uống cho những người di cư và từ chối không cho các thuyền chở di dân trái phép cập bờ. Có khoảng 8.000 người di cư được cho là đang lênh đênh trên biển trong các điều kiện bấp bênh, với những mối nguy hiểm rình rập.

Đối với Việt Nam, thời gian gần đây, tình trạng người di cư tự do từ Campuchia về Việt Nam (chủ yếu là đến các tỉnh Tây Nam Bộ) ngày càng gia tăng và sinh sống ở dọc các tuyến biên giới. Đa số họ không có giấy tờ tùy thân, đã nhập quốc tịch Campuchia hoặc không có quốc tịch và đồng con... Điều này, không chỉ làm gia tăng sự bất ổn về an ninh xã hội mà còn đang đặt ra những thách thức không nhỏ cho vấn đề bảo đảm an ninh con người của các cấp ủy đảng, chính quyền ở các tỉnh thành Nam Bộ hiện nay.

4. Chủ nghĩa khủng bố

Từ thập niên 90 của thế kỷ XX, chủ nghĩa khủng bố đương đại có một số biến tướng, nhưng bản chất

bạo lực, cực đoan của nó không hề thay đổi, cùng với vấn đề chia rẽ dân tộc, chủ nghĩa cực đoan tôn giáo, chủ nghĩa khủng bố tạo thành “ba thế lực xấu” đe dọa ngày càng lớn đối với an ninh quốc gia.

Hiện nay, trên thế giới có hơn 1.000 tổ chức khủng bố quốc tế. Trong đó có 10 tổ chức khủng bố khét tiếng nhất thế giới. Bằng những cuộc tấn công bạo lực và đẫm máu, trong nhiều năm qua, các tổ chức khủng bố đã gieo rắc nỗi khiếp sợ cho toàn thế giới. Ngày nay, các nhóm khủng bố đang ngày càng lớn mạnh và hoạt động có phần manh động, liều lĩnh hơn. Nhiều quốc gia đang nỗ lực hết mình để ngăn chặn các nhóm khủng bố nhưng đường như chưa có nhiều tiến triển.

Theo Tạp chí *The Richest* (Mỹ) đã đưa ra danh sách thống kê 5 tổ chức khủng bố khét tiếng nhất thế giới hiện nay:

- *Nhà nước Hồi giáo tự xưng* (IS): Đứng đầu danh sách các tổ chức khủng bố khét tiếng nhất thế giới chính là Nhà nước Hồi giáo tự xưng (IS). Được thành lập năm 2006, với 50.000 thành viên ở Xyri, 10.000 thành viên ở Irắc, IS hiện là một mối đe dọa lớn đối với toàn thế giới. Việc thành lập IS là do chính Al-Qaeda khởi xướng, đến năm 2011 thì tổ chức này lan sang Xyri. Tuy nhiên, đầu năm 2014, IS bị Al-Qaeda chối bỏ sau khi giao tranh

với nhóm Mặt trận Al-Nusra (nhánh nhỏ của Al-Qaeda ở Xyri).

Cuối năm 2014, IS khiến cả thế giới bàng hoàng khi liên tiếp tung ra các video chặt đầu nhà báo Mỹ và nhân viên cứu trợ Anh và hành quyết phụ nữ, trẻ em... Tổ chức IS với mục tiêu xây dựng một Nhà nước Hồi giáo “thuần khiết” và nhà nước này sẽ chinh phục thế giới bằng mọi biện pháp có thể, kể cả phủ nhận quyền con người cũng như an ninh con người.

Tổ chức khủng bố IS hoạt động ngày càng liều lĩnh và tàn bạo, gieo rắc nỗi sợ hãi về khủng bố trên toàn cầu. Hiện nay, rất khó để tiên lượng được mức độ và tốc độ gia tăng của tổ chức khủng bố này trong thời gian sắp tới.

- *Al-Qaeda*: là tổ chức vũ trang Hồi giáo do Osama bin Laden thành lập năm 1979. Mặc dù lãnh đạo của tổ chức này, Osama bin Laden được cho là đã bị giết năm 2011 nhưng Al-Qaeda vẫn là một trong những nhóm khủng bố dai dẳng và nguy hiểm nhất thế giới hiện nay.

Al-Qaeda hoạt động chủ yếu ở Trung Đông, có hàng ngàn thành viên, với tiêu chí hoạt động là thanh lọc sự ảnh hưởng của Mỹ, phuong Tây vào các nước Hồi giáo và thiết lập luật Hồi giáo. Đến nay, Al-Qaeda đã tiến hành 6 cuộc tấn công lớn, trong đó có 4 cuộc

thánh chiến nhằm vào Mỹ. Vụ tấn công khét tiếng khiến cả thế giới biết đến Al-Qaeda là vụ đánh sập tòa tháp đôi nổi tiếng ở New York, Mỹ ngày 11/9/2001 khiến gần 3.000 người thiệt mạng.

• *Boko Haram*: là nhóm vũ trang Hồi giáo thành lập và hoạt động ở Nigéria. Tổ chức khủng bố này nổi lên từ năm 2009, mang tư tưởng thù địch phương Tây và đã trở thành một trong những lực lượng giết người tàn bạo nhất thế giới.

Phiến quân này thể hiện sức mạnh bằng cách thực hiện một loạt các vụ đánh bom trường học, nhà thờ, nơi đông người, bắt cóc, giết người... Từ năm 2009 tới nay, tổ chức này đã nhẫn tâm sát hại hơn 5.000 người vô tội và số người thiệt mạng dưới tay Boko Haram vẫn có chiều hướng gia tăng.

Các thành viên của Boko Haram được rèn luyện trong một môi trường khắc nghiệt, chúng sẵn sàng “xả thân” vì tổ chức để chà đạp và phá bỏ nhân quyền, hướng tới mục tiêu thành lập nhà nước Hồi giáo ở Nigéria. Hiện nay, tổ chức khủng bố này vẫn phát triển mạnh, nằm ngoài sự kiểm soát của chính quyền, gây rất nhiều nguy hiểm cho người dân địa phương.

• *Taliban*: là tổ chức khủng bố có nguồn gốc từ các phong trào sinh viên. Tổ chức này đã nắm quyền cai trị Áfganistan từ năm 1996.

Sau sự kiện tấn công vào tòa tháp đôi ở New York, Mỹ ngày 11/9/2001, tổ chức này đã bị lật đổ bởi Liên minh phía Bắc (Quân kháng chiến Áfganistan) cùng sự yểm trợ của Mỹ và đồng minh. Từ đó, tàn quân của Taliban rút vào bóng tối và thường hoạt động khủng bố một cách lẻ tẻ. Trong quá trình hoạt động, Taliban đã chà đạp lên nhân quyền và làm những việc vô nhân đạo. Chúng cấm việc giáo dục phụ nữ, tàn sát dân thường, phá hủy các nguồn cung cấp lương thực, tấn công vào các tổ chức lớn trên thế giới...

Hiện nay, ước tính tổ chức này vẫn còn khoảng 60.000 thành viên, hoạt động rải rác ở nhiều quốc gia khác nhau trên thế giới.

- *Jabhat al-Nusra*: là tổ chức khủng bố mới được thành lập năm 2012 để đáp ứng cuộc chiến tại Xyri nhưng đã nhanh chóng trở thành một trong những nhóm khủng bố nguy hiểm nhất hiện nay.

Jabhat al-Nusra được thành lập với mục tiêu lật đổ ông Bashar Al-Assad, khôi phục lại chế độ Islam Caliphate, hay còn gọi là chính quyền tối cao được cai trị bởi người kế vị nhà tiên tri Muhammad. Đây là nhóm khủng bố khét tiếng, được cho là “nhánh nhỏ” của tổ chức Al-Qaeda, thường xuyên gây ra các vụ đánh bom liều chết và giết người hàng loạt.

Cùng với những thách thức mang tên chủ nghĩa khủng bố, hiện nay, thế giới đang nỗ lực đấu tranh

với tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Các tổ chức tội phạm có tổ chức đã, đang và sẽ gây ảnh hưởng lớn và nguy hại đến hòa bình và an ninh trên toàn thế giới. Hai học giả người Italia, Giovanni Mastrobuoni và Eleonora Patacchini cho rằng, kể từ khi kết thúc chiến tranh lạnh và sự xuất hiện của toàn cầu hóa, các tổ chức tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia đang ngày một gia tăng, mà trong đó chủ yếu là Mafia Nga (Russian Mafia), các doanh nghiệp châu Phi (the African enterprises), những băng nhóm Trung Hoa (Chinese tongs), những tập đoàn ma túy Nam Mỹ (South American drugs cartels), Yakuza Nhật Bản và những nhóm tội phạm có tổ chức thuộc khu vực Ban Cảng (Balkan Organized Crime groups) với số tiền kiếm được của chúng ước tính dè dặt nhất khoảng tương đương 5% GDP toàn cầu¹.

Ngoài các hoạt động có tính chất kinh tế, các tổ chức tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia đã xâm lấn sang cả lĩnh vực chính trị. Chúng đã từng gây ảnh hưởng tới cả Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc trong một số trường hợp có sự can dự của chúng vào Cônggô,

1. Xem Giovanni Mastrobuoni, Eleonora Patacchini: “Organized Crime Networks: an Application of Network Analysis Techniques to the American Mafia” in *Review of Network Economics*, Volume11, Issue 3, 2012, Article 10, p.1.

Ápganixtan, Tây Phi, Trung Mỹ và Xômalia để tiến hành các hoạt động buôn bán vũ khí, ma túy, người và tài nguyên thiên nhiên¹. Nhà nước Hồi giáo tự xưng đơn phương phát động chiến tranh xâm chiếm lãnh thổ của những nước khác, đồng thời bắt cóc, tống tiền, tuyển mộ lính đánh thuê, buôn bán vũ khí, ma túy... để lấy tiền chi phí cho khủng bố và xâm lược là một minh chứng gần đây.

Các tổ chức tội phạm có tổ chức luôn lợi dụng những điểm yếu của các nước đang phát triển để khu trú và hoạt động. Việt Nam chúng ta không là một ngoại lệ. Theo một thống kê được đăng tải trên Báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh, đến nay, đã có hàng vạn phụ nữ và trẻ em được đưa vào danh sách chính thức bị bán ra nước ngoài, và hoạt động của loại tội phạm này “có chiều hướng gia tăng, có tổ chức chặt chẽ và xuyên quốc gia”².

Trong bối cảnh mở rộng giao lưu quốc tế, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ

1. Xem UNODC (United Nations Office on Drugs and Crime): *The Globalization of Crime - A Transnational Organized Crime Threat Assessment*, Vienna, 2010, p.ii.

2. Phan Thị Việt Thu: “Thực trạng và giải pháp phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ và trẻ em” Kỷ yếu Hội thảo “Thực trạng và giải pháp phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ và trẻ em”, *Thông tin pháp luật dân sự*.

nghĩa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tinh hình tội phạm như vậy, *Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2030* được phê duyệt bởi Quyết định số 623/QĐ-TTg ngày 14/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo: “Công tác phòng, chống tội phạm phải gắn với các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và đối ngoại, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế” (điểm a khoản 1 Điều 1). Trong mục tiêu cụ thể đến năm 2020 liên quan trực tiếp tới tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, Chiến lược nhấn mạnh đến việc nâng cao hiệu quả của công tác phòng ngừa và đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, tội phạm tham nhũng¹... Để thực hiện được quan điểm chỉ đạo và mục tiêu cụ thể nói trên, Chiến lược đặt ra nhiệm vụ và giải pháp trực tiếp liên quan tới tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia bao gồm tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, tập trung nghiên cứu dự báo và tội phạm hóa kịp thời các hành vi nguy hiểm

1. Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2030 được phê duyệt bởi Quyết định số 623/QĐ-TTg ngày 14/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ (điểm b khoản 2 Điều 1).

cho xã hội mới xuất hiện, thực hiện tốt các điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đồng thời giao cho Bộ Công an chủ trì Đề án phòng, chống các loại tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia¹.

Tóm lại, bốn mối đe dọa thuộc loại an ninh phi truyền thống trên đã và đang tác động mạnh mẽ đến an ninh của các nhà nước nói chung và an ninh con người nói riêng.

II- AN NINH CON NGƯỜI TRÊN MỘT SỐ LĨNH VỰC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Đại hội XII của Đảng, sau khi nhận định: “quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội còn nhiều hạn chế, khuyết điểm. Sự phát triển các lĩnh vực, các vùng, miền thiếu đồng bộ. Việc giải quyết một số vấn đề xã hội chưa hiệu quả; mục tiêu xây dựng quan hệ hài hòa giữa các lĩnh vực, ngành nghề, vùng, miền chưa đạt yêu cầu; giảm nghèo chưa bền vững, chênh lệch giàu - nghèo và

1. Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2030 được phê duyệt bởi Quyết định số 623/QĐ-TTg ngày 14/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ (điểm b, điểm d khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều 1).

bất bình đẳng có xu hướng gia tăng. Chưa nhận thức đầy đủ vai trò của phát triển xã hội hài hòa, chưa có chính sách, giải pháp kịp thời, hiệu quả đối với vấn đề biến đổi cơ cấu, phân hóa giàu - nghèo, phân tầng xã hội, kiểm soát rủi ro, giải quyết mâu thuẫn xã hội, bảo đảm an toàn xã hội, an ninh cho con người¹, đã nhấn mạnh phải “đầu tư nâng cao chất lượng dân số, chỉ số phát triển con người”², đồng thời đưa ra các giải pháp đồng bộ nhằm bảo đảm an ninh con người một cách vững chắc.

Những mối đe dọa an ninh con người ở tầm quốc gia có thể được khái quát theo các nội dung chủ yếu sau:

* *Vấn đề việc làm và thất nghiệp*: Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, tính đến tháng 9/2016, dân số Việt Nam là 92,7 triệu người, tăng 987,8 nghìn người, tương đương tăng 1,08% so với năm 2015. Theo đó, dân số thành thị là 32,06 triệu người (34,6%); nông thôn 60,64 triệu người (65,4%); nam giới 45,75 triệu người (49,4%); nữ giới 46,95 triệu người (50,6%), có 54,44 triệu người từ 15 tuổi trở lên.

Tổng số người trong độ tuổi lao động khoảng 47,88 triệu người, giảm 233,2 nghìn người so với cùng

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.133-134, 138.

thời điểm năm 2015. Tỷ lệ thất nghiệp gia tăng theo từng quý: quý I năm 2016 là 2,25%; quý II là 2,29%; đến quý III là 2,34%. Tính chung cả 9 tháng năm 2016, tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi là 2,29%, trong đó khu vực thành thị là 3,23%; nông thôn là 1,82%. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (từ 15 đến 24 tuổi) là 7,04%, trong đó khu vực thành thị là 11,65%; và nông thôn là 5,27%. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi trong 9 tháng năm 2016 là 1,66%, trong đó khu vực thành thị là 0,7%; khu vực nông thôn là 2,11%.

Cũng theo Tổng cục Thống kê, tỷ lệ lao động có việc làm không chính thức ngoài các hộ nông, lâm nghiệp, thủy sản (lao động gia đình không được hưởng công, hưởng lương; người chủ hoặc xã viên hợp tác xã của cơ sở chưa có đăng ký kinh doanh và người làm công ăn lương không được ký hợp đồng lao động hoặc được ký hợp đồng có thời hạn nhưng không được cơ sở tuyển dụng đóng bảo hiểm xã hội theo hình thức bắt buộc) quý II là 56,1%; quý III là 55,8%. Tính chung 9 tháng năm 2016 cả nước có 55,9% lao động có việc làm phi chính thức, trong đó khu vực thành thị là 47,1%; khu vực nông thôn là 63,9%.

* *Vấn đề thu nhập và phân hóa giàu, nghèo:* Tính đến tháng 6/2016, thu nhập bình quân đầu

người Việt Nam khoảng 2.200 USD/năm (50 triệu đồng), con số này cao hơn thu nhập bình quân đầu người năm 2015 là 2.109 USD (45,7 triệu đồng). Tuy nhiên, tình trạng phân hóa giàu - nghèo cũng gia tăng. Theo tiêu chuẩn của Ngân hàng Thế giới, thu nhập trong dân cư Việt Nam từ mức bất bình đẳng vừa trong giai đoạn 2008 - 2012, đã tăng dần, kéo theo hậu quả là giàu, nghèo đã phân hóa thành hai nhóm. Nhóm đầu khoảng 20% dân số, chiếm 54,4% GDP; trong khi nhóm thứ hai với 60% dân số, chiếm 40,9% thu nhập quốc dân, còn lại nhóm thứ ba là các hộ nghèo, tức 20% dân số còn lại, chỉ chiếm 4,7% GDP.

Theo báo cáo của Oxfam công bố ngày 12/01/2017, tình trạng bất bình đẳng kinh tế ở Việt Nam đang tăng với mọi thước đo. Số liệu của Ngân hàng Thế giới cho thấy, bất bình đẳng thu nhập ở Việt Nam tăng trong hai thập kỷ qua, và đáng chú ý hơn là số người giàu đang chiếm phần thu nhập quá lớn. Khoảng cách giữa nhóm 20% giàu nhất và các nhóm khác đang mở rộng từ năm 2004, và số người siêu giàu cũng tăng nhanh. Đến năm 2014, 210 người siêu giàu (có trên 30 triệu USD) ở Việt Nam có tổng tài sản khoảng 20 tỷ USD, tương đương 12% GDP cả nước. Knight Frank ước tính số người siêu giàu sẽ tăng đáng kể ở Việt Nam, lên đến 403 người vào năm 2025.

Theo tính toán của Oxfam thì mức độ thay đổi khoảng cách về thu nhập giữa nhóm giàu nhất và nhóm nghèo nhất ở Việt Nam là khá lớn. Người giàu nhất Việt Nam có thu nhập trong một ngày cao hơn thu nhập của người Việt Nam nghèo nhất trong 10 năm. Cùng với khối tài sản lớn là tiềm năng nguồn thu nhập từ tiết kiệm và tài sản cũng lớn. Trong một giờ, người giàu nhất Việt Nam có thu nhập từ nguồn tài sản cao hơn gần 5.000 lần thu nhập của nhóm 10% nghèo nhất Việt Nam.

Oxfam còn nhấn mạnh là bất bình đẳng kinh tế đi kèm với bất bình đẳng về tiếng nói và cơ hội, khiến nhóm nghèo nhất bị gạt ra bên lề, trong khi lợi ích tập trung vào nhóm giàu. Việc không được tiếp cận với các dịch vụ công như y tế và giáo dục do thu nhập thấp và bị phân biệt đối xử đang kìm hãm sự tiến bộ của nhóm hộ nghèo. Người nghèo có xu hướng sử dụng các dịch vụ y tế ít hơn người khá giả, trong khi các nhóm thu nhập cao hơn có thể sử dụng nhiều loại dịch vụ nội, ngoại trú và cũng có nhiều cơ hội khám và điều trị hơn. Các nhóm thu nhập thấp hơn thường hay sử dụng các dịch vụ y tế công, chủ yếu là trung tâm y tế xã/phường có chất lượng thấp hơn.

Nghiên cứu của Oxfam cũng tập trung rà soát bốn trụ cột của khung chính sách về bình đẳng, bao gồm hệ thống thuế, xã hội hóa các dịch vụ công, chi

tiêu công cho y tế, giáo dục và chính sách cho người lao động. Các chính sách hiện hành của Việt Nam theo bốn lĩnh vực này cho thấy cả điểm mạnh và những điểm yếu cần cải thiện. Theo bà Babeth Ngọc Hân Lefur, Giám đốc Quốc gia Tổ chức Oxfam tại Việt Nam, nghèo đói và bất bình đẳng không phải là vấn đề tất yếu của phát triển. Mô hình kinh tế của Việt Nam thời kỳ sau đổi mới đã rất thành công trong việc tạo ra mức tăng trưởng cao, trong khi vẫn giúp phần lớn người dân Việt Nam thoát nghèo và có cuộc sống khá giả hơn. Tuy nhiên, khung chính sách hiện hành chưa đủ để giải quyết các dạng bất bình đẳng đang ngày càng phổ biến trong xã hội Việt Nam, như bất bình đẳng theo vùng, giữa các giới, nhóm dân tộc, và nhất là các dạng chênh lệch về tiếng nói và cơ hội.

Bà Babeth Ngọc Hân Lefur cho biết: “Để ngăn chặn nghèo và giảm nghèo mạnh hơn nữa, Chính phủ cần nhìn nhận tất cả các dạng bất bình đẳng về kinh tế và cơ hội đang gia tăng tại Việt Nam và có các biện pháp chính sách để giảm bất bình đẳng. Nếu không, những người nghèo nhất, và những người thiệt thòi, sẽ không được hưởng lợi từ thành quả phát triển kinh tế”. Hành động giảm bất bình đẳng hiện nay là chưa đủ, thách thức giải quyết tình trạng bất bình đẳng là rất bức thiết và Việt Nam không có lựa chọn nào khác là phải đổi mới với nó. Sau khi công bố báo cáo,

cùng ngày Oxfam cũng phát động chiến dịch chống bất bình đẳng tại Việt Nam với tên gọi: “Thu hẹp khoảng cách giai đoạn 2016-2019”.

Điều rất đáng quan tâm đó là nguy cơ phân hóa giàu - nghèo do tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư gây ra. Theo giới phân tích, một vấn đề kinh tế quan trọng, đồng thời cũng là vấn đề xã hội lớn nhất liên quan tới cách mạng công nghiệp lần thứ tư đó là sự bất bình đẳng. Những người được hưởng lợi nhiều nhất từ sự sáng tạo sẽ là những nhà cung cấp vốn tri thức và vốn tài chính (sáng chế, cổ đông, đầu tư). Khiến cho khoảng cách về sự giàu có giữa những người phụ thuộc vào vốn và những người phụ thuộc vào sức lao động ngày càng doãng ra. Theo giới chuyên gia, bất cứ một xã hội đang phát triển nào thì sự phân cực giàu - nghèo rõ rệt là khó tránh khỏi. Người giàu thì giàu lên còn người nghèo lại nghèo đi, tính theo giá trị tuyệt đối thì cả hai nhóm đều tăng, nhưng không đều nhau, nên nhóm người nghèo và trung lưu bị giảm đi tính theo giá trị tương đối, cũng là những vấn đề an ninh con người cần được quan tâm giải quyết.

* *Vấn đề sức khỏe người dân:* Theo số liệu thống kê, người Việt Nam hiện có chiều cao trung bình thấp nhất khu vực châu Á (bình quân 164 cm); tỷ lệ số người mắc bệnh tiểu đường tăng rất nhanh, thuộc

hàng đầu thế giới; khoảng 20% dân số mắc bệnh tim mạch và cao huyết áp; có tới 14% nam giới và 12% nữ giới đang ở tình trạng thừa cân hoặc béo phì; có khoảng 2,2 triệu trẻ em Việt Nam ở độ tuổi dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi; trên 90% dân số bị các bệnh liên quan đến răng miệng; 80% dân số nhiễm giun, sán.

Theo công bố của Liên hợp quốc, Ngân hàng Thế giới, Tổ chức Y tế thế giới ngày 03/11/2015, sức khỏe người Việt Nam đứng thứ 62 thế giới. Bảng xếp hạng được tính theo cách lấy chỉ số sức khỏe trừ đi chỉ số nguy cơ sức khỏe. Chỉ số sức khỏe bao gồm tuổi thọ, nguyên nhân tử vong; chỉ số nguy cơ sức khỏe căn cứ vào các tác nhân gây hại, như tỷ lệ người trẻ hút thuốc, số người bị cholesterol cao và lượng kháng thể.

Xingapo đứng đầu bảng do đạt điểm trung bình 89,45%; xếp thứ 2 là Italia với 89,07% và thứ 3 là Ôxtrâylia với 88,33%. Việt Nam xếp thứ 62 với điểm số là 51,99%. Diễn đàn Kinh tế thế giới cho rằng, dữ liệu trên sẽ là hướng dẫn hữu ích cho các nhà quản lý trong việc đưa ra chính sách phát triển phù hợp nhằm nâng cao sức khỏe quốc gia. Một số chuyên gia cho rằng khái niệm “khỏe mạnh” nên bao gồm cả chất lượng sống chứ không chỉ dừng lại ở tuổi thọ. Những thông số trên cho thấy sức khỏe là một trong những

chỉ số về an ninh con người mà Việt Nam cần sớm quan tâm.

* *Vấn đề môi trường:* Tại Việt Nam, theo khảo sát tại hai thành phố lớn là Hà Nội (tháng 3/2016) và Thành phố Hồ Chí Minh (tháng 10/2015) có mức ô nhiễm cao. Theo đó, chỉ số AQI (dùng để đánh giá chất lượng không khí và khả năng tác động sức khỏe) đo được trong hai ngày (ngày 01 và ngày 02/3/2016) tại Láng Hạ và Trường Quốc tế Liên hợp quốc Hà Nội (Tây Hồ) dao động từ 114 - 388. Riêng nồng độ bụi PM2,5 tại Hà Nội có thời điểm cao gấp hơn ba lần mức khuyến cáo theo Quy chuẩn quốc gia về chất lượng không khí và gấp bảy lần so với khuyến cáo của WHO. Tại Thành phố Hồ Chí Minh, theo kết quả đo được tại 6 trạm quan trắc ở 6 điểm tiêu biểu của thành phố cho thấy: 89% mẫu không khí được kiểm tra không đạt chuẩn. Đặc biệt, trong năm 2015, chỉ số khí độc hại CO₂, tiếng ồn và bụi... trong không khí ở mức báo động khi đã vượt số liệu giai đoạn 2010-2014.

Ông Kenneth M. Atkinson, Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp Anh tại Việt Nam cho biết, nhiều doanh nghiệp của Hiệp hội tỏ ra lo lắng về vấn đề ô nhiễm môi trường, như: không khí, tiếng ồn đang xảy ra ngày càng nghiêm trọng tại Việt Nam. “Mức độ ô nhiễm không khí tăng cao một cách rõ rệt khiến những người muốn chuyển gia đình đến sinh sống tại

Việt Nam lo ngại, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam. Chúng tôi cho rằng, nguyên nhân chính dẫn đến sự xuống cấp của môi trường ở Việt Nam là do sự yếu kém trong khâu quản lý và thực thi luật pháp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, nhất là ở các khu công nghiệp”. “Như vậy, có thể thấy, vấn đề môi trường không chỉ ảnh hưởng nghiêm trọng đến mục tiêu phát triển kinh tế bền vững, mà còn ảnh hưởng đến cả việc thu hút nguồn vốn FDI. Bởi đây là những vấn đề doanh nghiệp có trách nhiệm với xã hội như chúng tôi quan tâm khi đầu tư”.

Ông Tomaso Andreatta, Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp châu Âu (Euro Cham) cũng cho biết, phần lớn các doanh nghiệp châu Âu đang đầu tư tại Việt Nam kinh doanh với đường hướng phát triển lâu dài và bền vững. Chính vì vậy, chúng tôi cần Việt Nam, trong đó có các doanh nghiệp Việt Nam cùng nhau thực hiện tốt các quy định về môi trường, hiểu biết và đầu tư nhiều hơn cho hoạt động bảo vệ môi trường. Đại diện của Hiệp hội Thương mại Mỹ, bà Virginia B.Foobe, cũng mong muốn Chính phủ Việt Nam sớm ban hành các chính sách, quy định để thực hiện mạnh mẽ “kế hoạch sử dụng năng lượng của Việt Nam”, chú trọng nhiều hơn vào tiềm năng của Việt Nam đối với hiệu quả sử dụng năng lượng tái tạo và khí đốt ngoài

khơi. Những vấn đề đã và đang đặt ra nêu trên, đều là những vấn đề an ninh con người đang tiềm ẩn cần sớm được quan tâm giải quyết.

III- MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN GÓP PHẦN BẢO ĐẢM AN NINH CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta không chỉ nêu ra quan điểm, phương hướng đúng đắn mà còn thường xuyên đưa ra những giải pháp kịp thời, đồng bộ, hiệu quả nhằm tăng cường bảo đảm an ninh con người với mức ưu tiên cao nhất, phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa của đất nước.

Việc bảo đảm an ninh con người ở nước ta trong giai đoạn vừa qua đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, song cũng còn có những hạn chế nhất định. Toàn cầu hóa vừa đem lại những cơ hội mới, vừa tạo ra nhiều thách thức, đe dọa nghiêm trọng đến bảo đảm an ninh con người ở nước ta. Do đó, để bảo đảm an ninh con người một cách bền vững, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, trong thời gian tới, cần hướng đến một số giải pháp cơ bản sau:

Một là, tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”,

“tự chuyển hóa” trong nội bộ bảo đảm an ninh chính trị cho con người Việt Nam.

Trong chặng đường lịch sử 90 năm lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam không có mục đích nào khác là vì độc lập và tự do của dân tộc, vì hạnh phúc của nhân dân.

Đảng ta luôn coi con người là vốn quý nhất, xác định phát triển con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng, là nhân tố quyết định sự thành - bại của sự nghiệp cách mạng. Giải phóng con người và chăm lo phát triển toàn diện con người Việt Nam là mục tiêu xuyên suốt, nhất quán của Đảng ta. Trong thời kỳ đổi mới, vị trí, vai trò, mục tiêu, nội dung và phương thức giải quyết các vấn đề về xây dựng, phát triển con người, bảo đảm an ninh con người ngày càng được nhận thức đầy đủ, toàn diện và sâu sắc hơn.

Chính vì vậy, tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao sức chiến đấu, năng lực lãnh đạo của Đảng, làm cho bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh toàn diện thực sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Theo đó, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước cũng không ngoài mục đích nào khác là bảo đảm an ninh con người. Đảng ta vì dân, dân ta tin ở Đảng, ra sức góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

và bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước, bảo vệ chế độ. Đó là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới nói chung và bảo đảm an ninh con người Việt Nam nói riêng.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, “tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; sự tồn tại và những diễn biến phức tạp của tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí”¹ đang làm ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín, sức chiến đấu của Đảng và suy giảm hiệu quả bảo đảm an ninh con người ở nước ta. Bởi lẽ, trong khi cuộc sống của nhân dân còn khó khăn, an ninh con người bị đe dọa thì vẫn còn tồn tại một bộ phận cán bộ, đảng viên chỉ lo thu vén cá nhân, sống xã hoa, lãng phí; thờ ơ, lãnh cảm trước những khó khăn, đau khổ của nhân dân. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng đó như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định là do sa vào chủ nghĩa cá nhân, thiếu tu dưỡng, rèn luyện, giảm sút ý chí chiến đấu quên trách nhiệm, bốn phận trước Đảng, trước dân; ngai

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.19.

khó, ngại khổ, ngại va chạm; bất chấp đạo lý, dư luận; kỷ luật, kỷ cương... Điều này đã và đang không chỉ gây ra nhiều bức xúc trong xã hội, nhân dân mà còn tạo ra những điều kiện thuận lợi để các thế lực thù địch lợi dụng chống phá cách mạng Việt Nam. Và sự thật là các lực lượng thù địch đã lợi dụng để xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, thổi phồng sai lầm, khuyết điểm của Đảng, đòi thực hiện nhân quyền và dân chủ kiểu tư sản, đòi phi chính trị hóa bộ máy nhà nước, đòi đa nguyên, đa đảng nhằm tước bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng.

Vì vậy, giải pháp hàng đầu để bảo đảm an ninh con người Việt Nam hiện nay phải là đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một số cán bộ, đảng viên, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong Đảng. Cùng với đó phải đổi mới, nâng cao hiệu quả giáo dục chính trị tư tưởng, đã đến lúc, Đảng phải có các quy định nghiêm khắc với những đảng viên phai nhạt lý tưởng, suy giảm niềm tin, nói, viết trái với nền tảng tư tưởng và đường lối của Đảng. Trên cơ sở đó, xử lý kỷ luật nghiêm minh, kiên quyết khai trừ những đối tượng thoái hóa, biến chất về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ra khỏi Đảng.

Trong thời gian tới, tình hình thế giới và khu vực sẽ tiếp tục có những diễn biến nhanh chóng, phức

tập, khó lường, tạo ra cả thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen; đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới to lớn đối với sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước và bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; các thế lực thù địch vẫn tìm mọi cách để phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Tình hình đó đòi hỏi Đảng ta, hơn bao giờ hết, phải thật sự vững vàng, giữ vững bản chất cách mạng và khoa học, gắn bó máu thịt với nhân dân, được nhân dân tin cậy, yêu mến.

Như vậy, tiếp tục làm tốt công tác xây dựng Đảng về đạo đức, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, xử lý nghiêm minh những cán bộ, đảng viên sai phạm; làm trong sạch bộ máy Đảng và Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội tạo ra điều kiện chính trị tốt nhất để bảo đảm an ninh con người. Đảng ta chỉ rõ: “Kiên quyết phòng, chống tham nhũng, lãng phí với yêu cầu chủ động phòng ngừa, không để xảy ra tham nhũng, lãng phí; xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, lãng phí, bao che, dung túng, tiếp tay cho các hành vi tham nhũng, lãng phí, can thiệp, ngăn cản việc chống tham nhũng, lãng phí”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.211.

Hai là, phát triển bền vững về kinh tế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô bảo đảm tốt nhất cho cuộc sống của người dân Việt Nam.

Hiện nay, để bảo đảm an ninh con người bền vững thì cần phải xây dựng và phát triển một nền kinh tế ổn định, chất lượng, năng suất, hiệu quả. Đồng thời, tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hòa với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Đại hội XII của Đảng đã đề ra nhiệm vụ phát triển kinh tế nhanh và bền vững; giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa¹. Thực hiện có hiệu quả ba đột phá chiến lược (hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ); đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.77.

xây dựng nông thôn mới. Chú trọng giải quyết tốt vấn đề cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, cơ cấu lại ngân sách nhà nước, xử lý nợ xấu và bảo đảm an toàn nợ công.

Trên cơ sở đó, giải quyết hài hòa giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân¹. Để bảo đảm việc làm cho người lao động cần “Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển đồng bộ, liên thông *thị trường lao động* cả về quy mô, chất lượng lao động và cơ cấu ngành nghề”². Đồng thời, Đảng và Nhà nước chủ động đề ra nhiệm vụ “Tạo cơ hội để mọi người có việc làm và cải thiện thu nhập”³. Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, điều chỉnh chính sách dạy nghề, chính sách xuất khẩu lao động, hoàn thiện và thực hiện chính sách bảo hộ lao động⁴. Có thể nói, đây là những giải pháp quan trọng thể hiện một tinh thần duy vật triệt để khi Đảng và Nhà nước ta xác định: để bảo đảm an ninh con người phải lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm. Và an ninh con người

1, 4. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.87, 136-137.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.110, 136.

trên lĩnh vực kinh tế được gắn chặt với việc làm và thu nhập của chính con người.

Mặc dù khẳng định phát triển kinh tế là trọng tâm nhưng trong những tình huống cụ thể Đảng và Nhà nước ta luôn nhấn mạnh sẽ “kiên định quan điểm sẵn sàng hy sinh một số lợi ích kinh tế để bảo vệ tốt nhất an toàn sức khỏe cho nhân dân”, “kinh tế có thể phục hồi nhưng tính mạng con người thì không có gì bù đắp được”. Điều đó thể hiện một tinh thần biện chứng sâu sắc “Dĩ bất biến ứng vạn biến” của Đảng và Nhà nước ta trong lãnh đạo phát triển kinh tế và bảo đảm an ninh con người.

Ba là, bảo đảm an ninh lương thực, làm tốt công tác xóa đói, giảm nghèo, an sinh xã hội, tạo nhiều việc làm cho con người Việt Nam.

Đây được xác định là một trong những giải pháp quan trọng đối với việc bảo đảm an ninh con người ở nước ta. Để bảo đảm lương thực cho con người Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm công tác xóa đói, giảm nghèo. Đảng ta đề ra mục tiêu “tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân khoảng 1,0 - 1,5%/năm”¹. Theo đó, Văn kiện Đại hội XII cũng chỉ rõ: “Việt Nam đã hoàn thành hầu hết về cơ bản các mục tiêu

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.81.

Thiên niên kỷ. Đặc biệt là đã thực hiện tốt chỉ tiêu giảm nghèo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thực hiện nhiều chính sách để ổn định, từng bước nâng cao đời sống nhân dân”¹. Đồng thời, để bảo đảm lương thực, Đảng ta chủ trương: “Thực hiện chuẩn nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều, bảo đảm mức tối thiểu về thu nhập”²; “Bảo đảm tiền lương, thu nhập công bằng, đủ điều kiện sống và tái sản xuất sức lao động”³.

Theo đó, Nhà nước cần quan tâm phát triển và thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp,... Chuyển từ hỗ trợ nhân đạo sang bảo đảm quyền an sinh xã hội của công dân. Đổi mới chính sách giảm nghèo theo hướng tập trung, hiệu quả và tiếp cận phương pháp đo lường nghèo đa chiều nhằm bảo đảm an sinh xã hội cơ bản và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

Mặc khác, Nhà nước và các địa phương cần “khuyến khích đầu tư xã hội tạo ra nhiều việc làm, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp”. Đồng thời, cần sớm xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách về tiền lương, tiền công, khắc phục cơ bản những bất hợp lý.

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.133, 300, 136.

Điều chỉnh chính sách dạy nghề, gắn đào tạo với sử dụng. Điều chỉnh chính sách xuất khẩu lao động hợp lý¹.

Việc thực hiện tốt giải pháp này sẽ góp phần quan trọng để ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ đe dọa an ninh con người Việt Nam về đói nghèo, khổ sở, thiếu hụt các điều kiện vật chất.

Bốn là, đổi mới đồng bộ, phù hợp về kinh tế và chính trị vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Đảng ta đã khẳng định, kiên trì và quyết liệt thực hiện đổi mới. Đổi mới chính trị phải đồng bộ với đổi mới kinh tế theo lộ trình thích hợp, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mở rộng dân chủ trong Đảng và trong xã hội gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương để thúc đẩy đổi mới toàn diện và phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Lấy việc thực hiện mục tiêu này làm tiêu chuẩn cao

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.136-137.

nhất để đánh giá hiệu quả của quá trình đổi mới và phát triển.

Trên cơ sở kế thừa nhận thức của các đại hội trước, Đại hội XII của Đảng đã có những bổ sung đáng kể thể hiện bước tiến trong nhận thức lý luận của Đảng về mô hình kinh tế Việt Nam, đó là: Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Việc xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa cần phải được tiến hành đồng bộ với đổi mới hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; gắn với đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội vì nhân dân và phục vụ lợi ích quốc gia, dân tộc. Đầu mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Bảo vệ pháp luật vừa là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, vừa là công cụ để nhân dân làm chủ, kiểm tra, giám sát quyền lực nhà nước. Quản lý đất nước theo pháp

luật, đồng thời coi trọng xây dựng nền tảng đạo đức xã hội.

Năm là, bảo đảm quyền con người; coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Đảng và Nhà nước ta xác định, an ninh con người, trước hết phải được bảo đảm bằng quyền con người đã được thể hiện cụ thể ở Hiến pháp và pháp luật. “Hiến pháp năm 2013 quy định rõ: Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân”¹. Đồng thời, Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo để hệ thống luật pháp và chính sách được bổ sung nhằm điều tiết các quan hệ xã hội. Trên cơ sở đó bảo đảm quyền con người.

Phải bảo đảm quyền con người, quyền công dân, các “giá trị cốt lõi” và các điều kiện để mọi người được phát triển toàn diện. Phát huy mạnh mẽ mọi khả năng sáng tạo và bảo đảm đồng thuận cao trong xã hội, tạo động lực phát triển đất nước. Phát huy lợi thế dân số và con người Việt Nam, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trọng dụng nhân tài, chăm lo lợi ích chính đáng và không ngừng nâng cao đời sống vật

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.168.

chất, tinh thần của mọi người dân, thực hiện công bằng xã hội. Tập trung xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; bảo đảm người dân được sống trong môi trường hòa bình, ổn định, bảo đảm an sinh xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững.

Vấn đề xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện được đặt lên hàng đầu trong các nhiệm vụ về văn hóa. Chính con người vừa là chủ thể sáng tạo ra văn hóa, vừa là sản phẩm của văn hóa. Con người là nhân tố quyết định không chỉ trong lĩnh vực văn hóa mà còn trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đảng ta khẳng định xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện phải trở thành một mục tiêu của chiến lược phát triển.

Như vậy, con người, trước hết là nhân dân lao động phải được đặt vào trung tâm của quá trình phát triển kinh tế - xã hội, mọi chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đều phải xuất phát từ con người và vì con người, không đánh đổi lợi ích kinh tế bằng mọi giá, bất chấp pháp luật và đạo lý xã hội. Đồng thời, cần phải khai thác, phát huy các nguồn lực văn hóa của dân tộc để làm động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội; đúc kết và xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người

Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Với quan điểm coi nguồn lực con người là vốn quý và quan trọng nhất, Đảng ta xác định phải thu hút và phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân; chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội và giảm nghèo bền vững; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; đồng thời, phải phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tập trung xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

Sáu là, bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia; ứng phó hiệu quả với các mối đe dọa từ an ninh truyền thống và phi truyền thống, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; chủ động đối phó với các nguy cơ làm mất ổn định chính trị như khủng bố,

các nguy cơ xung đột về nguồn nước, an ninh lương thực... Phải đặc biệt coi trọng giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ để bảo đảm cho đất nước phát triển nhanh và bền vững.

Tiếp tục mở rộng và đưa vào chiều sâu các quan hệ đối ngoại; tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, thực hiện hiệu quả hội nhập quốc tế trong điều kiện mới, tiếp tục nâng cao vị thế và uy tín của đất nước trên trường quốc tế, góp phần ứng phó với các nguy cơ mất an ninh con người trong bối cảnh Việt Nam hội nhập sâu rộng vào khu vực và quốc tế hiện nay.

Giải pháp trên có tầm quan trọng đặc biệt đối với việc bảo đảm an ninh con người Việt Nam. Bởi bài học xương máu trong lịch dân tộc và nhiều bài học của các quốc gia trên thế giới đã làm sáng tỏ một chân lý rằng: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”.

Trần Quốc Tuấn trong *Hịch tướng sĩ* từng nói về xã tắc nếu bị xâm lăng: “Chẳng những thái ấp của ta không còn, mà bỗng lộc các ngươi cũng mất; chẳng những gia quyến của ta bị tan, mà vợ con các ngươi cũng khốn; chẳng những xã tắc tổ tông của ta bị giày xéo, mà phần mộ cha mẹ các ngươi cũng bị quật lên; chẳng những thân ta kiếp này chịu nhục, rồi đến trăm năm sau, tiếng dơ khôn rửa, tốt xấu còn lưu mà

gia thanh các ngươi cũng không khỏi mang tiếng là viên tướng bại trận”.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, độc lập, tự do là quyền dân tộc, quyền con người, là xuất phát điểm đối với mọi dân tộc trên con đường đi tới phồn vinh và hạnh phúc. Dân tộc không thể phát triển, đất nước không thể phồn vinh, nhân dân không thể có cơm no, áo ấm và cuộc sống hạnh phúc nếu không có được độc lập, tự do.

Tuy nhiên, diễn tiến của cách mạng nước ta và thế giới đã minh chứng rằng “giành được độc lập đã khó nhưng giữ độc lập còn khó hơn”. Để tránh đổ máu nhiều lần của cách mạng và nhân dân cần kiên quyết bảo vệ độc lập dân tộc, an ninh Tổ quốc và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn:

“Các vua Hùng đã có công dựng nước,

Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”¹.

Bảy là, bảo đảm an ninh sức khỏe cho người dân một cách chủ động và tích cực.

Sức khỏe là một trong những thành tố quan trọng và trực tiếp nhất của an ninh con người. Bởi lẽ, một người bị ốm đau, bị bệnh sẽ luôn có cảm giác thiếu an toàn. Nhận thức được điều đó, mặc dù đất nước còn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.9, tr.59.

nghèo nhưng Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đầu tư chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Đại hội XII của Đảng đã đề ra nhiệm vụ huy động các nguồn lực tiếp tục xây dựng hệ thống bệnh viện, trạm y tế, phòng khám bệnh, coi trọng việc chăm sóc sức khỏe ban đầu. Phát triển y tế dự phòng và dịch vụ y tế hiện đại. Bảo đảm công bằng trong tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân giữa các địa bàn, các nhóm đối tượng. Tiếp tục thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế cho toàn dân, chính sách chăm sóc, bảo vệ sức khỏe, bà mẹ, trẻ em¹. “Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng ở tất cả các tuyến. Quan tâm chăm sóc sức khỏe ban đầu, phát triển hệ thống y tế dự phòng, chủ động phòng bệnh, không để xảy ra dịch bệnh lớn... Hoàn thiện mạng lưới cơ sở y tế”². Phấn đấu đến năm 2020, tuổi thọ trung bình của người Việt Nam đạt 74 -75 tuổi. Đây là những giải pháp mà Đại hội XII của Đảng đề ra nhằm bảo đảm an ninh sức khỏe cho con người Việt Nam.

Đảng ta cũng nhấn mạnh, phải huy động các nguồn lực, tiếp tục xây dựng, phát triển hệ thống

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.138-139.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.301-302.

bệnh viện, trạm y tế, phòng khám bệnh. Phát triển hệ thống y tế dự phòng và các dịch vụ y tế hiện đại. Phát triển y học dân tộc; có chính sách khuyến khích thích đáng sản xuất và chữa bệnh bằng thuốc nam. Đồng thời tiếp tục bảo đảm công bằng, giảm chênh lệch mới trong tiếp cận chính sách chăm sóc sức khỏe nhân dân giữa các địa bàn, các nhóm đối tượng. Ngân sách nhà nước dành cho y tế phải được điều chỉnh theo hướng đầu tư tập trung cho các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng ven biển và hải đảo nhằm tăng cường kết cấu hạ tầng, trang thiết bị y tế, nhân lực, bảo đảm cơ hội tiếp cận bình đẳng về chăm sóc sức khỏe cho người dân.

Tiếp tục thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế cho toàn dân và từng bước đổi mới, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế. Nhà nước cần có chính sách hợp lý trong đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển và đai ngộ thỏa đáng đối với đội ngũ cán bộ y tế. Tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển con người, chính sách chăm sóc, bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em. Phát triển thể dục, thể thao toàn dân để góp phần nâng cao sức khỏe cho nhân dân, đồng thời làm cơ sở để phát triển thể thao thành tích cao... Đó là những giải pháp chiến lược rất thiết thực để bảo đảm an ninh con người của Việt Nam trong thời kỳ mới.

Tâm là, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc như một phương thức bảo đảm an ninh cá nhân con người hiệu quả.

Bài học trong lịch sử thế giới đã chứng minh, khi có xung đột sắc tộc, tôn giáo thì an ninh con người sẽ bị đe dọa nghiêm trọng. Những gì đã và đang diễn ra ở Irắc, Libi, Xyri... là những minh chứng điển hình cho điều đó.

Để bảo đảm an ninh con người, Đảng ta xác định cần thực hiện “Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”¹. Với tinh thần tôn trọng sự khác biệt không trái với lợi ích chung của quốc gia - dân tộc, đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung để tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam.

Đại đoàn kết trên cơ sở giải quyết hài hòa lợi ích giữa các thành viên trong xã hội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; “bảo đảm mỗi người dân đều được thụ hưởng những thành quả của công cuộc đổi mới”². Tạo đồng thuận xã hội vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Trên cơ sở đồng thuận xã hội như vậy thì

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.158, 159.

an ninh con người sẽ có nhiều cơ hội được bảo đảm tốt hơn, thiết thực hơn.

Đoàn kết các dân tộc gắn kết thương yêu, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ thì an ninh con người cũng được bảo đảm, con người không lo lắng về sự đe dọa từ các nhóm sắc tộc khác. Để thực hiện đoàn kết các dân tộc, Đảng ta chủ trương: “Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách, bảo đảm các dân tộc bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giải quyết hài hòa quan hệ giữa các dân tộc, giúp nhau cùng phát triển, tạo chuyển biến rõ rệt trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng có đồng đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Tây duyên hải miền Trung”¹. Chống kỳ thị dân tộc, nghiêm trị những âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

Cùng với thực hiện đại đoàn kết các dân tộc, Đảng ta cũng chủ trương thực hiện đoàn kết tôn giáo với nhiệm vụ: “Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo... Đồng thời chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.164.

hoặc những hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trái quy định của pháp luật”¹. Rõ ràng nếu thực hiện tốt đoàn kết tôn giáo thì sẽ ngăn ngừa được mối đe dọa an ninh con người từ xung đột tôn giáo (Nhà nước Hồi giáo tự xưng là một ví dụ).

Chín là, ứng phó hiệu quả với thiên tai, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh, bảo đảm tính mạng cho người dân.

Các mối đe dọa từ môi trường đối với con người có thể do chính con người tạo ra và có thể do thiên nhiên gây ra như sóng thần, lũ lụt, hạn hán, thiên tai,... Đảng ta xác định bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu không chỉ là phục vụ phát triển bền vững mà còn là giải pháp quan trọng bảo đảm an ninh con người về môi trường. Chính vì vậy, Đảng ta đề ra nhiệm vụ: “Ngăn chặn và từng bước khắc phục sự xuống cấp của môi trường tự nhiên do chủ quan con người, nhất là do các dự án phát triển kinh tế gây ra”². Hạn chế, tiến tới khắc phục ô nhiễm môi trường, kiềm chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học, duy trì cân bằng sinh thái³. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, ban hành

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.165, 141.

3. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.142.

các chế tài đủ mạnh để bảo vệ môi trường; ngăn chặn, chấm dứt tình trạng gây ô nhiễm môi trường. Tăng cường phòng ngừa và kiểm soát nguồn gây ô nhiễm môi trường¹. Đồng thời chủ động xây dựng, triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm chủ động phòng, chống, hạn chế tác động của lũ, lụt, hạn hán, sạt lở bờ sông, bờ biển, triều cường, xâm nhập mặn²,... Trên cơ sở thực hiện những giải pháp này mới có điều kiện để bảo đảm an ninh môi trường cho con người Việt Nam.

Trong những thập kỷ gần đây, có nhiều dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường, đã và đang bùng phát mạnh ở nhiều nước, khu vực, tác động sâu, rộng tới sự phát triển kinh tế - xã hội trên toàn cầu, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và đời sống của người dân ở nhiều quốc gia. Đảng ta nhận định, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu gây thiệt hại nặng nề. Do đó, Đảng và Nhà nước ta đặt ra yêu cầu giữ vững sự ổn định và phát triển kinh tế, chính trị, xã hội nhưng kiên quyết không đánh đổi tính mạng người dân bằng mọi giá. Trong mọi tình huống, kiên quyết và kiên trì bảo vệ an ninh con người Việt Nam.

1, 2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.144, 145.

Mười là, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

Dân chủ phải được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Bảo đảm để nhân dân tham gia ở tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân.

Để làm được điều đó cần thể chế hóa và nâng cao chất lượng các hình thức thực hiện dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013. Tiếp tục thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; thể chế hóa và thực hiện tốt cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”. Thực hiện tốt phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

Phát huy dân chủ phải đi liền với tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, đề cao trách nhiệm công dân, giữ vững kỷ luật, kỷ cương và đề cao đạo đức xã hội. Phê phán những biểu hiện dân chủ cực đoan, dân chủ hình thức. Xử lý nghiêm những hành vi lợi dụng dân chủ làm mất an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và những hành vi vi phạm quyền dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân nhất là ở cơ sở.

Tổng kết 30 năm đổi mới, Đảng ta đánh giá: “Đảng và Nhà nước tiếp tục ban hành nhiều chủ trương,

chính sách, pháp luật nhằm pháp huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm thực hiện quyền làm chủ của nhân dân”¹. Ngoài ra, Đảng và Nhà nước ta còn đề ra nhiều chủ trương, biện pháp nhằm phát huy vai trò tích cực, chủ động của nhân dân, đẩy mạnh quá trình dân chủ hóa xã hội, nhờ đó mà “Ý thức về quyền và nghĩa vụ công dân, năng lực làm chủ, tham gia quản lý xã hội của nhân dân, ý thức về dân chủ trong xã hội được nâng lên. Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở và Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn có tiến bộ”². Trên cơ sở môi trường dân chủ này, quyền con người, quyền công dân của con người Việt Nam được bảo đảm tốt hơn. Đặc biệt, Đảng và Nhà nước ta luôn “Coi trọng chăm lo hạnh phúc và sự phát triển toàn diện của con người, bảo vệ và bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của con người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà nước ta ký kết”³. Trong một môi trường dân chủ, mọi người được thể hiện, phát huy vai trò, chính kiến của mình thì tất nhiên an ninh con người sẽ có cơ hội, điều kiện được bảo đảm tốt hơn.

Cùng với việc thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền con người, quyền công dân nhằm bảo

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.166, 167, 167.

đảm an ninh con người hiệu quả hơn, thì Đảng ta chủ trương mở rộng hợp tác đối ngoại nhằm phục vụ mục tiêu giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao đời sống nhân dân. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc¹. Trên cơ sở đó giữ vững, củng cố môi trường hòa bình. Trong môi trường hòa bình đó an ninh cá nhân con người sẽ được bảo đảm. Đồng thời, Đại hội XII của Đảng cũng xác định rõ: “Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn dân”². Chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các lực lượng thù địch; đẩy lùi các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, để tạo ra môi trường xã hội hòa bình, thuận lợi cho con người phát triển bền vững. Đó chính là bảo đảm quyền con người tốt nhất. Bởi lẽ, chiến tranh, xung đột vũ trang, tệ nạn xã hội là môi trường mà an ninh con người bị đe dọa trực tiếp nhất, mất an ninh nhất.

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.153.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Sđd, tr.148.

Như vậy, an ninh con người được xác định vừa là mục tiêu vừa là yêu cầu của xã hội mới vừa là nội dung bảo vệ an ninh quốc gia bảo đảm trật tự an toàn xã hội hiện nay; là điều kiện quan trọng trong việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Việc nhận thức đầy đủ về mối quan hệ giữa bảo đảm an ninh con người với các vấn đề phát triển đất nước là một vấn đề hệ trọng của các cấp lãnh đạo cũng như của mọi công dân có trách nhiệm trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Điều đó đã và đang trở thành vấn đề mang tính chiến lược trong phát triển đất nước thời kỳ mới. Với quan điểm coi nguồn lực con người là vốn quý và quan trọng nhất, Đảng và Nhà nước ta xác định phải thu hút và phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân; chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; an ninh con người; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội và giảm nghèo bền vững; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; đồng thời, phải phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tập trung xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

KẾT LUẬN

*H*iện nay, với sự tác động của toàn cầu hóa, sự gia tăng của những rủi ro, đặc biệt là sự gia tăng của các tác nhân xuyên biên giới đã và đang làm thay đổi quan niệm về an ninh và các chủ thể tham gia cung cấp an ninh. Với cách quản trị an ninh truyền thống, một quốc gia có thể giữ được trạng thái ổn định chính trị, không xung đột quân sự, thì điều đó cũng không giúp bảo đảm rằng, người dân của họ được an toàn trước những bất định, bất toàn, bất ổn (những rủi ro) có tính chất xuyên biên giới, mà mặt trái của toàn cầu hóa mang lại.

Trên thực tế, nhiều nhà nước khó có thể kiểm soát, ngăn chặn được các dòng chảy vật chất, tinh thần xuyên qua biên giới của nó (vì thế mới có lực lượng đông đảo là công dân ở các quốc gia nhập vào đội quân thánh chiến toàn cầu theo lời hiệu triệu trên Youtube, Twitter... của Nhà nước Hồi giáo tự xưng).

Nhà nước cũng khó có thể kiểm soát, củng cố và duy trì các dòng chảy tiền tệ, việc làm và hàng hóa, dịch bệnh, di dân tự do hay sự gắn kết nhóm cộng đồng có cùng chủng, sắc tộc, tôn giáo... trong xu thế toàn cầu. Chính những điều đó đã và đang mang lại rủi ro cho nhà nước và cho chính người dân của họ (an ninh con người bị đe dọa).

Bởi vậy, trong xu thế toàn cầu hóa, nhân loại đang chứng kiến một quá trình “thế giới rủi ro”, và các mối đe dọa mới cũng ngày càng gia tăng cả về diện rộng lẫn chiều sâu. An ninh con người đang đứng trước những thách thức mới. Cũng vì thế mà an ninh con người đang bị đặt trước những hiểm họa khôn lường do toàn cầu hóa trực tiếp hoặc gián tiếp mang lại. Nhằm ngăn ngừa những tác động tiêu cực do toàn cầu hóa và những mối đe dọa đang nổi lên hiện nay, một quốc gia siêu cường đến đâu đi chăng nữa, tự nó cũng không thể đương đầu, giải quyết được những rủi ro mà mặt trái của toàn cầu hóa mang lại (trường hợp ngăn chặn dịch bệnh COVID-19 là một trong những ví dụ điển hình cho điều đó). Và trên hết, để có một trạng thái an ninh hiệu quả thì cả nhà nước, thị trường và các tổ chức xã hội phải cùng tham dự với tư cách là *đồng chủ thể cung ứng và bảo đảm an ninh* trong bối cảnh toàn cầu hóa. Đây cũng chính

là một trong những điểm mới cơ bản về an ninh trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Hiện nay, có thể khẳng định rằng, lý thuyết về rủi ro chính là cơ sở của học thuyết an ninh mới - an ninh phi truyền thống, nhằm kiểm soát, phòng ngừa những rủi ro, bất định đe dọa an ninh cá nhân - con người, nhà nước và nhân loại nói chung. Hơn nữa, rủi ro cũng chính là căn cứ thực tiễn để các nhà nước buộc phải xem xét lại cách thức quản trị an ninh. Để những nguy cơ trên không đe dọa sự tồn vong của nhà nước, cũng như của các tác nhân tham dự toàn cầu nói chung, nhà nước cần thay đổi phương thức quản trị an ninh (từ an ninh truyền thống sang an ninh phi truyền thống). Điều này cũng đồng nghĩa, các quan niệm về an ninh truyền thống với chủ thể cung cấp an ninh duy nhất là nhà nước đang ngày càng tỏ ra hạn hẹp và trong nhiều tình huống - không còn phù hợp. Hiện nay, một mình nhà nước không thể gánh vác toàn bộ trách nhiệm cung cấp dịch vụ an ninh cho người dân.

Để được tham dự với tư cách là những chủ thể cung ứng an ninh, tất yếu, các tổ chức xã hội và thị trường phải được sự cho phép và của nhà nước. Tuy nhiên, không loại trừ việc có nhiều chủ thể tham gia

cung ứng an ninh có thể sẽ dễ dẫn đến bị vụ lợi hay suy giảm chức năng của một trong những chủ thể cung ứng an ninh.

Do vậy, để quy giản tính phức tạp và tính đa diện liên quan đến an ninh con người, các chủ thể tham dự và cung ứng an ninh đã đi đến một thống nhất chung về thước đo an ninh là an ninh con người. An ninh con người được coi như mẫu số chung của an ninh, và được các quốc gia trên thế giới thừa nhận như hệ quy chiếu và chuẩn đánh giá chung đối với an ninh.

Với quan điểm “lấy con người làm thước đo” (đo chuẩn mục, hành vi của các chủ thể tham dự an ninh, để các chủ thể không thể biện minh cho những hành vi vụ lợi, nhân danh cung ứng an ninh, nhưng trên thực tế lại làm mất an ninh; trường hợp Nhà nước Hồi giáo tự xưng là một minh chứng), trên thế giới đã có nhiều quốc gia xây dựng, hoạch định chính sách quản trị an ninh, hoặc là bảo vệ an ninh với tiêu chí lấy con người làm thước đo (như trường hợp Canada), hoặc là tạo cơ chế để các tổ chức xã hội tham dự vào chiến lược bảo vệ an ninh con người (như trường hợp EU), hay thúc đẩy quá trình tham dự của thị trường (mà ở đây là các công ty) trong việc bảo vệ môi trường, bảo vệ người tiêu dùng, xóa đói, giảm nghèo, tạo ra các vắcxin phòng chống dịch bệnh...

Mẫu nghiệm cho khả năng ứng phó của Canada, Liên minh châu Âu và Trung Quốc trước các nguy cơ đe dọa an ninh con người là những bài học tham khảo cho Việt Nam nếu trong tương lai không xa gap phải những tình huống tương tự. Những thành - bại của các nhà nước đi trước sẽ giúp cho Việt Nam rút ra những kinh nghiệm quý báu trong xây dựng các chiến lược an ninh của mình. Điều đó đòi hỏi sự nỗ lực lớn không những từ phía Nhà nước mà còn từ chính người dân. Nhận thức được điều đó, Đảng ta khẳng định: Một trong những nhiệm vụ trọng tâm hiện nay là phải thu hút, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân. Chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, giải quyết tốt những vấn đề bức thiết; tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội và giảm nghèo bền vững. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Như vậy, nghịch lý của toàn cầu hóa đòi hỏi trách nhiệm của tất cả các tác nhân tham dự luôn phải tự điều chỉnh và có khả năng tương thích tốt. Điều này có nghĩa, các chủ thể tham dự an ninh toàn cầu

(nhà nước, các tổ chức xã hội và thị trường) phải có khả năng liên kết tốt, quản trị tốt, ngăn ngừa tốt, ứng biến tốt và phục hồi tốt. Nên tăng và mục tiêu cho sự liên đới trách nhiệm trên giữa Nhà nước và các chủ thể tham dự là vì sự an toàn của con người trong một thế giới không an toàn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
2. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.1, 3, 13, 27, 46.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.9.
6. Daron Acemoglu và James A. Robinson: *Tại sao các quốc gia thất bại*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2003.
7. Kofi Annan: “Phải chăng chúng ta vẫn bảo toàn được những giá trị phổ biến”, Tạp chí *Tin nhanh*, Viện Thông tin Khoa học xã hội (36), 2005.

8. Aristotle: *Chính trị luận*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2013.
9. Ban Chấp hành Trung ương Đảng: *Nghị quyết 10-NQ/TW, ngày 9/2/2007 về đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội*, Hà Nội, 2007.
10. Hoàng Chí Bảo: *Đảm bảo bình đẳng và tăng cường hợp tác giữa các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.
11. Hoàng Chí Bảo: *Luận cứ và giải pháp phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở nước ta thời kỳ đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
12. Nguyễn Hồng Bắc: “An ninh con người và vấn nạn buôn người: Các khái niệm chính và một số vấn đề liên quan đến nạn buôn bán phụ nữ và trẻ em Việt Nam”, Tạp chí *Những vấn đề kinh tế thế giới* (11), 2006.
13. Nguyễn Thanh Bình: “Vai trò của hội, tổ chức phi chính phủ trong đổi mới và phát triển đất nước”, Tạp chí *Lý luận chính trị* (4), 2004.
14. Nguyễn Thanh Bình: “Xây dựng nhà nước pháp quyền từ sự hình thành xã hội công dân”, Tạp chí *Công sản* (17), 2004.
15. Bộ Công an: *Đấu tranh chống hoạt động lợi dụng tôn giáo xâm phạm an ninh quốc gia -*

Những vấn đề lý luận và thực tiễn, Kỷ yếu hội thảo khoa học, Hà Nội, 2011.

16. Bộ Công an: *Phòng chống “Tự diễn biến”, “Tự chuyển hóa” trong tình hình mới*, Kỷ yếu hội thảo khoa học, Hà Nội, 2012.
17. Bộ Công an, Hội đồng lý luận Trung ương: *Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới - Quan điểm, nhận diện và khuyến nghị*, Kỷ yếu hội thảo khoa học, Hà Nội, 2013.
18. Bộ Công an, Hội đồng lý luận Trung ương: *Bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người: Kinh nghiệm Việt Nam và quốc tế*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2019.
19. Vương Dật Châu: *An ninh quốc tế trong thời đại toàn cầu hóa*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
20. Doãn Chính, Đinh Ngọc Thạch: *Triết học Trung cổ Tây Âu*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999.
21. N.Chomsky: *Nhận diện quyền lực*, Nxb. Tri Thức, Hà Nội, 2012.
22. Phan Hữu Dật: *Máy vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách liên đến mối quan hệ dân tộc hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.

23. Gilles Dostaler: *Chủ nghĩa tự do của Hayek*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2008.
24. Lưu Bách Dũng: *Khung thể chế phát triển bền vững của một số nước Đông Nam Á và bài học cho Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2011.
25. Nguyễn Duy Dũng: *ASEAN: Từ hội nhập đến cộng đồng - Những vấn đề nổi bật và tác động đến Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012.
26. Luận Thùy Dương: *Kênh đối thoại không chính thức về an ninh và chính trị, Kênh 2 của ASEAN*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
27. Thomas L. Friedman: *Chiếc Lexus và cây ô liu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005.
28. Thomas L. Friedman: *Thế giới phẳng*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2006.
29. Thomas L. Friedman: *Nóng, Phẳng, Chật*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2010.
30. Bùi Trường Giang: “Chủ đề an ninh phi truyền thống và định hướng tham gia của Việt Nam”, Tạp chí *Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới* (5), 2006.
31. A.L.Guardia: *Cuộc chiến không kết thúc*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2006.
32. F.A. Hayek: *Đường về nô lệ*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2009.

33. G.W.F.Hegel: *Các nguyên lý của triết học pháp quyền*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2010.
34. Dương Phú Hiệp: *Tác động của toàn cầu hóa đối với sự phát triển văn hóa và con người Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
35. Đỗ Trung Hiếu: “Một số vấn đề về xã hội công dân”, Tạp chí *Triết học* (10), 2002.
36. Đỗ Trung Hiếu: *Một số suy nghĩ về xây dựng nền dân chủ ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
37. Nguyễn Huy Hoàng: *Đảm bảo quyền con người trong hoạt động tư pháp ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2004.
38. Tăng Huệ: *Nghiên cứu xây dựng thể trạng biên phòng toàn dân bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003.
39. S.Huntington: *Sự va chạm của các nền văn minh*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2003.
40. Nguyễn Đình Hùng: *Phát huy nhân tố con người đội ngũ cán bộ Bộ đội Biên phòng trong bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị Bộ Quốc phòng, Hà Nội, 2006.
41. Hà Mỹ Hương: “An ninh Đông Nam Á trong chiến lược của Mỹ”, Tạp chí *Công sản* (17), 2007.

42. Lương Thị Thu Hường: “Chủ nghĩa Islam khủng bố và một số vấn đề đặt ra”, Tạp chí *Nghiên cứu tôn giáo* (1), 2015.
43. Immanuel Kant: *Phê phán năng lực phán đoán*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2007.
44. Nguyễn Khánh: *Một số suy nghĩ về mối quan hệ giữa Đảng - Nhà nước và Nhân dân*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
45. Krishnamurti: *Đối mặt với thế giới hoảng loạn*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2008.
46. Đặng Vũ Liêm: *Nhân dân các dân tộc trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới phía Bắc*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị Bộ Quốc phòng, Hà Nội, 1996.
47. Vũ Tuyết Loan: “An ninh phi truyền thống ở châu Á - Thái Bình Dương: Vấn đề và giải pháp”, Tạp chí *Cộng sản* (23), 2006.
48. John Locke: *Khảo luận thứ hai về chính quyền*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2007.
49. Nguyễn Khắc Mai: *Vị trí, vai trò các hiệp hội quần chúng ở nước ta*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1996.
50. Ludwig Von Mises: *Chủ nghĩa tự do truyền thống*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2013.
51. Montesquieu: *Bàn về tinh thần pháp luật*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1996.

52. Gerd Mutz: “Xã hội dân sự ở Việt Nam - Trách nhiệm và tiềm năng xã hội”, *Công bằng xã hội, trách nhiệm xã hội và đoàn kết xã hội*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2008.
53. Ông Văn Năm, Lý Hoàng Ánh: *Quyền lực tri thức trong tư tưởng chính trị của Alvin Toffler*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013.
54. Nguyễn Văn Niên: *Xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
55. Ngân hàng Thế giới: *Nhà nước trong một thế giới đang chuyển đổi. Báo cáo về tình hình phát triển thế giới 1997*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
56. Ngân hàng Phát triển châu Á: *Phục vụ và duy trì, cải thiện hành chính công trong một thế giới cạnh tranh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.
57. Đinh Trọng Ngọc: *Phát triển kinh tế xã hội miền núi biên giới phía Bắc và tác động của nó tới tăng cường sức mạnh bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới ở vùng này*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Hà Nội, 2001.
58. Trần Đình Nhã: *Bổ sung và hoàn thiện một bước cơ sở pháp lý cho hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới*, Đề tài khoa học cấp Nhà nước mã số KX.07.08, Hà Nội, 2004.

59. Douglas North: *Thế chế, thay đổi thế chế và vận hành kinh tế*, New York, Cambridge University Press, Bản dịch dành cho mục đích giảng dạy của FETP do Cao Hào Thi, Trần Thị Kim Chi, Nguyễn Thị Xinh Xinh, Thư viện Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright, 1990.
60. F.D. Peat: *Từ xác định đến bất định*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2012.
61. Alain Pellet: *Chủ quyền quốc gia và bảo vệ những quyền con người cơ bản*, Nxb. Viện Thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003.
62. J.Perkins: *Lời thú tội của một sát thủ kinh tế*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2013.
63. Thang Văn Phúc: *Vai trò của các hội trong đổi mới và phát triển đất nước*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
64. Thang Văn Phúc, Nguyễn Minh Phương: *Phát huy vai trò của các tổ chức xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.
65. Vũ Văn Phúc: *Phòng, chống “Tự diễn biến” “Tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013.
66. Đỗ Nguyên Phương, Trần Ngọc Đường: *Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1992.

67. Nguyễn Minh Phương: “Vai trò của xã hội dân sự ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí *Triết học* (2), 2006.
68. Plato: *Cộng hòa*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2013.
69. Lê Minh Quân: *Xây dựng nhà nước pháp quyền đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.
70. Lê Minh Quân, Bùi Việt Hương: *Về quyền lực trong quản lý nhà nước hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.
71. Jean-Jacques Rousseau: *Bàn về khế ước xã hội*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2004.
72. Tô Huy Rứa: *Mô hình tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị một số nước trên thế giới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
73. Sen: *Căn tính và bạo lực: Huyền tưởng về số mệnh*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2012.
74. Đặng Kim Sơn: *Ba cơ chế thị trường, nhà nước và cộng đồng ứng dụng cho Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
75. Bùi Văn Nam Sơn: “Xã hội nguy cơ: sống trong sợ hãi”, 2010, <http://vietsciences.free.fr/vietnam/donggopxaydung/xahoinguyco.htm>.
76. Phan Xuân Sơn: *Các đoàn thể nhân dân với việc bảo đảm dân chủ ở cơ sở hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

77. Lê Minh Tâm, Vũ Thị Nga: *Giáo trình lịch sử Nhà nước và Pháp luật Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2002.
78. Trần Hậu Thành: *Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
79. Trần Hậu Thành: “Một số vấn đề lý luận về quan hệ nhà nước, xã hội và công dân trong nhà nước pháp quyền”, *Tạp chí Triết học* (6), 2005.
80. Hồ Thắm, Thành Hồng Phương, Trịnh Lê Nam: *Khủng bố và chống khủng bố*, Nxb. Thông tấn, Hà Nội, 2006.
81. Nguyễn Văn Thắng: *Vấn đề an ninh, quốc phòng trong lĩnh vực tôn giáo, dân tộc*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2001.
82. Nguyễn Vĩnh Thắng: *Quốc phòng - an ninh trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
83. Hồ Bá Thâm: *Bàn về mâu thuẫn xung đột lợi ích hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
84. Hồ Bá Thâm, Nguyễn Tôn Thị Tường Vân: *Phản biện xã hội và phát huy dân chủ pháp quyền*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

85. Cao Văn Thống, Sa Thị Hồng Lan, Phạm Văn Đức: *Nhận diện về “Tự diễn biến” “Tự chuyển hóa” và giải pháp đấu tranh ngăn chặn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013.
86. A.Tocqueville: *Nền dân trị Mỹ*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2008.
87. Đinh Công Tuấn: *Hệ thống an sinh xã hội của EU và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2008.
88. Đinh Công Tuấn: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về xã hội dân sự ở Liên minh châu Âu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2010.
89. Lê Anh Tuấn: *Thế kỷ 21 một số vấn đề đáng quan tâm*, Nxb. Khoa học kỹ thuật, Hà Nội, 2000.
90. Nguyễn Quang Tuấn: “Tăng cường sự tham gia của người dân trong quá trình hoạch định chính sách”, Tạp chí *Cộng sản* (20), 2006.
91. Tạ Minh Tuấn (Chủ nhiệm): *Các thách thức an ninh phi truyền thống ở Đông Nam Á: tác động đối với ASEAN và Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học, Học viện Quan hệ quốc tế, Hà Nội, 2004.
92. Phạm Đình Triệu: *Kết hợp kinh tế với quốc phòng trong bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia trên tuyến biên giới đất liền của Bộ đội*

Biên phòng Việt Nam hiện nay, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng, Hà Nội, 2012.

93. A.I. Utkin: “Thế giới mới sau tháng chín năm 2001”, Tạp chí *Tin nhanh*, Viện Thông tin Khoa học xã hội (28), 2003.
94. Lý Vĩ, Phù Xuân Hoa: *An ninh phi truyền thống và quan hệ quốc tế - Đại cục diện chiến lược toàn cầu*, Nxb. Thời sự, Hà Nội, 2000.
95. Viện Khoa học Công an: *Về tôn giáo và công tác đấu tranh chống phản động lợi dụng tôn giáo*, Hà Nội, 1996.
96. Phạm Thái Việt: *Toàn cầu hóa những biến đổi lớn trong đời sống chính trị quốc tế và văn hóa*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2006.
97. Phạm Thái Việt: *Vấn đề điều chỉnh chức năng và thể chế của nhà nước dưới tác động của toàn cầu hóa*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2008.
98. Võ Khánh Vinh: “Mối quan hệ giữa xã hội - cá nhân - nhà nước trong nhà nước pháp quyền và vai trò của nó trong việc xác định mô hình tổng thể nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam”, Tạp chí *Nhà nước và pháp luật* (2), 2006.
99. Võ Khánh Vinh: *Xung đột xã hội: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2010.

100. Vụ Quản lý khoa học công nghệ: *Đạo Tin lành - Những vấn đề liên quan đến an ninh trật tự ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2000.
101. Nguyễn Việt Vương: *Các đoàn thể nhân dân trong nền kinh tế thị trường*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.
102. Trương Như Vương, Hoàng Ngọc Sơn, Trịnh Xuân Hạnh: *Lịch sử biên giới trên đất liền giữa Việt Nam với các nước láng giềng*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2007.
103. Trần Minh Vy: *Một số quy định pháp luật về quản lý, tổ chức và hoạt động của các hội và đoàn thể xã hội*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2002.
104. Raymond Wacks: *Triết học luật pháp*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2011.
105. Nguyễn Xuân Yêm: *An ninh kinh tế thời kỳ hội nhập và gia nhập WTO*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2008.
106. Nguyễn Xuân Yêm, Nguyễn Minh Đức: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn phòng ngừa tội phạm trong bối cảnh toàn cầu hóa*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2011.
107. S.Yongqing: “Xã hội loài người đi về đâu”, Tạp chí *Tin nhanh*, Viện Thông tin Khoa học xã hội (76 + 77), 2002.

108. L. Yvo: *Những vấn đề địa - chính trị, Hồi giáo, biển, châu Phi*, Nxb. Trẻ, Hà Nội, 2002.
109. V.D. Zotov: “Các nền văn minh thế kỷ XXI - Xung đột và chiến tranh hay đối thoại và hợp tác?”, Tạp chí *Tin nhanh*, Viện Thông tin Khoa học xã hội (12+13), 2006.

Tiếng Anh

110. Arnold Wolfers: *National Security as an Ambiguous Symbol*, Political Science Quarterly Publisher, 1952.
111. Bill McSweeney: *Security, Identity and Interests*, Cambridge Press, 1999.
112. Christine Laliberte, Peter Broder: “Security for a Civil Society”, 2004, http://www.carold.ca/publications/BLGD/aseStudies/3_Security_Christine_Laliberte_Peter_Broder_en.pdf.
113. Commission on Human Security: “Human Security Now”, New York, 2003.
114. C.M.Hann, Elizabeth Dunn: *Civil Society*, Routledge Publisher, 1996.
115. Dan Caldwell, Robert E.Williams: *Seeking Security in an Insecure World*, Rowman & Littlefield Publishers, 2006.
116. David Held: “Globalization: Executive Summary”, 1999, <http://www.polity.co.uk/global/executiv.htm#intro.March>.

117. D. Brown: "In Canada, Exceptions are Rules for Al-Jazeera", *Washington Post*, July 26, 2004.
118. Georg Frerks, Berma Klein Goldewijk: *Human Security and International Insecurity*, Wageningen Academic Publisher, 2007.
119. Gidden Anthony: *The Consequences of Modernnity*, Stanford University Press, 1990.
120. Gidden Anthony: *The Third Way: The Renewal of Social Democracy*, Cambridge Polity Publisher, 1998.
121. Government of Canada: "Canada's human security agenda for the Hemisphere", *Notes for an address by the Honourable Lloyd Axworthy, Minister of Foreign Affairs, to the Instituto Tecnologico Autonomo de Mexico (ITAM)*, 1999.
122. Philip Babcock Gove: *Webster's Third New International Dictionary of the English Language*, Published by G. & C. Merriam Co, 1976.
123. Hirst.p & Thomson. G: "Globalization in Question: the International Economy and the Possibilities of Governance", *Cambridge Mass*, 1996.
124. John Adams: *Rick*, UCL Press, London, 1995.
125. Krasner Stephen: "Sovereignty", *Foreign Policy* (122), 2001.

126. Malcolm McIntosh, Alan Hunter: *New Perspectives on Human Security*, Greenleaf Publisher, 2010.
127. Marlies Glasius, David Lewis, Hakan Seckinelgin: *Exploring Civil Society*, Routledge Publisher, 2004.
128. Michael W. Doyle: “The Challenge of Worldwide Migration”, *Journal of International Affairs* (2), 2004.
129. Patrick M Morgan: *International Security: Problems and Solutions*, CQ Press, 2006.
130. Paul B. Starge: *New Security Agenda: A Global Survey*, Japan Centre for International Exchange, 1995.
131. Paul Slovic: *The Feeling of Risk: New Perspectives on Risk Perception*, Earthscan Press, 2010.
132. Peter Hough: *Understanding Global Security*, Routledge Press, 2004.
133. Sheldon Krimsky and Dominic Golding: *Social theories of risk*, Praeger Press, 1992.
134. Sean Kay’s: *Global security in the twenty-first Century*, Rowman & Littlefield Publishers, 2006.
135. Smith M. K. and Smith M.: “Globalization: the encyclopedia of informal education”, 2002, <http://www.infed.org/biblio/globalization.htm>.

136. Taylor Owen: *Challenges and Opportunities for Defining and Measuring Human Security*, Publisher Geneva, 2004.
137. Ulrich Beck: *Risk Society*, Polity Press, 1992.
138. Ulrich Beck: *World at Risk*, Polity Press, 1992.
139. UNDP: *Human Development Report 1994, New dimensions of human security*, Oxford University Press, New York, 1994.

MỤC LỤC

	Trang
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Chương I</i>	
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ AN NINH CON NGƯỜI TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA	9
I- An ninh con người	9
II- Khái niệm và đặc trưng của toàn cầu hóa	30
<i>Chương II</i>	
NHỮNG ĐIỂM MỚI VỀ AN NINH CON NGƯỜI TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA	40
I- “An ninh con người” dưới nhãn quan “an ninh phi truyền thống”	40
II- An ninh con người - Thước đo an ninh trong bối cảnh toàn cầu hóa	66
III- Vấn đề “chủ thể” bảo đảm/cung cấp an ninh con người	70

<i>Chương III</i>	
KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ NHỮNG BÀI HỌC CHO VIỆT NAM	81
I- “An ninh con người” của một số nước trên thế giới	81
II- Bài học cho Việt Nam	133
<i>Chương IV</i>	
BẢO ĐẢM AN NINH CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	140
I- Một số mối đe dọa đang nổi lên hiện nay	140
II- An ninh con người trên một số lĩnh vực ở Việt Nam hiện nay	163
III- Một số giải pháp cơ bản góp phần bảo đảm an ninh con người ở Việt Nam hiện nay	173
<i>Kết luận</i>	199
<i>Tài liệu tham khảo</i>	205

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT, Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

GS. Ngô Trung Dân

- CỐT LÕI CỦA QUẢN TRỊ XÃ HỘI - 12 CHUYÊN ĐỀ
VỀ MÂU THUẦN XÃ HỘI

TS. Nguyễn Việt Lâm (Chủ biên)

- CHÍNH SÁCH AN NINH MẠNG TRONG QUAN HỆ
QUỐC TẾ HIỆN NAY VÀ ĐỐI SÁCH CỦA VIỆT NAM

TS. Nguyễn Thị Thanh Thùy

- PHÒNG NGỪA CÁC TỘI XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY



Giá: 77.000đ